

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



Crossing river—Ven. Thích Thiên Long

“Nếu muốn khuyên người khác nên làm như mình, trước hãy sửa mình rồi sau sửa người. Tự sửa mình vốn là điều khó nhất.” (*Kinh Pháp Cú, Câu 159*)

“As he instructs others so should he himself act. Himself fully controlled, he then control others; for oneself, indeed, is difficult to control.” (*Dhammapada, Verse 159*)



THÁNG 06.2017



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148 / (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Huệ Cảnh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: Vĩnh Hào
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: HT. Thích Thiện Long

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo/Phát hành:
(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ♦ **XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 8
- ♦ **THĂNG TỬ HẰNG NĂM** (thơ ĐNT. Tín Nghĩa), trang 9
- ♦ **KAPPA** (Thiền sư Bankei – NS Trí Hải dịch), trang 11
- ♦ **TÂM ÂNH HƯỜNG CỦA TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO** (Nguyễn Hạnh dịch), tr. 12
- ♦ **SỪ XANH, NGHÌN TRÙNG, HUÔNG CHI** (thơ Phù Du), trang 16
- ♦ **TÂM THƯ VẬN ĐỘNG MUA CƠ SỞ MỚI LÂM CHÙA BÁT NHÃ** (HT. Thích Nguyên Trí) 17
- ♦ **TỪ NGỌN ĐUỐC TUỆ 1963 ĐẾN TÌNH YÊU THƯƠNG** (Nguyễn Văn Sâm), tr. 18
- ♦ **THIỆN TẬP VÀ CẢNH SÁT** (Nguyễn Giác), trang 21
- ♦ **THI KỆ "BÓN NÚI" CỦA TRẦN THÁI TÔNG** (Nguyễn Lương Vỵ dịch), trang 23
- ♦ **THAI ĐỘ SAI LÂM CỦA PHẬT TỬ VIỆT NAM HIỆN TẠI** (TS. Thích Thanh Từ), trang 25
- ♦ **NGỌN LỬA TỪ BI** (thơ Tánh Thiện), tr. 26
- ♦ **BIKKHU SILACARA** (HT. Thích Trí Chơn), trang 29
- ♦ **TỊNH** (thơ Diệu Linh), trang 30
- ♦ **THIÊN SƯ LIỄU QUẢN - Phật Pháp thứ Năm** (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 31
- ♦ **ĐẠI KHÔN – Câu chuyện dưới cờ** (Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi), trang 32
- ♦ **TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ - KHAI BÁO THỜI GIAN LÀM VIỆC** (Huỳnh Tấn Lê biên soạn), trang 33
- ♦ **SỨC SÁNG TẠO CỦA GIỚI PHẬT TỬ ĐẠI CHÚNG** (Nguyễn Lang), trang 34
- ♦ **BÀI HỌC TỪ CHIẾC BẦY MÔI** (TN Liên Trí - Hằng Như), trang 36
- ♦ **MÙA VÀ HOA BƯỞI** (thơ Huệ Trân), tr. 39
- ♦ **THÔNG BẠCH SỐ 2 - VỀ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ** (Thích Nữ Nguyên Thiện), tr. 40
- ♦ **PHIẾU GHI DANH THAM DỰ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ**, tr. 44
- ♦ **PHIẾU BÁO TRỢ QUỸ CHUYỂN PHÁP LUÂN - YẾM TRỢ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ**, tr. 45

- ♦ **TAM BIỆT, ANH THẢO** (Nguyễn Thị Minh Thủy), trang 47
- ♦ **VÔ ƯU** (thơ Xuyên Trà), trang 48
- ♦ **NHỮNG CẢNH HOA TRÔI** (Lam Khê), trang 49
- ♦ **TRÔI THEO DÒNG ĐỜI** (thơ Tâm Không Vĩnh Hữu), trang 51
- ♦ **HUYẾT ÁP THẤP** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 52
- ♦ **CẨM NHẬN SAU KHI CỎI PHIM BUD-DHA 54 TẬP** (Chân Huyền), trang 54
- ♦ **NỬA KHUYA THỨC GIÁC** (thơ Mặc Phương Tử), trang 56
- ♦ **NẤU CHAY: ĐẠM KHO CHAY** (Kim), trang 57
- ♦ **QUỖ LA SÁT** (Thích Minh Chiếu soạn), trang 58
- ♦ **TRUYỆN NGÀN TRĂM LINH TÂM CHỦ** (Steven N.), trang 59
- ♦ **ANH CHÀNG BÓN VỢ** (truyện thơ Tâm Minh Ngô Tằng Giao), trang 60
- ♦ **TẠI SAO SỰ VIỆC XÂY ĐẾN CHO CHÚNG TA** (Nguyễn Thanh Khiết), trang 61
- ♦ **SỨC MẠNH CỦA BÓNG TỐI** (Vân Anh Wemder), trang 64
- ♦ **STORY OF CULASARI** (Daw Mya Tin), trang 65
- ♦ **HAI NHÀ XUẤT BẢN PHẬT HỌC VỚI NHIỀU SÁCH GIÁ TRỊ...** (Việt Báo), trang 66
- ♦ **THÁNG NĂM HOA VÀNG NỜ, EM VÈ PHỔ HẠ** (thơ Du Tâm Lăng Tử), tr. 68
- ♦ **CHÙA BÁT NHÃ TRANG NGHIÊM TỎ CHỨC ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN** (Bình Sa), trang 70
- ♦ **HÌNH ẢNH ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN CỦA CHÙA BÁT NHÃ, SANTA ANA, CALIFORNIA** (Dzũng Nguyễn), trang 72
- ♦ **PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG – chương 15, t.t. và hết** (Vĩnh Hào), trang 74



Báo Chánh Pháp số 67, tháng 06 năm 2017, do ĐLHT. Thích Thắng Hoan (CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện Đại Lão Hòa Thượng pháp thể kính an, chúng sinh dị độ; chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

NGÔN NGỮ VÀ SỰ THẬT

Từ vụ Đại Bùng nổ (Big Bang) đến kỷ nguyên gọi là “Bùng nổ Thông tin” (the Information Explosion) cách nhau khoảng 15 tỉ năm.

Vũ trụ theo lý thuyết Big Bang đã theo thời gian giãn nở, bành trướng không cùng tận. Ngày nay chúng ta thấy sự bùng nổ thông tin cũng trong tiến trình khuếch trương, mở rộng, không giới hạn. Nhưng thế giới loài người trên hành tinh này, chỉ là một hạt bụi nhỏ trong hàng tỉ tỉ định tinh và hành tinh trong vô số thiên hà... Nghiệm về thời gian và không gian vô cùng tận của vũ trụ để thấy thân phận nhỏ nhoi của trái đất, và của lịch sử văn minh loài người (kể từ khi bắt đầu đời sống nông nghiệp, và có chữ viết—sớm nhất là từ 5000 năm cho đến 8000 năm trước công nguyên). Vũ trụ mênh mông vô hạn như thế, cho nên Trần Tử Ngang (thời Sơ Đường, thế kỷ thứ 7, chưa có thuyết Big Bang) nhìn trời nhìn đất bằng mắt thường mà đã “*niệm thiên địa chi du du*” (1) rồi.

Thử nhìn lại từ thuở phôi thai của ký họa, ký tự, văn tự cho đến thời đại “bùng nổ thông tin” ngày nay, văn học thế giới đã từng nhiều lần canh tân, cách tân qua những trào lưu hiện đại, hậu hiện đại, (và chuẩn bị cho) hậu-hậu hiện đại... đã tiến đến mức nào? Và phải chăng vì “thông tin” bùng nổ, tràn lan, “quá tải” (information overload) đã giết chết văn học và nghiêm nhiên chiếm lĩnh các văn đàn, thi đàn, diễn đàn liên mạng? Chính vì thông tin quá tải mà người ta chỉ đọc vội vàng, qua loa những gì hấp dẫn, “nóng sốt,” chẳng còn thời giờ đâu mà nhẩn nha đọc thơ, đọc truyện, thường thức văn chương thi phú. Thông tin bùng nổ rất bỏ ỉch cho việc “truyền thông” tự do và trung thực tin tức của mọi quốc gia, châu lục, và đồng thời cũng rất có hại cho những chính quyền độc tài, toàn trị, gia đình trị; rất bỏ ỉch cho người chịu khó học hỏi, cầu tiến, và rất hại cho kẻ lười biếng tư duy, điên cuồng bảo vệ niềm tin và thói quen tôn thờ lãnh tụ của mình.

Nhìn chung, thế giới chữ nghĩa hiện nay, thông tin nhiều, thông hiểu ít; văn tự nhiều, ý nghĩa cạn; nói nhiều, làm không bao nhiêu, hoặc nói mà không làm, hoặc nói một đằng làm một nẻo; nói khoác lác khoa trương hình thức thì nhiều, thực chất thì rỗng tuếch... Phương tiện thông tin thì vô hạn, ai cũng có thể mở một hay nhiều tài khoản (accounts) trên mạng, đăng tin, đăng thơ văn của mình, đạo thơ văn của người (cố ý hay vô tình), đăng hình ảnh, đăng chuyện riêng tư, đăng chuyện thiên hạ (tôn giáo, chính trị, xã hội)... Từ một tổng thống (uyên bác hay ít học) cho đến những kẻ nghèo cùng (trí thức hay học ít), đều bình đẳng như nhau: ai cũng có một trang riêng, một thế giới riêng của mình để tự giới thiệu bản ngã, tên tuổi, đời sống cá nhân hay những gì mình làm, bệnh vực hoặc chỉ trích người khác, để rồi tạo nên những diễn đàn đánh phá, công kích lẫn nhau. Rồi có chuyện tin giả, tin thật.

Lại có chuyện “bôi nhọ lãnh đạo” (của tôn giáo hay chính quyền) để rồi có lệnh cấm. Thế giới thông tin, chữ nghĩa đúng là đã bùng nổ. Không chuyện gì có thể giấu mãi. Không chuyện gì có thể được lượng giá một chiều. Thật-giả, vàng-thau lẫn lộn, hỗn tạp, nhồn nháo, ồn ào trên một sân chơi mở rộng. Nhưng tin thật hay tin giả, rồi cũng được sàng lọc theo thời gian, theo nhận thức chín chắn của mọi người. Cuối cùng, bên dưới, và đằng sau những ngôn từ, vẫn là sự thật (của thế giới tương đối), là chân lý (của cảnh giới tuyệt đối).

Ngôn ngữ thực ra chỉ là bóng dáng của sự thật. Ngôn ngữ được sử dụng để nói về sự thật, hướng dẫn truy tìm sự thật. Chức năng của ngôn ngữ là tìm cách đặt tên, gọi tên sự thật, nên muốn đời ngôn ngữ chỉ là biểu tượng của sự thật chứ không phải sự thật. Nhưng không có ngôn ngữ, người ta cũng không thể nào tiếp cận được sự thật. Vì vậy, ngôn ngữ một thời hầu như chỉ được sử dụng bởi những đầu óc uyên thâm: nhà hiền triết, nhà đạo, nhà ngôn ngữ, nhà “phủ thủy ngôn ngữ,” nhà văn, nhà thơ... như là những mặt ngôn thiêng liêng có thể chạm đến những tầng trời cao ngất, những chìa khóa vạn năng có thể mở vào các cảnh giới nội tâm sâu thẳm. Ngày nay, hầu như tất cả mọi người đều được quyền bình đẳng sử dụng ngôn ngữ của mình trên một mạng lưới trùm khắp cõi nhân gian phức tạp, nhầy nhụa. Và một khi, ai cũng có thể cất được tiếng nói, sự thật càng khó hiển bày. Mặt khác, nhu cầu sinh hoạt liên mạng toàn cầu cũng đòi hỏi thứ ngôn ngữ “bá nạp,” hồ lớn, dón gọn, vắn tắt, giống như những ký hiệu, đầu tự ngữ (acronym) để dân xứ nào cũng có thể hiểu được, hoặc đoán ra được; cho nên, ngôn ngữ (và văn hóa) đặc thù của mỗi sắc dân đang trên đà biến hoại để tiến dần đến một thứ ngôn ngữ (và văn hóa) chung.

Giữa ngôn ngữ và sự thật là một lớp cách ly sâu dày, nay lại phủ thêm nhiều lớp sương mù từ tính cách thật/giả, trung thực/ngoa ngụy, sang cả/ngheo mạt... Có những sự thật bị giấu kín từ lâu, nay phơi bày hiển nhiên khiến người ta ngỡ ngàng, kinh ngạc, xúc động; nhưng phơi bày nhiều quá và lặp đi lặp lại quá nhiều lần đến độ những gì tốt đẹp nhất hay tệ hại nhất cũng trở thành phổ thông, bình thường, thì nhận thức và cảm xúc của con người sẽ trở nên lơ lửng, vô cảm. Từ cảnh giới liên mạng này, những gì huyền ảo trở nên rất thật, những gì trung thực trở nên rất ảo. Người ta phải thật sáng suốt và tỉnh tể mới có thể nhìn xuyên thấu những lớp sương mù dày đặc của ngôn ngữ, văn tự, ký hiệu... để nhận chân được sự thật của đời sống.

Và sự thật trên đời, sau màn ảnh của máy vi tính, máy tính bảng, điện thoại di động... là vẫn có hàng chục triệu trẻ em thiếu dinh dưỡng, đã và sắp chết đói ở châu Phi. Sự thật là hàng mấy trăm triệu cho đến một tỉ người dân suốt đời, qua bao thế hệ, vẫn chưa thấy được tự do no ấm thực sự trên quê hương của thi sĩ Trần Tử Ngang—kẻ từng rơi lệ khóc một mình (1). Sự thật là trên

hai chục triệu người dân phải còng lưng làm việc đầu tắt mặt tối (vẫn không đủ ăn) để nuôi dưỡng một chế độ độc tài tập quyền, cha truyền con nối tại một nước hung hăng lấy vũ khí hạt nhân ra để buộc thế giới quan tâm. Sự thật là ngay trên xứ sở được cho là hùng mạnh, văn minh hàng đầu thế giới, vẫn có hàng triệu người thất nghiệp, thiếu ăn, không nhà, và đâu đó vẫn còn nạn kỳ thị chủng tộc bởi những người tự cho mình là hàng thượng đẳng (supremacy). Sự thật là hàng chục triệu người dân nghèo đói, thất nghiệp triền miên, tiếp tục đấu tranh, biểu tình đòi tự do dân chủ tại một nước Nam Mỹ đang hăm hở tiến lên chủ nghĩa xã hội. Sự thật là các cuộc chiến từ những quốc gia Trung Đông đã tạo nên làn sóng tị nạn chưa từng có, với hàng triệu người di cư đường bộ, đường biển; và riêng tại Syria đã có hơn 300 ngàn người chết vì bom đạn. Sự thật là hàng mấy chục triệu người dân vẫn tiếp tục chịu đựng sự mất chủ quyền làm dân, mất chủ quyền trên lãnh hải lãnh thổ của mình, mất tất cả quyền căn bản của con người trên chính xứ sở được mệnh danh bốn ngàn năm văn hiến. Sự thật là hàng triệu người dân ven biển phải bị trắng tay, thất nghiệp, chịu ảnh hưởng môi trường nhiễm độc nhiều thế hệ để làm giàu cho một chế độ chỉ biết thỏa hiệp làm lợi cho tư bản nước ngoài, thậm chí bán đất bán biển do tổ-tiên để lại... Như vậy, như vậy, những sự thật càng lúc càng được phơi bày rõ ràng, cụ thể hơn, nhưng những kẻ vô tâm, man trá, vẫn há hê sung sướng, mặc tình bao thống khổ của lương dân, tiếp tục bòn rút, thụ hưởng những đặc quyền đặc lợi cho cá nhân, gia đình, thân tộc, và bè đảng của mình.

Ngôn ngữ nhân gian bây giờ như thế. Những dối trá thì được nhà cầm quyền ca tụng, bắt người dân phải tin là thật, trong khi sự thật có chứng cứ rõ rệt khi được báo động lên mạng, không đúng ý và chủ trương của lãnh đạo thì bị cho là tin giả, tìm cách bôi xóa, ngăn chặn, kết tội phản động, phản quốc. Thống khổ nhân tiên đã không được nói đến cận kề, không tìm ra được những phương lược giải quyết, dù chỉ tương đối trên bề mặt hiện tượng; trong khi những từ ngữ trừu tượng như văn minh, văn hóa, độc lập, tự do, hạnh phúc thì càng trừu tượng xa vời hơn bao giờ. Giá trị nội tại của các từ ngữ này đã bị đục ruỗng và trống hoác bên trong, không còn gọi lên chút gì để mà liên tưởng.

Ngôn ngữ nhân gian đã thế, ngôn ngữ nhà đạo cũng không kém phần xa vời, khô khan, sáo rỗng. Có thể nói thật nhiều về “Khổ đế” (2) mà không liên kết, bao hàm được nỗi thống khổ vô vàn của đồng loại chung quanh. Có thể nói thật nhiều về “vô ngã” mà càng lúc càng thấy cái ngã bành trướng, khuếch trương, bùng nổ y như cách thể vận hành của Big Bang, hoặc gần hơn như vụ Bùng nổ Thông tin, về chính cá nhân mình.

Làm sao mà ra nông nổi như vậy! Chỉ vì ngôn ngữ, hay vì mạng lưới thông tin? Có thể nào dẹp hết ngôn ngữ văn tự chẳng? Có thể nào cất bỏ các mạng lưới chẳng? — Không. Ngôn ngữ tự nó không hại, phương tiện truyền đạt ngôn ngữ cũng không tệ. Tệ hại hay không là do chính người sử dụng, và người đọc, người nghe.

Vậy, với tình trạng của ngôn ngữ và sự thật ngày nay, nhà đạo sẽ nói gì, sử dụng phương tiện thiện xảo nào để truyền đạt lý tưởng và con đường cao đẹp của mình? — Chắc chắn vẫn là lần theo dấu vết của người xưa mà trực nhận chân lý. Như Tăng Duệ trong bài Tựa viết cho *Trung Luận*, từng nói “*Cái Thật mà không được*

nêu danh thì không thể tỏ ngộ” (3). Mặt trắng mà không có ngón tay hướng dẫn cũng khó nhìn thấy (4). Nhưng đừng mãi chấp vào cái *danh* (tên, ngôn ngữ, văn tự, ký hiệu...); cũng đừng ba hoa về ngón tay khi chính mình không chịu nhìn về hướng trắng; cũng đừng trách ngón tay sao không phải là mặt trắng.

Thực ra thì một lúc nào đó sẽ không cần ngón tay nữa mà vẫn có thể thấy trắng, ngấm trắng. Ngôn ngữ cũng vậy, chỉ là phương tiện để hiển thị sự thật; khi đạt được sự thật, ngôn ngữ sẽ không còn cần thiết. Nhưng ngôn ngữ, chính nó cũng là sự thật trong thế giới tương đối. Ngôn ngữ có đời sống của nó, dù là từ ngữ hay sinh ngữ; và đời sống của ngôn ngữ cũng có thật như đời sống của nhân loại. Nó vừa là những ký hiệu giả định và diễn đạt về một sự thật mà đồng thời chính nó cũng là một sự thật. Sự thật của ngôn ngữ tạo nên nền văn học của quốc gia và thế giới, đồng hành với nhân loại qua bao lịch sử thăng trầm; và thường khi chính văn học (phân thân, hóa thân của ngôn ngữ) đã góp phần thăng hoa, giải thoát con người khỏi cuộc đời khổ đau này.

Chỗ diệu dụng của nhà đạo là làm sao có thể cất được tiếng nói như thực, sao cho tiếng nói ấy không quá xa rời sự thật. Tránh nói quàng xiên về những gì mình không làm được; vì càng nói nhiều về cái không biết, không hiểu, không chứng, chính ngôn ngữ nhà đạo cũng trở thành xảo ngôn, sáo ngữ. Hãy tôn trọng ngôn ngữ như đã tôn trọng sự thật. Hãy nói lời trung thực; bằng không, hãy im lặng.

Dù thế nào, trắng vẫn luôn hiển hiện trên vòm trời xanh, hạ, thu, đông; vẫn thơ mộng như dáng kiều tha thướt đi qua nghìn năm thiên cổ lụy; vẫn luôn soi chiếu trên sông biển mênh mông lai láng... Năm xưa trắng mọc trên sông Niranjara (5) thế nào thì nay vẫn thế. Sông cạn, núi mòn, vẫn còn một vầng trắng vằng vặc soi sáng đất trời bao la.

- (1) Trong bài “**Đăng U Châu Đài Ca**” của thi sĩ Trần Tử Ngang:

*“Tiền bất kiến cổ nhân,
Hậu bất tri lai giả.
Niệm thiên địa chi du du
Độc thương nhiên nhi lệ hạ.”*
Vĩnh Hảo dịch:

Bài ca lúc lên đài U Châu
*Ngoảnh trước người xưa không thấy
Ngoái sau người mới chưa sinh
Nghiệm lẽ mang mang trời đất
Bất chợt lệ sa một mình.*

- (2) *Khổ đế* là một trong Tứ Diệu đế (4 Sự Thật Cao Quý, giáo lý nền tảng của Phật giáo)
- (3) *Trung Luận* — Tuệ Sỹ dịch. “實非名不悟” Thật phi danh bất ngộ.
- (4) “...*Kinh pháp cũng chỉ như ngón tay chỉ mặt trăng, hãy nhìn mặt trăng và biết ngón tay không bao giờ là mặt trăng cả; biết mọi ngôn ngữ của Như lai chỉ dạy cho bồ tát toàn là như vậy.*” (Kinh Viên Giác, phẩm Thanh Tịnh Tuệ, HT. Thích Trí Quang dịch)
- (5) Sông Ni-liên-thiên, nơi Đức Phật Thích Ca thành đạo.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HÀN QUỐC: 9,000 đèn lồng giấy thắp sáng ngôi chùa Beopjusa nhân lễ Phật Đản

Boeun, Hàn Quốc: Vào dịp kỷ niệm lễ Phật Đản năm thứ 2,561 (nhằm ngày 3-5-2017), chùa Beopjusa sẽ dành cho du khách và Phật tử một trải nghiệm ban đêm đặc biệt với việc thắp sáng 9,000 đèn lồng giấy, bao gồm 5,000 đèn LED năng lượng mặt trời.

Chùa sẽ mở cửa cho khách tham quan vào các ngày thứ Sáu và thứ Bảy, bắt đầu từ tuần này (14&15-4) cho đến cuối tháng.

Tọa lạc trong Vườn Quốc Gia Songnisan thuộc tỉnh Chungcheong Bắc, chùa Beopjusa hiện đang là trụ sở chính của Tông phái Tào Khê của Phật giáo Hàn Quốc, tông phái lớn nhất của đất nước này. Chùa được xây lần đầu tiên vào năm 553, sau đó được xây dựng lại vào năm 1624 sau khi bị đốt cháy trong cuộc xâm lược của Nhật Bản (từ năm 1592 đến 1598).

(tipitaka.net – April 15, 2017)



Chùa Beopjusa (tỉnh Chungcheong Bắc, Hàn Quốc)—
Photo: Wikimedia

ẤN ĐỘ: Quỹ Phật giáo Spoorthidhama vinh danh nhà báo kỳ cựu Mallepalli Laxmaiah

Mallepalli Laxmaiah - nhà báo tiếng Telugu, nhà hoạt động vì giai cấp dalit (tiền dân) và là một lãnh đạo của

phong trào Telangana - đã được vinh danh với một giải thưởng bởi Quỹ Phật giáo Spoorthidhama tại thành phố Bengaluru, bang Karnataka vào ngày 14-4-2017.

Nhà báo Laxmaiah kỳ cựu này đã nhận giải thưởng Bodhivardhana về thành tựu đáng kể của ông. Ông được chọn cho giải thưởng do hoạt động vì người dalit và sự cộng tác với Phật giáo. Vào tháng 4-2016, ông được thủ hiến K Chandrasekhar Rao của bang Telangana bổ nhiệm làm một viên chức đặc biệt cho dự án Buddhavanam tại Nagarjunasagar ở quận Nalgonda.

Dự án này đang được phát triển như một điểm thu hút du lịch đối với Phật tử tại Ấn Độ và các nước Nam Á. Nhà báo Laxmaiah cũng cho rằng bang Telangana có nguồn gốc Phật giáo.

(Express News Service – April 15, 2017)



Quỹ Phật giáo Spoorthidhama vinh danh nhà báo Mallepalli Laxmaiah (người ngồi giữa)

Photo: Nagesh Polali

HOA KỲ: Trung tâm Phật giáo Pittsburgh tổ chức lễ mừng Năm Mới Tích Lan

Năm Mới Tích Lan theo âm lịch đã chính thức diễn ra vào ngày 14-4-2017. Trung tâm Phật giáo Pittsburgh tại khu Harrison (tiểu bang Pennsylvania) tổ chức buổi lễ mừng và chúc phúc vào ngày Chủ nhật (16-4) để mọi

người có thể tham dự.

Bhante Pamaratana, sư trưởng của trung tâm, nói sự khởi đầu của năm mới là một cơ hội để xin tha thứ, hứa sẽ tốt hơn và tái lập mối quan hệ.

Buổi lễ bao gồm việc trao cho nhau những lá trầu theo truyền thống, vốn được sử dụng cho những dịp đặc biệt, nhằm mở rộng lời mời và để xin tha thứ và bày tỏ sự khiêm tốn.

Các hoạt động lễ hội đã bắt đầu với phần cúng dường Đức Phật cùng với tụng kinh bằng tiếng Pali, ngôn ngữ thiêng liêng của Phật giáo Nguyên Thủy. Những người tham dự sau đó thưởng thức các món ngon Tích Lan, từ cay đến ngọt.

Thành lập vào năm 2006, trung tâm Phật giáo Pittsburgh có kế hoạch xây một điện thờ mới trong khuôn viên của mình, và đang dần dần hướng đến mục tiêu xa hơn.

(triblive.com – April 16, 2017)



Ngày lễ Năm Mới Tích Lan tại Trung tâm Phật giáo Pittsburgh (Hoa Kỳ)

Photo: Brian C. Rittmeyer



NHẬT BẢN: Cộng đồng thế giới mừng ngày Phật Đản

Vào ngày 8-4-2017, trên 100,000 du khách đã đến Chùa Sampozaan Muryojuji, ngôi chùa chính của Phật phái Nhật Bản Nenbutsushu ở Kato thuộc tỉnh Hyogo, để kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh.

Ngày này đã được các vị lãnh đạo tối cao Phật giáo từ 41 quốc gia trên 5 châu lục tại Hội nghị Thượng đỉnh lần thứ 6 (diễn ra vào tháng 12-2014 tại Chùa Sampozaan Muryojuji) chỉ định là Ngày Phật giáo Quốc tế để kỷ niệm trên khắp thế giới.

Ban tổ chức - Trụ sở Hội nghị Thượng đỉnh Phật giáo, Hội nghị Tối cao Phật giáo Thế giới - cho biết khoảng 136,000 người đã tham dự ngày lễ nói trên tại chùa Sampozaan Muryojuji, diễn ra từ 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều ngày 8-4-2017. Khách tham quan bao gồm những người đến từ Thái Lan, Việt Nam, Cam Bốt, Miến Điện, Tích Lan, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Thụy Sĩ và Ý. Theo ban tổ chức, dịp này cũng được kỷ niệm và tổ chức tại 42 quốc gia.

(tipitaka.net - April 16, 2017)



Mọi người tham gia nghi thức tắm Phật vào ngày 8-4 tại Chùa Sampozaan Muryojuji ở Kato, tỉnh Hyogo (Nhật Bản) — Photo: Masaaki Kameda

NEPAL: Lễ hội Phật-Ấn giáo Seto Machhendranath tại Kathmandu

Đông đảo dân chúng đã tập trung tại các khu vực của thủ đô Kathmandu vào đầu tháng 4 để dự lễ hội thần Seto

Machhendranath thường niên, diễn ra trong 3 ngày. Lễ hội trưng bày một tháp cao chót vót được làm bằng tay, mang lại cho tín đồ nhiều cơ hội để cúng bái vị thần này.

Buddha Ratra Shakya, một tu sĩ Phật giáo, nói, "Seto Machhendranath ban phúc và bảo vệ những người trên trời, dưới trần gian và ở địa ngục".

Là tâm điểm của lễ hội, cái tháp được xây mỗi năm bởi những người thuộc giai cấp Maharjan của nhóm dân tộc Newar. Phải mất khoảng một tuần cho 40 người để xây tháp này.

Mọi người tụ tập tại một khu chợ ở Kathmandu để xem tháp Seto Machhendranath. Lễ hội thu hút những đám đông lớn ùn ùn chuyển động qua những con đường hẹp và những hẻm nhỏ của khu phố này.

(Global Press Journal - April 19, 2017)



Tháp Seto Machhendranath — Photo: GPJ Nepal

THÁI LAN: Phật tử Mã Lai tham dự lễ truyền giới hàng năm tại Thái Lan

Ngày 22-4-2017, khoảng 1,000 Phật tử Mã Lai đã viếng tỉnh Nakhon Si Thammarat ở miền nam Thái Lan để tham gia một lễ truyền giới thường niên và các nghi lễ khác - là một phần của một truyền thống vốn bắt đầu cách đây một thế kỷ.

Những người Mã Lai từ các bang Penang, Kedah và Perlis đã đến chùa Phra Mahathat Woramahawihan trên hàng chục chiếc xe, bao gồm các xe buýt, để dự lễ. Có 50 thanh niên thiếu nữ đã xuất gia để tu tập.

Các nghi lễ bao gồm một lễ rước và cúng dường. Chư tăng ni mới này sau đó sẽ trở về quê nhà để tiếp tục tu học tại các ngôi chùa Phật giáo.

Phật tử Mã Lai cũng tin rằng việc cúng kính tại ngôi chùa chính của chùa Phra Mahathat Woramahawihan sẽ mang lại cho họ sự may mắn và một cuộc sống an bình.

(Bangkok Post - April 22, 2017)



Phật tử Mã Lai trong lễ truyền giới tại chùa Phra Mahathat Woramahawihan (Thái Lan) Photo: Nujaree Raekrun

Ý Đại Lợi: Triển lãm 'Nghệ thuật Phật giáo Đông Á'

Bảo tàng Nghệ thuật và Khoa học (Museo d'Arte e Scienza) ở thành phố Milano, Ý Đại Lợi, giới thiệu một cuộc triển lãm thường trực có tựa đề 'Nghệ thuật Phật giáo'.

Vào năm 2010, 20 năm sau ngày thành lập bảo tàng, bộ sưu tập nghệ thuật Phật giáo đã được ghi nhận là có tầm quan trọng xứng đáng và được dành khoảng không gian thích hợp để trưng bày.

Thuộc quyền sở hữu của gia đình Matthaes và được người sáng lập bảo tàng mua lại trong các chuyến đi về Đông phương vào đầu thập niên 1970, một sự tuyển chọn cẩn thận của nhiều tác phẩm đáng chú ý từ Thái Lan, Miến Điện, Trung Quốc và Nhật Bản đã được tập hợp để hình thành cuộc triển lãm thường trực mang tên 'Nghệ thuật Phật giáo Đông Á' nói trên.

(NewsNow - April 22, 2017)



*Các tác phẩm nghệ thuật Phật giáo Đông Á tại Bảo tàng Nghệ thuật và Khoa học ở Milano, Ý
Đại Lợi
Photos: Museo d'Arte e Scienza*



NHẬT BẢN: Hàng nghìn đền thờ Phật giáo không có tăng sĩ

Một cuộc khảo sát của tờ báo Kyoto Shimbun vào tuần này cho thấy gần 13,000 trong số khoảng 75,000 đền chùa Phật giáo tại Nhật Bản không có tăng sĩ thường trú hoặc do các sư trưởng từ các chùa khác kiêm nhiệm quản lý.

Tình hình này đặc biệt nghiêm trọng tại các vùng nông thôn có dân số sụt giảm – do tự nhiên hoặc do di cư đến các thành phố.

“Với sự suy giảm dân số ở nông thôn, chúng tôi đang chứng kiến nhiều chùa không còn đủ tín đồ để tài trợ cho việc bảo trì chúng,” phát ngôn viên của giáo phái Soto nói. Đây là Thiền phái lớn nhất tại Nhật Bản, giám sát 14,521 tự viện. Khoảng 22% trong số này không có tăng sĩ thường trú. Một số sư trưởng phải quản lý đến 6 hoặc 7 chùa nhỏ. Một số chùa – nhất là các chùa ở vùng núi, với các cộng đồng đang bị thu hẹp – đã bị bỏ hoang vì không có đủ người bảo trợ địa phương để tài trợ các hoạt động của chúng, phát ngôn viên này nói.

(asianikkei.com – April 26, 2017)



*Các tự viện Phật giáo Nhật Bản dựa vào lệ phí nghi lễ và cúng dường từ các nhà bảo trợ địa phương
Photos: Reuters*

TRUNG QUỐC: Bản khắc cổ trên vách hang có thể liên quan đến Kung Fu Thiếu Lâm

Tân Hoa Xã đưa tin rằng tại tỉnh Hà Bắc ở miền bắc Trung Quốc, người ta đã phát hiện một bản khắc 1,400 năm tuổi trên vách đá của một hang động. Bản khắc nói trên xác định hang động này là nơi ẩn cư của Đại sư Sengchou, người có thể đã từng là quân nhân trước khi trở thành tu sĩ Phật giáo vào thế kỷ thứ 6 sau Công nguyên. Đại sư Sengchou được biết đến như là một chuyên gia về võ thuật và được tín nhiệm trong việc truyền bá Phật giáo Thiền tông và truyền thống luyện tập võ thuật của các nhà sư Thiếu Lâm.

Liu Xinchang, hội viên hiệp hội lịch sử của thành phố Handan, nói, “Khám phá này cung cấp những tài liệu quý báu để nghiên cứu lịch sử Phật giáo địa phương và Triều đại Bắc Tề.”

(archaeology.org – April 26, 2017)



*Kung Fu Thiếu Lâm
Photo: podoboq*

LA MÃ: Thông điệp của Tòa thánh Vatican gửi Phật tử nhân đại lễ Vesakh

Ngày 22-4-2017, Hội đồng Giám mục về Đối thoại Liên Tông giáo đã gửi một thông điệp nhân đại lễ Phật giáo Vesakh với chủ đề ‘Kitô hữu và Phật tử: Cùng đi trên con đường bất bạo động’.

Thông điệp nhấn mạnh nhu cầu cấp bách để thúc đẩy một nền văn hóa của hòa bình và bất bạo động vì cả hai giá trị này đều đã được truyền bá bởi Chúa Giêsu Kitô và Đức Phật.

Thông điệp kêu gọi sự dẫn thân chung, để nghiên cứu các căn nguyên của bạo lực, chống bạo lực và để cầu nguyện cho hòa bình thế giới trong khi cùng nhau đi trên con đường bất bạo động.

(tipitaka.net – April 27, 2017)



*Giáo hoàng Francis và một nhà sư Phật giáo trong một hội nghị liên tôn giáo tại Vatican
Photo: ANSA*

HÀN QUỐC: Cựu Hoa hậu Hàn Quốc đoạt giải thưởng Phật giáo

Keum Na-na, Hoa hậu Hàn Quốc năm 2002, đã đoạt Giải thưởng Phật giáo năm 2017 của Tông phái Phật giáo Hàn Quốc Tào Khê nhân lễ Phật Đản vào ngày 3-5-2017, cùng với 3 người tham gia khác trong cuộc bầu chọn này.

Tông phái Tào Khê đã ghi nhận những đóng góp của Keum trong việc nâng cao nhận thức của công chúng về Phật giáo, bằng việc thảo luận thông qua nhiều cuộc phỏng vấn truyền thông, các buổi diễn thuyết và sách về cách mà giáo lý nhà Phật đã giúp cô như thế nào.

Nổi tiếng là người sở hữu

cả “trí tuệ lẫn sắc đẹp”, Keum đã trở thành một hình tượng mẫu mực đối với nhiều thanh niên.

Tông phái Tào Khê cũng đã chọn trao Giải Phật giáo năm nay cho cầu thủ vũ cầu Lê Yong-dae, thi sĩ Jeong Sang-seok và luật sư Ahn Dong-il.

(The Korea Times – May 4, 2017)



*Keum Na-na, Hoa hậu Hàn Quốc năm 2002
Photo: The Korea Times*

THÁI LAN: Tỉnh Phitsanulok kỷ niệm 660 năm ngày thành lập Chùa Phra Si Rattana Mahathat

Phitsanulok tổ chức lễ kỷ niệm 660 năm ngày thành lập Chùa Phra Si Rattana Mahathat, ngôi chùa được nhiều người kính ngưỡng của tỉnh này.

Các lễ hội bắt đầu với một cuộc diễn hành của 2,660 vũ công mặc trang phục truyền thống, xuất phát từ Ga Xe lửa Phitsanulok đến Chùa Phra Si Rattana Mahathat. Bộ trưởng Bộ Tư pháp Suwapan Tanyuwattana đã chủ trì buổi lễ nói trên.

Được xây dựng vào năm 1357, Chùa Phra Si Rattana Mahathat hoạt động như một ngôi chùa hoàng gia vào thời đại của vương quốc Sukhothai. Chùa nổi tiếng với pho tượng Phật bằng vàng gọi là Phra Buddha Chinnarat, một trong

những tượng Phật đẹp nhất của đất nước Thái Lan.

Lễ kỷ niệm gồm các nghi lễ tôn giáo và các cuộc trình diễn văn hóa cổ xưa do Sở Mỹ Thuật tổ chức, diễn ra cho đến ngày 3-5-2017.

(Pattaya Mail – May 4, 2017)



Đoàn vũ công trong lễ kỷ niệm 660 năm thành lập Chùa Phra Si Rattana Mahathat—Photo: NNT

SINGAPORE: Thanh niên từ các tín ngưỡng khác nhau xếp 2,500 hoa sen giấy cho Ngày Vesak

Sáng ngày 6-5-2017 tại trung tâm Đạo hữu Phật giáo miền Đông, khoảng 50 thanh niên từ các tín ngưỡng khác nhau đã xếp 2,500 hoa sen giấy như một phần của nỗ lực liên tôn giáo để thông hiểu hơn về Phật giáo nhân ngày Vesak (10-5).

Những thanh niên này là đại sứ hòa hợp sắc tộc từ Hội đồng Phát triển Cộng đồng quận Đông Nam (CDC). Cùng tham gia với họ còn có 30 người cao tuổi từ Trung tâm Sinh hoạt Người cao tuổi Tembusu và Trung tâm Tư vấn Shan You.

Những hoa sen, bao gồm các thông điệp được cá nhân hóa do các thanh niên này viết, sẽ được phân phát cho công chúng vào Ngày Vesak. Con số 2,500 hoa được xếp là một sự tôn vinh số năm mà Phật giáo được ước tính là đã truyền bá khắp nơi.

(The Straits Times – May 6, 2017)

*Thanh niên từ các tín ngưỡng khác nhau xếp 2,500 hoa sen giấy cho Ngày Vesak (Singapore) hình bên —>
Photos: Lester Hio*

ÁI NHĨ LAN: Cộng đồng Phật giáo cần quyên góp 500,000 Euro trong 3 tháng tới để xây ngôi chùa đầu tiên của Ái Nhĩ Lan

Nửa triệu Euro cần phải được đóng góp trong 3 tháng tới bởi cộng đồng Phật giáo có trụ sở tại Cork nếu việc xây dựng ngôi chùa Tây Tạng đầu tiên của Ái Nhĩ Lan muốn hoàn thành đúng thời hạn.

Các công tác chuẩn bị và phần xây dựng cơ bản tại công trình liền kề với Trung tâm Tu Thiền Dzogchen Beara ở Al-lihies (trên Bán đảo Beara ở West Cork) đã được chi 1.2 triệu Euro.

Malcolm MacClancy, Giám đốc Trung tâm Dzogchen Beara, cho biết: Chùa đã được xây đến tầng thứ ba với phần bê tông và cấu trúc thép cơ bản đã ở đúng vị trí. Nếu muốn khánh thành vào tháng Ba năm tới như mong đợi thì phải cần quyên được thêm 500,000 Euro vào cuối tháng Bảy này.

Khi xây xong Chùa, sẽ cần thêm 200,000 Euro nữa cho phần trang trí linh thiêng. Người ta tin rằng tòa nhà này sẽ thu hút hàng nghìn du khách mỗi năm – nhất là du khách từ khắp Âu châu.

(independent.ie – May 6, 2017)



*Phần đồ họa (ảnh trên) và công trình đang xây (ảnh dưới) của ngôi chùa Tây Tạng đầu tiên tại Ái Nhĩ Lan
Photos: Graham Clifford*



XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH

Sa môn Thích Thắng Hoan

(tiếp theo và hết)

6.- LỢI HÒA CÙNG CHIA XÉ: (Lợi Hòa Đồng Quân)

Lợi hòa cùng chia xé nghĩa là những tài lợi hay đồ dùng thu thập được phải phân chia đồng đều cho những người cùng sống chung với mình, hoặc cùng nhau thọ dụng, không được chiếm làm của riêng hay giành phần nhiều về mình. Theo tinh thần lợi hòa cùng chia xé chúng ta phải thực hiện những điều sau đây:

1)- Không Được Riêng Tư Quyết Định:

Tài sản trong gia đình là của chung, thuộc của chồng công vợ và tài sản đó muốn thực hiện vào việc gì thì phải có sự đồng ý của chồng hay của vợ, không được tự mình riêng tư quyết định.

Của chồng công vợ nghĩa là gì? Của chồng nghĩa là tiền của và sự nghiệp của gia đình sở dĩ có được chính là do công lao của người chồng đứng ra gây dựng nên, cho nên gọi là của chồng. Công vợ nghĩa là người vợ có công thay thế chồng quản lý tiền của và bảo trì sự nghiệp gia đình được tồn tại bền lâu chính là công lao của người vợ, cho nên gọi là công vợ. Đây là cách sống chung của luân lý thời xưa. Theo luân lý thời xưa, người chồng thì đóng vai tòng quân, cột trụ của gia đình, có trách nhiệm đối ngoại, giao dịch với mọi tầng lớp xã hội để tạo dựng sự nghiệp cho gia đình; còn người vợ thì thuộc về hạng cát đẳng nương bóng tòng



quân, đóng vai nội trợ, thay mặt chồng đối nội, có nhiệm vụ trông nom tài sản của chồng, sắp xếp gia đình trên dưới có trật tự, trong ngoài có ngăn nắp đâu ra đó để tài sản và sự nghiệp của chồng khỏi bị thất thoát hư hao. Thế nên tục ngữ mới có câu: "Của chồng công vợ."

Theo xã hội ngày nay, chồng và vợ cả hai cùng nhau tạo dựng sự nghiệp gia đình cho việc sống chung và quyền lợi sở dĩ có được không riêng gì của chồng hay của vợ mà cả hai đều đầu tư công sức vào đó cả mồ hôi và nước mắt. Những tài sản nói trên chẳng những người chồng mà cho đến

người vợ đều có quyền hưởng thụ. Nhưng với những tài sản đó muốn sử dụng vào bất cứ việc gì, người chồng hay người vợ không được độc quyền chi tiêu riêng tư mà không có sự đồng ý của hai bên, nghĩa là hai người không được quyền có túi hồ túi xê của tài sản chung nói trên. Người chồng hay người vợ muốn hưởng thụ đến tài sản này phải có sự hợp tác chặt chẽ của hai người trong sự hòa thuận cả mọi mặt, nghĩa là muốn chi tiêu tài sản đó thì phải thương lượng với nhau trước khi thi hành và phải được sự vui vẻ đồng tình với nhau trong tinh thần hòa hợp, trong đó không có sự ép buộc hay cản trở thất bại bụng nề lòng. Người chồng hay người vợ biết tự trọng và áp dụng đúng nguyên tắc sống này thì gia đình đó hạnh phúc biết bao.

Thí dụ như vì chuyện gởi quà về Việt Nam cho thân nhân, nhiều gia đình trở nên bất hạnh, mất hết hạnh phúc. Nguyên do họ gởi quà cho thân nhân không được công bằng. Chồng hay vợ thường lấy công quỹ gia đình chỉ gởi riêng cho thân nhân của mình, còn thân nhân của chồng hay của vợ thì không cần biết đến, không quan tâm chia xé. Tình trạng đó gây rạn nứt không nhỏ trong gia đình, có khi đưa đến hiện tượng chồng vợ li dị nhau, tạo nên sự bất an cho con cái. Muốn gia đình được hạnh phúc theo ước nguyện, chồng hay vợ phải tránh tâm trạng riêng tư ích kỷ trong việc đối xử công bằng mà việc gởi quà cho thân nhân cũng chính là một trong những điều kiện tất



yếu cần phải chú ý.

2)- Phải Chi Tiêu Có Điều Độ Đúng Theo Nhu Cầu Cần Thiết:

Lương bổng của gia đình thì có giới hạn, nhưng nhu cầu cho sự sống thì vô cùng. Hơn nữa trong cuộc đời sự may mắn và sự bất hạnh không có hình tướng, nó đến với chúng ta lúc nào không biết và nó ra đi khỏi tầm tay của chúng ta khi nào cũng không hay. Có một điều nên biết, sự may mắn đến với chúng ta chỉ có một lần rồi vĩnh biệt luôn, nhưng sự bất hạnh đến với chúng ta luôn luôn đồn dập không chút ngưng tay. Chúng ta phải biết rằng công ăn việc làm có khi lên nhưng cũng có khi xuống dốc và tiền bạc có khi sung túc nhưng cũng có lúc túi cạn tay không. Khi có tiền vô ra thường xuyên, khi có công ăn việc làm no cơm ấm áo, chúng ta không nên chi tiêu bừa bãi theo sở thích mà phải sử dụng đúng theo nhu cầu cần thiết của gia đình, miễn làm sao đầy đủ tiện nghi trong vòng tương đối theo lương bổng của mình nhằm để phòng những chuyện bất trắc xảy đến cho gia đình đủ sức xoay trở.

Thí dụ, trong gia đình, chúng ta cần một chiếc xe hơi dùng phương tiện để đi làm việc sanh sống, nhưng khi mua xe phải nhìn lại lương bổng của mình mà định mức chi tiêu, không nên mua xe đắt giá cho thật sang trọng quá mức đồng lương để khoe với xã hội mà chính mình phải vướng nợ ngân hàng. Xã hội chỉ khen chúng ta có chiếc xe sang trọng rồi thôi mà không bao giờ quan tâm đến sự đau khổ ngủ không yên của chúng ta vì phải lo đi cày hai ba jobs để trả nợ hằng tháng, vì phải lo chăm sóc khi nó bị hư hao, v.v... Cũng vì lao nhọc lo đi cày hai ba jobs để giải quyết nợ nần mà hạnh phúc gia đình trở nên lạnh nhạt, tình nghĩa con cái trở nên thờ ơ lạc lõng.

Nhằm cung ứng nhu cầu cho gia đình, chúng ta phải biết chọn lấy những vật liệu dựa trên công dụng căn bản của món đồ mà không nên căn cứ trên giá trị sang trọng quý giá của vật liệu. Giữa hai món đồ, một loại với vật liệu tầm thường rẻ tiền và một loại với vật liệu sang trọng quý giá, nhưng công dụng của chúng đều giống nhau, chúng ta nên chọn lấy món đồ với vật liệu tầm thường vừa với khả năng túi tiền, miễn làm sao không thiếu tiện nghi là được. Mặc dù với vật dụng rẻ tiền, chúng ta biết cách sắp xếp, biết cách ăn mặc thì gia đình vẫn trở nên sang trọng hơn là những món đồ quý giá đắt tiền mà người sử dụng không có cặp mắt mỹ thuật trang trí.

Tóm lại, nhằm vào kinh tế gia đình, chúng ta phải biết tiết kiệm trong việc chi tiêu và chi tiêu có điều độ chừng mực, không nên phung phí bừa bãi mà gia đình không cần thiết đến.

3)- Phải Dự Trù Trong Việc Chi Tiêu:

Có nhiều gia đình ít khi dự trù trong việc chi tiêu, nghĩa là không có thành lập lịch trình hằng tháng trong việc chi tiêu. Vì thế có nhiều gia đình chi tiêu không có mức độ, nghĩa là khi có công ăn việc làm thì họ chi tiêu cho thỏa



THÁNG TƯ HẰNG NĂM

*Tháng Tư âm lịch hằng năm,
Là ngày thị hiện Đản Sanh độ đời,
Chúng sanh vạn loại nơi nơi,
Đón mừng ánh đạo với lời cao minh.
Hữu tình cho đến vô tình,
Đồng viên chúng trí vô sinh pháp mẫu.
Từ nay cho đến ngàn sau,
Chuyên tâm tu niệm khổ đau không còn.
Tuy nhiên có được hay không?
Do Tâm tất cả, đừng mong bên ngoài.
Đạo vàng sẵn có đây rồi!
Chỉ tâm chuyên nhất lên ngôi đài sen.
Không còn vướng cảnh bon chen,
Hơn thua, giành giật lụy phiền thân tâm!
Gắng tu vượt thoát hồng trần,
Cho thân an lạc, cho tâm siêu phàm.*

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

(Mùa Phật đản 2561 – 2017)

mãn theo sở thích và đến khi thiếu hụt thì họ đi vay mượn ăn trước trả sau; cho nên họ bị nợ trước chồng lên nợ sau và suốt cuộc đời bôn ba đây đó kiếm tiền để trả nợ. Họ cũng vì ăn trước trả sau không có dự trù chi tiêu thành thử cuộc sống của họ không có tương lai xán lạn và con cái của họ tuyệt vọng tiến thân. Hiện tượng này cũng là một yếu tố khiến cho gia đình trở nên mất hạnh phúc.

Để tránh sự bế tắc xảy đến cho cuộc sống mai sau, mỗi gia đình cần phải dự trù trong việc chi tiêu bằng cách thành lập một ngân khoản phúc lợi trong số lương chung của hai chồng vợ. Ngân khoản phúc lợi chính là ngân khoản còn lại được trích ra trong tổng số lương bổng của chồng vợ cộng lại sau khi khấu trừ tất cả chi phí hằng tháng cần thiết trong gia đình. Ngân khoản phúc lợi cũng phải chia làm ba phần: ngân khoản dự trù, ngân khoản phụ trội và ngân khoản phước đức.

*)- Ngân khoản dự trữ: nghĩa là ngân khoản dành cung cấp cho những sự việc bất ngờ xảy ra trong gia đình như, tai nạn, bệnh hoạn, xe hư dọc đường, v.v... mà những khoản tiền chi tiêu đó không nằm trong ngân khoản lịch trình chi tiêu hằng tháng. Ngân khoản này phải tích lũy hằng tháng sau khi được trích ra từ trong ngân khoản phúc lợi.

*)- Ngân khoản phụ trội: nghĩa là ngân khoản dành chi tiêu cho những công việc linh tinh khác ngoài ngân khoản lịch trình chi tiêu hằng tháng như, lễ hội, tiệc tùng, hội đoàn, sanh nhật, v.v... mà mình không thể không tham dự. Ngân khoản này cũng phải tích lũy hằng tháng sau khi được trích ra từ trong ngân khoản phúc lợi.

*)- Ngân khoản phước đức: cũng gọi là ngân khoản xã hội, nghĩa là ngân khoản dành chi tiêu vào công việc từ thiện xã hội. Thuốc bổ là y dược để bồi dưỡng thân thể, còn phước đức là chất liệu để bồi dưỡng tâm linh. Chúng ta muốn bồi dưỡng tâm linh cho tăng trưởng phước đức làm lễ sống an lạc cho gia đình thì phải thực hiện công tác xã hội. Những nơi trợ giúp cho việc phước đức tăng trưởng chính là công tác bố thí cho những người nghèo đói đau khổ, công tác cúng dường vào việc cúng chùa, tạo tượng, in kinh, v.v..., vì những nơi đó là môi trường đáng quý cho việc tăng trưởng phước đức nơi bản thân nơi gia đình với những nguyên do sau đây:

*)- Thứ nhất, những người nghèo đói, đau khổ là những nơi rất cần đến những người cứu khổ cho họ. Điều này đúng với lời chỉ dạy của đức Phật nói ở trong kinh: "Chúng sanh duyên từ," nghĩa là nương nhờ nơi chúng sanh để phát khởi lòng từ bi của mình.

*)- Thứ hai, việc cúng chùa, tạo tượng, in kinh, v.v... vì những nơi đó, những việc làm đó chia sẻ phước đức rất lớn cho chúng ta qua sự cầu nguyện hằng ngày của họ.

Chú ý, trong ba ngân khoản phúc lợi đã trình bày ở trên, có một ngân khoản nào nếu như bị thiếu hụt thì chúng ta phải làm việc thêm giờ hay kiếm thêm job để bổ sung mà không được chi tiêu lẫn qua hai ngân khoản thặng dư kia.



Tóm lại, mỗi gia đình cần phải thiết lập lịch trình chi tiêu hằng tháng, trong đó có ngân khoản Phúc Lợi để cho cuộc sống có ý nghĩa, có an lạc, có hạnh phúc và có một tương lai tươi sáng, chẳng những cho mình, cho gia đình mình và cho cả con cái của mình trong việc tiến thân. Gia đình nào thực hiện được những điều đã trình bày trên là gia đình đó biết sống cho nhau, biết dự trù trong việc chi tiêu và gia đình đó đáng được tôn quý trong xã hội.

4)- Phải Tri Túc Trong Nếp Sống:

Tri túc là biết đủ, người sống tri túc nghĩa là người sống có chừng mực không truy lạc xa hoa phung phí, buông thả. Kinh Phật có dạy: "Tri túc thường lạc, đa ưu tắc bi," nghĩa là người biết đủ thì thường được an vui và người lo âu nhiều thì bị buồn khổ nhiều. Người sống biết đủ là người biết sống lượng sức, biết sống theo khả năng sẵn có của mình, không xa hoa, không đua đòi những điều quá tầm tay mà khả năng của mình không cho phép.

Kinh Di Giáo Phật dạy: "Người tri túc dù nằm trên đất cũng vẫn an vui, Kẻ không tri túc dù ở cảnh Thiên đường cũng chẳng vừa ý." Người tri túc không bị năm thứ dục lạc chi phối. Năm thứ dục lạc nghĩa là cuộc đời con người thường bị năm thứ dục lạc trôi buộc cuốn trôi bởi ham muốn. Năm thứ dục lạc gồm có:

- 1)- Tài Dục: nghĩa là tiền của mờ mắt
- 2)- Sắc Dục: nghĩa là sắc đẹp quyến rũ
- 3)- Danh Dục: nghĩa là danh vọng lôi cuốn
- 4)- Thực Dục: nghĩa là ăn uống say mê
- 5)- Thủy Dục: nghĩa là ngủ nghỉ lười biếng.

Kinh Niết Bàn, quyển 22 giải thích: "*Người mê theo Ngũ Dục (năm thức dục lạc) tỷ như con chó gặm xương khô, như kẻ cầm lửa đi ngược gió, như nuôi nhốt con rắn độc, như được của trong giấc mộng, như cây trái đầu đường mà nhiều người ném chơi, như một khúc thịt mà có cả bầy chim tranh ăn, như bọt trên mặt nước...*" Năm thứ dục lạc như của tạm bợ, không được lâu dài.

Trong phạm vi gia đình, năm thứ dục lạc nói trên cần nên tiết chế theo nhu cầu và sử dụng theo khả năng, không nên chạy theo thị trường, buông thả theo sở thích mà phải bị lao tâm tổn sức, phá hoại gia cang, như:

a. Tiền của: tạo dựng theo khả năng, sống theo nhu cầu, đừng chạy đua quá độ để có tiền của cho nhiều mà bỏ quên hạnh phúc gia đình.

b. Sắc đẹp: luôn luôn tâm niệm mình đã có gia đình, vì con cái, không nên để cho sắc đẹp bên ngoài quyến rũ để làm tổn thương đến hạnh phúc gia đình.

c. Danh vọng: tiếng thơm nếu mình đã có thì không cần phải phô trương, luồn cúi, nịnh bợ làm mất đi phong cách của một con người.

d. Ăn uống: ăn uống để sống mà không phải sống để ăn uống, cho nên ăn uống phải có tiết độ, không nên tham ăn tham uống quá độ đem đến tai hại cho thân xác.

e. Ngủ nghỉ: trao cái vóc óc u mê, nghĩa là trao đổi thân thể cho đẹp thì tâm hồn trở nên

đần độn ngu si. Con người thiếu ngủ thì dễ bị bệnh hoạn, nhưng ngủ nghỉ quá độ thì kém thông minh, hiểu biết chậm chạp.

Tóm lại, tri túc là biết sống an phận, biết chấp nhận những nhu cầu hiện có khiêm tốn trong khả năng tạo dựng của mình, không phung phí xa hoa dư thừa, không đua đòi theo sở thích, không chạy đua theo phong trào vật chất, biết dừng lại ở nơi cần phải dừng trong thanh bần lạc nghiệp. Người sống tri túc là người biết bảo vệ hạnh phúc gia đình, biết lo cho chồng vợ con cái, dù bất cứ hoàn cảnh nào giữ gìn cho gia đình được hạnh phúc lâu dài là thỏa mãn cho tâm nguyện của mình. Những người biết sống như trên đáng được kính trọng và tôn vinh.

III.- KẾT LUẬN:

Đây là những nguyên tắc căn bản cho việc sống chung trong một gia đình cần phải có để xây dựng hạnh phúc dài lâu. Nội dung những nguyên tắc này bao gồm cả tâm lý, sinh lý và vật lý được rút ra từ nơi những điều Phật dạy trong các kinh luận và xây dựng trên nền tảng sáu pháp hòa kính (Lục Hòa) ngõ hầu giúp cho người Phật Tử tại gia sống có ý nghĩa để được hạnh phúc an vui theo tinh thần Phật Giáo. Giá trị tinh thần những nguyên tắc trên nhằm mục đích quân bình cả tâm lý, sinh lý và vật lý qua sự chỉ đạo của tâm trí con người không cho thặng dư (không cho xí thành) sẽ gây xáo trộn bất an cho cá nhân và tập thể.

Đối với tuổi trẻ mới lớn lên, những nguyên tắc nói trên chính là kinh nhật tụng cần phải gối đầu cho những trai gái trước khi lập gia đình, là khuôn vàng thước ngọc cho những đôi chồng vợ son trẻ vững bước trên lộ trình hạnh phúc lứa đôi và cũng là cẩm nang đáng giá cho những người lớn tuổi căn cứ theo đó giáo dục con cái mình để biết sống theo con đường hạnh phúc bền lâu.

Gia đình nào nếu như quyết tâm thực hiện những nguyên tắc nói trên một cách triệt để thì gia đình đó trở thành gương mẫu tốt trong xã hội và cũng là nền tảng xây dựng lâu dài cho sự giác ngộ giải thoát sanh tử của kiếp nhân sanh.

HẾT



KAPPA

Lúc tôi còn trẻ, có một kẻ cướp tên gọi là Kappa, chuyên cướp giựt tiền của người đi đường. Anh ta có biệt tài về cướp bóc. Mỗi khi trông thấy một người nào trên đường, anh ta có thể biết đúng số tiền người ấy mang theo, không bao giờ sai một tơ tóc. Đây quả là một tên cướp ghê gớm. Tuy thế một hôm anh ta bị tóm, và ở tù dài hạn trong nhà lao ở Osaka. Nhiều năm trôi qua, và vì anh ta là một tên trộm tài danh, nên được cải tạo thay vì bị hành quyết, anh ta được làm người điếm chỉ cho cảnh sát. Một thời gian sau, anh ta lại còn được phóng thích. Khi được tự do, anh học nghề tạc tượng Phật, và lại trở thành một nhà chuyên môn tạc tượng Phật, lập nghiệp ở Osaka. Hoàn toàn đổi bỏ tâm lý tệ ác ngày trước, anh ta chuyên chú vào việc tu hành để giải thoát, và vào những ngày cuối đời anh chuyên thực hành pháp môn niệm Phật.

Vậy, ngay một tên cướp khét tiếng như Kappa một khi đã sửa đổi cũng thành người thánh thiện. Ở đây các bạn có thể tìm thấy một người nào trộm cướp bởi vì cái nghiệp của họ sâu dày và tội lỗi đã quá nặng? Trộm cướp chính là nghiệp, trộm cướp chính là tội lỗi. Nếu không có sự trộm cướp thì cái tội và cái nghiệp trộm cướp không thể có. Bạn có trộm cướp hay không là tùy thuộc vào trạng thái tâm của bạn trong hiện tại, chứ không phải vào cái nghiệp của bạn trong quá khứ. Và điều tôi đang nói đây không chỉ liên hệ đến việc trộm cướp, mà nói chung tất cả những si mê lầm lạc đều như thế cả. Bạn có si mê hay không si mê là tùy thuộc vào trạng thái hiện tại của tâm bạn. Khi si mê thì bạn là một chúng sinh, khi không si mê thì bạn là Phật. Không có con đường tắt đặc biệt nào để thành Phật ngoài con đường này. Có phải vậy không? Thế thì mọi người hãy thực chứng điều này một cách rõ ràng.

(trích *Tâm Bất Sinh* của **Thiền Sư Bankei**
– **NS. Thích Nữ Trí Hải** dịch)

TÂM ẢNH HƯỞNG CỦA TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO (1)

Tác giả: **HELMUTH VON GLASENAPP**
Nguyễn Hạnh dịch

Trong hai kỳ hội nghị chuyên đề lần trước của chúng ta, (đề tài) Sự đóng góp của Phật giáo cho Văn học và Nghệ thuật đã được đề cập. Bây giờ chúng ta tiếp tục việc thảo luận về Sự đóng góp của Phật giáo cho Triết học. Theo cách so sánh được triết gia Ānandavardhana áp dụng trong thơ ca, cho phép tôi nói vầy: Nghệ thuật là vóc dáng đẹp của Phật giáo, văn học là hơi thở (prāṇa), triết học là cái tâm của nó; (nói thế) để chủ đề bàn luận của chúng ta, như chính nó, là công việc của sự thâm nhập dần vào độ sâu cốt lõi nội tại của sự chuyển vận tâm linh vĩ đại vốn đã và đang ban tặng rất nhiều cho thế giới.

Tôi cảm thấy rất vinh dự được đề cử làm chủ tịch hội nghị này. Tôi nhận trách nhiệm này như một điều đặc biệt không phải vì sự nỗ lực khiêm tốn của bản thân về việc tìm hiểu sự thâm thúy của triết học Phật giáo mà là như một phần thưởng danh dự được tặng cho đất nước tôi, bởi nhiều triết gia, nhất là ở Đức, đã biểu hiện sự quan tâm đến Phật giáo trong một thời gian dài.

Những người Đức đầu tiên biết đến Tôn hiệu của Đức Phật có lẽ là các nhà thần học, những người đã đọc các tác phẩm của St. Hieronymus, một trong những linh mục của Thiên Chúa giáo. Vì vị tông đồ này nhắc đến sự đàn sinh kỳ diệu của Đức Phật. Nhưng, vào thời Trung Cổ, dường như không ai có sự am tường nào về giáo lý của Đức Phật.

Cho đến thế kỷ 17 mới có một triết gia Đức có chút kiến thức về Phật giáo. Đó là Gottfried Wilhelm Leibniz (1646-1716) người có vị trí quan trọng về triết học ở Trung Hoa, triết học Phật giáo mà ông có được là nhờ những tác phẩm của các thầy tu dòng Tên người Pháp truyền đến Châu Âu. Leibniz rút ra từ những tác phẩm của họ vài điểm dạy về giáo lý Phật giáo ở Trung Hoa. Trong tác phẩm *Tự Nhiên Thần Học (Theodicee)* nổi tiếng của mình, ông nói về Fo, theo cách người Hoa gọi Đức Phật, và đề cập đến Trung Quán Hệ và triết lý Tánh Không.

Trong tầm kiến thức Phật giáo rộng hơn, chúng ta thấy ở Immanuel Kant (1724-1806). Có một điều không được biết nhiều rằng, khi còn học Đại Học ở Königsberg (Đức), Kant

không những đọc những bài thuyết trình về triết học mà còn về địa lý. Chưa từng rời khỏi quê hương vậy mà ông có được kiến thức đáng nể về tất cả các khu vực trên địa cầu chỉ nhờ đọc những tác phẩm về du lịch. Do đó, trong các bài thuyết trình của mình, ông nói về Phật giáo tại Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, tại Trung Hoa, Nhật Bản và Tây Tạng. Ông vẽ ra hình ảnh đầy thiện cảm của tu sĩ Phật giáo tại Miến Điện. Ông nói, *"Hàng tu sĩ Phật giáo ở Miến Điện được ca ngợi như những con người tử tế nhất trên thế giới. Họ sống bằng thức ăn khất thực từ những nhà dân và san sẻ cho người nghèo những gì họ không cần dùng. Họ làm lợi lạc cho tất cả mọi người không có bất kỳ phần biệt người theo tôn giáo nào. Họ nghĩ rằng tất cả tôn giáo đều dạy con người làm lành và tử tế."*

Kant đã biết rằng người phật-tử không tin vào đẳng sáng thể và bậc cai quản vũ trụ, bậc phán xử con người sau khi chết, vì thế ông viết: *"họ bác bỏ quan niệm về thiên mệnh, nhưng họ dạy rằng những thói xấu bị trừng phạt và các việc lành được hưởng phước báu."* Kant chưa biết gì về giáo lý Nghiệp báo và Tái sinh của Phật giáo, và triết học của ông không cho thấy có ảnh hưởng từ tư tưởng Phật giáo. Nhưng thuyết luân hồi đã lôi cuốn ông trong nhiều giai đoạn cuộc đời mình. Ngay trước lúc mất, khi được người bạn, Hasse, hỏi về tương lai của một người sau khi chết, Kant nhấn mạnh chính mình thích thuyết luân hồi. Vào một dịp khác ông gọi nó là một trong những triết lý lỗi cuốn nhất của triết học Đông phương. Chính ông giảng dạy về sự tồn tại của tâm thức con người trước khi tái sinh và ông cho rằng sau khi chết con người phải tiếp tục lên đường đi đến viên mãn theo sự phát triển vô tận.

Do đó về điều này, quan điểm của ông có sự cộng thông nhiều với Phật giáo. Kant sống vào thời thánh điển Phật giáo chưa được các học giả Châu Âu nghiên cứu và phiên dịch. Chỉ sau khi ông mất, các học giả Anh và Pháp mới bắt đầu bận rộn với thánh điển Phật giáo. Trái ngược với Kant, các triết gia Đức ở đầu thế kỷ 19 được cung cấp tài liệu tốt hơn về triết học Phật giáo. Do đó, chúng ta thấy Schelling và

Hegel có vài nhận xét chi tiết hơn về Phật giáo, và trong những thời đại sau có Nietzsche và nhiều triết gia khác.

Người hâm mộ nhiệt tình với tôn giáo lớn của Đông phương là Arthur Schopenhauer (1788-1860). Từ khi ông được giới thiệu đến Trí Tuệ Ấn Độ lúc còn là người thanh niên 26 tuổi cho đến khi ông mất ở tuổi 72, ông đọc hầu hết mọi quyển sách viết về Phật giáo và đi đến sự tin chắc rằng Đức Phật, cùng với Plato và Kant, là một trong ba vị chói sáng vĩ đại của thế giới. Ông chịu nhiều ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo trong khuôn khổ hệ thống triết học trừu tượng của mình. Ông tin chắc học thuyết của mình theo đúng với giáo lý của Đức Phật. Vì thế ông viết: *"Nếu tôi đã có được những kết quả triết học của tôi như một tiêu chuẩn để đánh giá cho sự thật, tôi thừa nhận Phật giáo có địa vị cao trọng nhất trong tất cả các tôn giáo thế giới. Dù sao chẳng nữa cũng vui sướng khi thấy học thuyết của tôi rất hài hòa với một trong những tôn giáo có số lượng tín đồ lớn nhất hành tinh."* Quả thực, có nhiều điểm mà trong đó triết gia Đức tán thành với Phật giáo: cả hai phủ nhận sự tồn tại Chúa; cả hai cho rằng không có bắt đầu cũng không có kết thúc của tiến trình vũ trụ được thiết lập; cả hai cho rằng sự tồn tại của nhiều thế giới; cả hai thấy không có sự khác biệt cốt lõi mà chỉ có sự khác biệt dần dần giữa con người và động vật, vì vậy, họ là những người nhiệt tình ủng hộ sự bảo vệ động vật, phản đối sự tàn nhẫn; họ không tin vào linh hồn bất tử và luân hồi vĩnh viễn, nhưng tin vào nghiệp dẫn đến tái sinh, là kết quả của các nghiệp ở kiếp trước; cả hai công nhận quy luật đạo đức (Dharma) là nhân tố linh động trong vũ trụ. Mặc dù cả hai có cách nhìn bi quan về cuộc sống, nhưng họ lạc quan vào mức độ như, cả hai tin chắc vào khả năng giải thoát khỏi những trở ngại của kiếp sống. Như với Đức Phật, cũng như với Schopenhauer, trạng thái giải thoát không thể diễn tả bằng thuật ngữ hay bằng lời lẽ thuộc thế giới hiện tượng của chúng ta. Hệ thống triết học của Schopenhauer, kết quả nguyên lai độc lập tư duy của chính ông, dĩ nhiên là có khác với Phật giáo ở nhiều điểm. Điều này phần nào tìm thấy cơ sở của nó trong thực tế rằng Phật giáo chưa được biết đến một cách đầy đủ ở Châu Âu vào thời của Schopenhauer.

Schopenhauer là sứ giả vĩ đại nhất của trí tuệ Phật giáo từng xuất hiện trong hàng triết gia của thế giới Tây phương. Các tác phẩm của ông có ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều nhà tư tưởng khác, những người vin vào chúng trong



HELMUTH VON GLASEHNAPP
(1891-1963)

lập luận của họ. Những tác phẩm ấy cũng rất sắc sảo trong việc nghiên cứu các thánh điển Phật giáo chỉ ít trong dịch phẩm. Một bằng chứng rõ rệt, ấn tượng sâu sắc mà Phật giáo đã làm được qua lời của đại nhạc sĩ, nhà soạn nhạc lừng danh Richard Wagner (1813-1883). Ông viết: *"Giáo lý của Đức Phật là cái nhìn thâm áo về cuộc sống đến độ, các học thuyết khác dường như nhỏ bé hơn khi so sánh với nó. Hàng triết gia với tư tưởng sâu sắc nhất, giới khoa học gia với thành tựu lớn nhất, tầng lớp họa sĩ với khả năng sáng tạo tột bậc nhất, người có tấm lòng rộng mở nhất đối với vạn loại có sự sống và đau khổ - hết thảy họ đều tìm thấy một chỗ trú vô hạn trong trí tuệ vô song tuyệt thế này"*.

Một sự thật không thể phủ nhận

là Phật giáo đã giữ vai trò quan trọng trong lãnh vực triết học của Ấn Độ khoảng 1500 hiện hữu trên tiểu lục địa Ấn, không phải chỉ vì nó đã sản sinh ra nhiều hệ thống triết học trừu tượng, nhiều trong số này thuộc loại cao diệu nhất đã từng được sinh ra trên mảnh đất tư tưởng phì nhiêu của Ấn, mà sự đóng góp của Phật giáo còn lớn hơn nhiều. Ngay khi xuất hiện, Phật giáo đã buộc các triết gia của Kỳ-na giáo và Bà-la-môn giáo phải cải tiến, sửa đổi để bảo vệ học thuyết của mình.

Trong luồng triết học trừu tượng của Ấn, những cuộc tranh luận sôi nổi giữa triết học Phật giáo về dòng biến diệt không ngừng và triết học Áo-nghĩa-thư về sự bất biến đã khởi lên để rồi nó đạt đến trình độ cao tột với sự thán phục của thế giới.

Từ một đoạn nổi tiếng trong kinh 22 của Trung Bộ, Đức Phật chỉ rõ (những điều) đối nghịch với học thuyết của Vệ-đàn-đà và Ca-tháp Áo-nghĩa-thư 4, 14, nơi mà các Bà-la-môn bác bỏ triết lý Phật giáo, sự tương phản giữa Vệ-đàn-đà và Phật giáo đã thấm vào toàn bộ triết học Ấn Độ, giống như cuộc luận chiến giữa khái niệm về thế giới của Heraclitus và Parmenides chi phối triết học Hy Lạp. Thường thì trong những trường hợp tương tự, mỗi bên học được nhiều và tiếp thu tư tưởng từ phía đối thủ. Với sự hiểu biết của tôi, thuyết Nhất nguyên của Đại thừa cho thấy sự ảnh hưởng mà Vệ-đàn-đà đã tác động lên Phật giáo thời kỳ sau. Mặc khác, thuyết duy tâm của Gaudapada và Shakara trong bộ Du-già-tẩu-tiên (Yogavasishtha) đã chịu ảnh hưởng triết lý thế giới bất thực của ngài Long Thọ và Vô Trước.

Nhưng sự đóng góp của Phật giáo cho tư tưởng triết học không giới hạn ở Ấn Độ. Phật giáo đã là thủy tổ và là nhà sáng lập triết học ở nhiều nước, những nước mà khi giáo lý của Đức



Phật chưa đến, nền triết học của họ chưa phát triển. Phật giáo khuyến khích giới trí thức ở Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Cam Pu Chia, Lào, Hàn Quốc, Nhật Bản, Tây Tạng, và Mông Cổ, nỗ lực cho triết học. Nơi có nền triết học cao như Trung Hoa cũng vậy, Phật giáo đã phát triển tư tưởng siêu hình bản xứ. Như đã biết, Lão giáo, chỉ ít ở những giai đoạn sau, đã chịu ảnh hưởng nhiều từ giáo lý nhà Phật. Và Khổng giáo cũng hàm ơn Phật giáo. Theo tôi, nhà sáng lập Tân Khổng giáo, Chu Hi (1130-1200), mặc dù là một đối thủ mạnh của Phật giáo, đã học rất nhiều từ Phật giáo. Những nhà duy tâm như Thiệu Ung (1011-1077) và Vương Dương Minh (1472-1528) cũng rút ra kinh nghiệm sâu sắc từ suối nguồn Đại Thừa.

Phật giáo đã có ảnh hưởng to lớn trực tiếp hay gián tiếp lên tư tưởng triết học ở khắp Nam và Đông Á, chứng tỏ nó đã thu hút mãnh liệt tâm tính người Châu Á.

Điều đáng chú ý là, ngược với tầm quan trọng vượt bậc Phật giáo có được ở Đông phương, cho đến bây giờ (1956) nó vẫn chưa thể bám rễ thật sâu trong tư tưởng ở Tây phương. Lý do cho sự thật này có thể được nêu ra là, giáo lý cao siêu của nhà Phật không dễ hiểu đối với người Tây phương dù Á Dục vương đã phái những đoàn truyền giáo đến các vua Hy Lạp.

Cho đến giờ, sự hiểu biết hiện tại của chúng ta chỉ dẫn đi đến một điều mà Phật giáo đã tiết lộ tinh hoa của nó cho Tây phương. Người Hy Lạp đã biết đến tôn hiệu Phật. Họ cũng biết sự dẫn sinh hy hữu của Ngài và biết về truyền thống Sa môn (*śrāmaṇa*) khác với những người khổ hạnh của Bà-la-môn. Vào thời Trung Cổ câu chuyện Đức Phật xuất gia được biết đến theo hình thức Cơ Đốc giáo trong truyền thuyết của Barlām và Josphat.

Marco Polo (1254-1323), nhà du hành nổi tiếng của Ý, đã tỏ lòng tôn kính đến cuộc đời thánh thiện của đức Cù Đàm khi ông viết trong Nhật Ký Hành Trình (*Travel Diary*): *Ngài sống cuộc đời tiết chế như một tín đồ Cơ Đốc đã làm. Ngài đã sống một đời sống thánh thiện và cao quý, Ngài là bậc đại thánh cũng như chúa Giê-su của chúng ta.* (2)

Tôi biết người Châu Âu đầu tiên đề cập đến tầm quan trọng của giáo lý nhà Phật, nhận ra nó khác biệt với các tôn giáo lớn của thế giới là nhà du hành người Pháp, La Loubere, người đã viết trong tác phẩm Vương Quốc Xiêm La (*Du Royaume de Siam*), xuất bản vào năm 1691, rằng "tôi nghĩ người sáng lập Phật giáo không tin vào đẳng thống trị thế giới." (tập I, tr.395). Chúng ta hàm ơn nhà Ấn Độ học vĩ đại người Anh, Henry Thomas Colebrooke (3) đối với sự giải thích đầu tiên về giáo lý nhà Phật rằng không có linh hồn chuyển sinh mà sự tái sinh do tác động của nghiệp gây ra. Trong bài diễn thuyết về "Các Giáo Phái Ấn Độ", đọc tại cuộc họp chung của Hội Hoàng Gia Châu Á, 3/2/1827, ông nói: *"Không có linh hồn bất tử, mà chỉ là sự tương tục của tư tưởng, đi kèm theo dòng tâm thức tồn tại trong thân (vật lý)."* Colebrooke cũng giải thích "Chuỗi nhân quả" liên kết sự tồn tại của cái này với cái khác. Tuy nhiều học giả Châu Âu đã đề cập điểm cốt yếu triết lý cao siêu này của Phật giáo, nhưng phải mất nhiều năm nghiên cứu trước khi căn bản thực sự của giáo lý này được làm sáng tỏ. Hai học giả người Nga, Theodore Stcherbatsky, và học trò của ông, Otto Rosenberg, trình bày học thuyết về các 'pháp', tức là sức mạnh của vô ngã, là khái niệm trung tâm của triết học, là phần dưới cùng của tất cả tư tưởng triết học Phật giáo. Nhà Ấn Độ học người Bỉ, La Valle Poussin, giải thích cặn kẽ hơn về vấn đề trong bản dịch Câu Xá Luận của ngài Thế Thân. Bây giờ chúng ta biết vì sao câu kệ nổi tiếng: "Các pháp từ duyên sinh -*Ye dhamma hetuprabhāvaḥ*" là cương lĩnh của toàn thể Phật-tử.

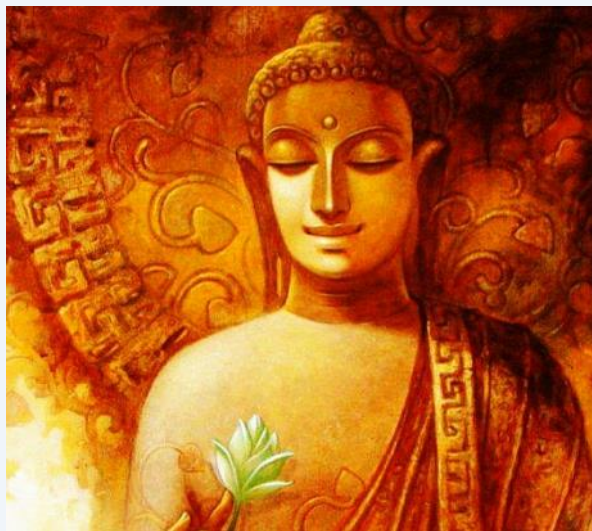
Thật đáng tiếc rằng hầu hết những nhà Ấn Độ học Châu Âu ở thời trước liên tục đặt mình vào việc nghiên cứu giáo lý sinh động của Phật giáo như chúng đã được truyền dạy qua, ít nhất 2000 năm, ít hơn việc nghiên cứu về giáo lý chính Đức Phật đã dạy. Nhiều người trong số học giả này cố gắng trình bày lời dạy của chính Đức Phật khác xa với những giáo lý đã thiết lập nền tảng cho toàn bộ triết học Phật giáo ngày nay. Tôi thấy dường như nó có vẻ không thực tế lắm vì Đức Phật vốn không phải là một triết gia, như vài học giả đã nghĩ. Vì theo niên đại trong những tài liệu còn lại cho thấy đời sống triết học phát triển rất cao đang tiến triển trong thời Ấn Độ cổ, Đức Phật không thể nào chiết phục những tín đồ thâm nhuần triết lý của Bà-la-môn và Sát-đế-lợi nếu Ngài không dạy một giáo lý bao hàm phép biện chứng rất tinh vi của các thuyết duy vật, bất khả tri, hoài nghi, và những hệ thống được thảo luận kỹ lưỡng của Bà-la-môn và Kỳ-na giáo.

Những học giả khác có quan niệm rằng lời dạy của Đức Phật là một hình thức đặc biệt của Vệ-đàn-đa và các tầng sĩ thời sau biến đổi nó đến hình thức hiện tại. Tôi nghĩ điều này không thể xảy ra. Vì để duy trì lời khẳng định này nhất thiết cần phải trình bày chi tiết giáo lý vô ngã của Phật giáo đã phát triển từ giáo lý bị

cho là hữu ngã của Đức Phật như thế nào. Sẽ không trích dẫn được lời nào của Đức Phật mà không liên hệ với bối cảnh và giải thích chúng theo cách đã nói. Cũng không hiểu được rằng, mặt khác, những tài liệu nơi sự ước đoán tùy tiện của chúng ta có đáng tin cậy đến độ cái gọi là học thuyết Vệ-đàn-đa chính gốc của Đức Phật lại có thể (y cứ) từ đó, và mặt khác nữa, những tài liệu này càng không đáng tin cậy (vì có thể) hầu hết nội dung triết lý siêu hình trong đó đã được những tăng sĩ thời sau sáng tạo. Cả tôi cũng không hiểu được, điều cần thiết gì khiến Đức Phật dạy một giáo lý mới tách bạch khi nó chỉ là sự tân trang của những học thuyết Áo-nghĩa-thư trong thời đại của Ngài.

Ta có thể hỏi giáo sư T.R.V.Murti, trong tác phẩm xuất sắc của ông về hệ Trung Quán, "Nếu Ngã (*ātman*) là giáo lý cốt yếu trong Phật giáo, tại sao nó ẩn quá kín dưới bụi rậm đến độ mà ngay cả những đệ tử trực tiếp của Phật cũng không xa xôi gợi ý về nó." (4) Theo ý tôi, từ quan điểm khách quan của học giả, chúng ta biết rằng ngày nay không thể xác định được giáo lý thực sự của Đức Phật vì chúng ta không có bản viết tay nào của chính Ngài cũng không có lời dạy nào được ghi lại vào thời đó. Tất cả chúng ta biết về Ngài qua kinh điển ghi lại bốn thế kỷ sau khi Ngài nhập diệt. Nếu chúng ta không thể nhận ra hoàn toàn chắc chắn lời dạy nguyên thủy của Đức Phật, chúng ta có thể hỏi, "Giáo lý nguyên thủy của Đức Phật là gì?" Tôi nghĩ, thích hợp hơn cả thì, chí ít, Giáo lý của Ngài là những điểm cốt lõi nhất mà các thể hệ tiền bối và những Phật-tử ngày nay thống nhất với nhau.

Tôi thấy có hai lý do cho việc thừa nhận cách giải thích theo kiểu Vệ-đàn-đa về giáo lý của Đức Phật. Một lý do là người cảm tính: người theo Vệ-đàn-đa có sự kính trọng tự nhiên để hài hòa lời dạy của đức Cù Đàm vĩ đại với hệ thống mà họ nghĩ là cao siêu nhất trên thế giới. Chính tôi viết vài bài về Vệ-đàn-đa với sự quý mến nhất đối với hệ thống này. Tôi xem Vệ-đàn-đa là một trong những khái niệm triết học vĩ đại nhất từng được phát minh trong tư tưởng nhân loại. Nhưng sự thần phục này không đưa tôi đến cách nhìn của một sử gia triết học Ấn, để rồi diễn giải những tư tưởng Vệ-đàn-đa vào các kinh điển Phật giáo. Lý do khác, vì sao nhiều học giả cố gắng giải thích giáo lý của Đức Phật theo kiểu Vệ-đàn-đa (vốn dĩ) là một loại quan kiến lịch sử. Đó là nhiệm vụ hiển nhiên của nhà nghiên cứu về lịch sử tư tưởng Ấn Độ



để chỉ ra sự tùy thuộc của mọi hệ thống mới vào những cái cũ hiện hữu trước đó, và để truy tìm nguồn gốc thật sự cho các tư tưởng đương thời. Bây giờ, không còn nghi ngờ về những triết lý cao siêu của Áo-nghĩa-thư đã có trước thời Phật. Vì trong một vài khía cạnh sự nhập diệt của Phật có vẻ giống với Phạm Thiên trong Vệ-đàn-đa, rồi viện lý cho rằng Đức Phật là một dạng của tín đồ Vệ-đàn-đa. Nhưng theo ý tôi đây là một sự đánh lừa. Vì sự

Niết-bàn của Phật không giống chút nào với Phạm Thiên, đáng tuyệt đối, đáng sáng lập thế giới hoặc đáng vượt ngoài mọi thứ, vượt ra ngoài cái được hình thành và phát triển. Chỉ có Niết Bàn là trạng thái an tịnh, thư thái, tĩnh lặng, trong đó nó có thể được so sánh với một trong những khía cạnh của Phạm Thiên. Nhưng có nhiều hệ thống khác trên thế giới, mục đích tối hậu của nó (cũng) là trạng thái cứu thế như vậy. Còn vài hệ thống như thế cũng khác xa với Nhất Nguyên Luận Vệ-đàn-đa (Advaita Vedanta) vì chúng có nền tảng từ thuyết cổ thần, như thuyết thần bí của Hồi giáo và Cơ Đốc giáo, hoặc như Kỳ-na giáo, đều phủ nhận sự hiện hữu của đẳng thống trị thế giới. Vì lý do này sự tham khảo Vệ-đàn-đa không có sức thuyết phục nào cả. Dĩ nhiên, khi ai đó lý luận rằng một nhu cầu tương tự đã ăn sâu vào nhiều tâm thức tôn giáo, nhưng không cần thiết và cũng không có khả năng truy tìm dấu vết tất cả các loại chủ nghĩa ẩn dật có cùng nguồn gốc.

Còn có một cuộc bàn cãi cho rằng có sự phụ thuộc đặc thù giáo lý của Đức Phật vào triết thuyết của Áo-nghĩa-thư. Phật giáo Thượng tọa bộ và tất cả những giáo phái xưa đều là hệ thống đa nguyên. Lúc bấy giờ lối giải thích đa nguyên về thế giới rất thịnh hành ở Ma-kiệt-đa, như Kỳ-na-giáo đã truyền bá cùng thời Đức Phật. Cho đến ngày nay, như tôi biết, không có ai từng cố gắng suy luận Kỳ-na giáo có từ triết thuyết Áo-nghĩa-thư hoặc giải thích học thuyết của nó theo kiểu Vệ-đàn-đa. Do đó, tôi không thấy cơ sở hữu lý nào để giả định rằng Phật giáo phải xuất phát từ nguồn Áo-nghĩa-thư.

Trong tác phẩm của tôi xuất bản năm 1940 viết về các giai đoạn phát triển tư tưởng Ấn Độ, tôi cố gắng truy tìm thuyết *Dharma* của Phật giáo có lai lịch vào thời đại Vệ-đà; vì Bà-la-môn và thánh điển Vệ-đà dạy thuyết đa nguyên về các nhân tố vật chất (vốn dĩ) nó rất giống với các *dharma* của Phật giáo, trong thời đại xa xưa các đặc tính tư tưởng Ấn Độ như thương, giận, hiểu biết v.v... được xem là vật chất tồn

tại gần như độc lập, và không được xem vốn có trong bất kỳ vật chất nào. Dĩ nhiên bên cạnh đó tôi không cho rằng các pháp của Phật giáo đồng nhất với các khái niệm cổ xưa này vào thời khởi thủy của thánh điển Bà-la-môn. Điều tôi muốn gợi ý chỉ là: thuyết *dharma* của Phật giáo có thể sinh khởi từ những tư tưởng có tiền thân của chúng trong thời đại Bà-la-môn. Giữa các khái niệm tương đối thô sơ và nguyên thủy của phương pháp tư duy xa xưa và phương pháp hết sức tao nhã của Đức Phật, được đặt vào những thế kỷ phát triển triết học. Có thể giữa hai giai đoạn như vậy, những nhà tư tưởng khác đã hoạt động để định hình và hoàn thiện những tư tưởng của họ, và về phương diện này, giáo lý nhà Phật cho rằng có nhiều đức Phật trước đức Cù Đàm không phải không có cơ sở.

Tôi đã cố gắng trình bày sự đóng góp của Phật giáo cho triết học. Tôi đã cố gắng trình bày tri thức Phật giáo đã phát triển từng bước trong lãnh vực tư tưởng của các học giả Châu Âu như thế nào. Tôi đã cố gắng trình bày vài vấn đề mà các nhà tư tưởng Châu Âu tìm cách giải quyết, và tôi lấy sự tự do tư tưởng cho thấy vì sao bản thân tôi đứng trên lập trường này. Có vẻ xa vời với tôi để giữ vững rằng những giải pháp tôi đã cố gắng cống hiến là giải pháp cuối cùng; tôi cũng không muốn áp đặt chúng lên bất kỳ ai uyên bác hơn tôi. Nhưng có lẽ, những ý tôi cố gắng trình bày ở đây có thể hình thành một nền tảng cho sự thảo luận để soi sáng những khía cạnh tư tưởng mới và có thể làm sáng tỏ vài vấn đề triết học Phật giáo.

Nguồn: https://www.bps.lk/olib/wh/wh111_Glasenapp_Buddhism-And-Comparative-Religion.pdf

(1) Diễn văn của Chủ tịch được phát biểu tại phiên họp lần thứ Năm về "Sự Đóng góp của Phật giáo cho Triết học" trong Hội Nghị Chuyên Đề về "Sự Đóng góp của Phật giáo cho Nghệ thuật, Văn học và Triết học" được Ủy Ban Lao Động, Chính Phủ Ấn Độ hợp tác với UNESCO tổ chức từ ngày 26-29/11/1956 tại New Delhi nhân dịp Lễ Phật Đản và kỷ niệm 2500 năm Phật nhập Niết Bàn. In lại từ tạp chí Đại Bồ Đề, số Vaisakha, 1957.

(2) "Illec fist moult grans adbsinences, ainsi comme s'il eust este crestien. Car s'il l'eust este, il feust un grand saint avec notre Seigneur Jhesucrist, a la bonne vie et honneste qu'il mena."

(3) H.Th. Colebrooke, Các Tiểu Luận về Triết Học của đạo Hindu (1829). E.B.Cowell tái bản các tiểu luận này, Luân Đôn, 1873, tập 11, tr. 419.

(4) T. R. V. Murti, *Triết Học Trung Tâm của Phật Giáo*, Luân Đôn, 1955, tr. 17.

SỬ XANH

*em ra bờ bắc hái bông
bờ nam tôi chụm lửa hồng nấu com
hai bờ tràn ngập khói sương
ở ngoài hàng giậu có hương bông lài
có trang tình sử vừa phai
nét mờ chữ tỏ đốt hoài com tôi.*

NGHÌN TRÙNG

*mây gọi gió một phương về bát ngát
chim gọi non, em gọi một lần tôi
và biển rộng gọi con tàu xa tấp
xa tấp tôi nghìn dặm tiếng ai cười.*

HUÔNG CHI

*tôi quay tit cuộc lên đồng
xuân xanh đùn đẩy qua lòng già nua
mơ màng hồn trẻ gió đùa
tịch nhiên ý đậu lên bờ cỏ bay
cờ vàng cờ đỏ bao ngày
cũng phai như bóng tôi phai cuối đường
cũng lỏng lẻo nẻo tà dương
huông chi oan nghiệt bày tuông dây dưa?
cũng quay tit cuộc tình cờ
sắc màu vàng đỏ lên chùa quy y
biển dâu chìm nổi mấy thì
kính còn ray rức huông chi là lời.*

thơ PHÙ DU



TỪ NGỌN ĐUỐC TUỆ 1963 ĐẾN TÌNH YÊU THƯƠNG

Nguyễn Văn Sâm

Đã hơn nửa thế kỷ trôi qua kể từ ngày Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu. Ý nghĩa của hành động bi hùng này có nhiều nhưng ngay lúc đó không ngoài việc Ngài đã dùng chính thân xác mình để đốt đuốc soi đường cho những ai dính dáng xa gần đến cuộc đàn áp và tranh đấu của Phật giáo dưới thời Tổng Thống VNCH, Ngô Đình Diệm. Hơn 50 năm qua, thời gian đủ để chúng ta bình tâm nhìn lại sự kiện lịch sử này không phải như một kỷ niệm đau buồn, hay bi hùng, cũng không phải như một kiến thức lịch sử cần phải biết mà là để rút ra bài học cho những bước tiến tương lai của dân tộc và cho chính mỗi con người nhỏ bé chúng ta trong cõi ta bà mê muội này.

Ngày 11 tháng 06 năm 1963 Ngài tự thiêu ngay tại trung tâm Sài-gòn, góc đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt. Thế giới rung động vì cử chỉ từ tốn của Ngài khi chấp tay lạy bốn phương rồi ung dung ngồi xuống kiết già để thực hành việc tự thiêu. Thân xác Ngài chùng một giờ đồng hồ sau đã biến mất. Vắng, biến mất, cuối cùng chỉ còn lại trái tim. Trái tim bất diệt về thực thể và về tượng trưng. Với dân chúng và tín hữu thì trái tim bất diệt thực thể ai cũng thấy được, cũng xuyết xoa thân phước sự linh thiêng của Ngài, thân xác đã thành tro bụi nhưng trái tim không mất. Để lại như một dấu ấn rằng Ngài đã đến thế gian này và đã ra đi theo một cách thể đặc biệt trong một hoàn cảnh nghiệt ngã của đất nước và của Phật giáo, để lại như một chứng tích của lòng dũng cảm, dám từ bỏ chính thân xác mình khi cần thiết. Về tượng trưng thì trái tim Ngài biểu lộ trong hành vi tự thiêu. Người vô minh, mê muội còn chấp nhứt đạo này đạo kia, còn ganh tỵ về sự lớn mạnh của một đạo nào đó không phải là đạo của mình nên có những cử chỉ gọi là đàn áp. Mê nên chỉ thấy phần tự do tín ngưỡng của

mình mà quên quyền tự do tín ngưỡng của người khác, của thành phần khác trong cộng đồng dân tộc. Mê nên chỉ thấy cần đàn áp để mình được chút vinh danh, chút bổng lộc, chút tư thế trong guồng máy cai trị. Ngọn đuốc thắp sáng lên nếu bằng những vật liệu bình thường thì tác dụng thiết là bình thường, có thể nói là không có gì đáng kể. Đàng này Ngài đã lựa

chọn phần quý nhứt của con người: mạng sống của chính Ngài. Với một người tu hành, tuy được thắm nhuần trong lý thuyết là thân thể này vốn huyễn ảo, có có không không, chẳng gì khác hơn là sự kết hợp của ngũ uẩn và tứ đại nhưng về mặt khác cũng được lưu ý là ta không thể hủy hoại thân thể mình, nó kết hợp với thần thức ta để tạo nên con người ta. Hủy hoại thân xác tức là hủy hoại luôn thần thức của một người. Đó là chưa kể đạo lý bình thường nhứt là phụ công cha mẹ sinh thành nuôi nấng, theo lời dạy của *Kinh Phật Thuyết Đại Báo Phụ Mẫu Ân Trọng* vốn được lưu truyền trong giới Phật giáo đồ từ thế kỷ 17 đến ngày nay bằng bản chữ Hán và cả bản dịch Nôm được phổ biến sâu

rộng trong các chùa chiền. Thế nên ta biết chắc rằng trước khi quyết định tự thiêu Ngài đã suy nghĩ thao thức, cân phân coi đây phải là hành động cần thiết hay không.

Sự suy nghĩ đó nằm trong hai tài liệu quan trọng mà Ngài để lại là *Đơn Xin Thiêu Thân* gửi cho Giáo Hội Tăng Già Việt Nam viết bằng chữ Quốc Ngữ và *Lời Nguyên Tâm Quyết* viết bằng chữ Nôm mà ít người được biết trong đó có những câu toát lên lòng vị tha của Ngài.

Trong *Đơn Xin Thiêu Thân* Ngài xác nhận rằng mình đi theo con đường chung của Phật Giáo đồ là tranh đấu bất bạo động. Ngài nói rất rõ ràng:

"Nguyên luôn luôn son sắt bền chí với lý tưởng tranh đấu hợp tình hợp lý, bất bạo động"



của Phật giáo đồ Việt Nam."

Tự thiêu là con đường bất bạo động tuyệt cùng. Không muốn làm đau đớn cũng như làm hại người khác, dầu cho người khác đó có bách hại tôn giáo mình, tàn sát tín hữu mình.

Trong Lời Nguyên Tâm Quyết mà ta có thể coi là lời tuyệt mệnh của

Ngài, ta không thấy một chút xíu giận ghét nào, chỉ thấy lòng Ngài bao la, bình tâm cầu mong cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm sáng suốt giải quyết vấn đề êm đẹp, cầu mong cho Tổng Thống lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân, thi hành chánh sách bình đẳng tôn giáo.

Ta hãy đi vào chính văn bức thư, ở đoạn quan trọng đó:

"Một là mong ơn Phật Trời gia hộ cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản tuyên cáo.

Hai là nhờ ơn Phật tử bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt.

Ba là mong nhờ hồng ân Đức Phật gia hộ cho chư Đại Đức, Tăng ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi tai nạn khủng bố, bắt bớ, giam cầm của kẻ gian ác.

Bốn là cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc.

Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gởi lời đến Tổng Thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân, thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo..."

Chắc chắn rằng dưới mắt Ngài, Tổng Thống Ngô Đình Diệm không phải là người đối nghịch cần phải triệt diệt, mà chỉ là người vướng mắc trong sự mê lầm nhứt thời cho nên Ngài cầu mong Tổng Thống sáng suốt, sáng suốt với vấn đề và sáng suốt áp dụng sự bình đẳng đối với toàn thể quốc dân. Nhứt là đem tấm lòng từ bi bác ái của con người mà áp dụng cho toàn thể quốc dân.

Những sự việc xảy ra kể đó về sự thay đổi ngôi có chết chóc, có bắn giết... sau ngày Ngài tự thiêu là những sự việc của chánh trị trên cao tầng, của sự sắp xếp bàn cờ thế giới, của những bàn tay cao thủ ngoài dự kiến của người Việt Nam, kể cả Ngài.

Trở lại sự kiện tự thiêu. Bình luận, khen chê, trách móc, phục tôn đối với một hành vi nào đó thế thường luôn luôn có, huống chi là sự tự thiêu. Đây là chuyện bình thường của cuộc đời xã hội. Tôi chỉ xin lược qua mấy ý từ



bài thơ *Lửa Từ Bi* của thi sĩ Vũ Hoàng Chương để soi rõ hơn bài nói chuyện hôm nay. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương coi sự Tự Thiêu Thân của Ngài là hành động bi hùng khiến rơi lệ cả thế giới, cả vũ trụ:

*"Hai vầng sáng
rừng rực
Đông Tây nhòa lệ
ngọc."*

Kết quả là:

*"Muôn vạn khối
sân si vừa mở*

mắt."

Toàn dân trong nước lúc đó có bớt sân si chẳng? Điều này tùy thuộc nghiệp lực của cả dân tộc: cộng nghiệp của quốc gia Việt Nam ta, việc này liên quan đến nhiều yếu tố, khó lòng mà thấy ngay được.

Mỗi cá nhân có bớt sân si chẳng? Điều này nằm trong cái nghiệp của mỗi con người. Hòa Thượng đốt đuốc soi đường, nhưng mỗi cá nhân phải nhìn vào đó bằng chính *con tim* mình, bằng chính cái tuệ giác của mình để sửa lại đường đi của bản thân cho đúng. Đúng đường đời và đúng đường đạo. Chính mỗi con người thời đó và *mãi mãi về sau* phải tự rút ra bài học hướng dẫn đời mình. Hòa Thượng chỉ hiến thân mình làm Đuốc Tuệ, chẳng mưu cầu gì ở lời ca tụng, ở bia ký, ở đài kỷ niệm, ở bút giấy ghi công, ở lời ngợi ca sùng thượng:

"Ngọc hay đá tượng chẳng cần ai tạc,

Lụa hay tre nào khiến bút ai ghi..."

Vầng điệu của thi nhân chỉ còn là rơm rác."

Bài học, cái nhìn ý nghĩa từ hành động của Ngài và sự cố gắng của mỗi người để thực hành bài học đó mới đáng kể, kỷ dư chỉ là phù phiếm, vô ích hay lợi dụng. Ngọn Đuốc Tuệ đã được thắp lên, soi tỏ cho chúng sinh để từ đó giúp chúng sinh thoát khỏi mê lầm. Nhưng chúng sinh có mở mắt chẳng đó mới là điều quan trọng.

Tiếp theo Ngọn Đuốc Tuệ của Ngài, nương theo ánh sáng đạo mầu dẫn dắt nên trong suốt thời gian mấy mươi năm trôi qua, biết bao nhiêu tăng ni đã theo gương ngài mà dùng chính thân mình soi sáng đường cho thế gian bớt mê lầm, không phải chỉ trong nước Việt ta mà ở trong các nước Phật giáo khác nữa. Tây Tạng là một trường hợp điển hình với ít nhứt hơn vài trăm cuộc tự thiêu mà báo chí có thể biết được.

Nhưng than ôi, con người vốn dễ mê lầm nên nhân loại còn chiến tranh, còn chia rẽ và còn đày đoạ nhau vì lợi ích của chính mình và gia đình mình. Chúng ta hằng năm ôn lại hành động của Ngài để tỉnh thức, thoát ra ngoài

những mê lầm, sống nương theo Phật tính, bởi vì *"Tỉnh thời Là Phật, Mê là Chúng Sanh"* (Toàn Nhật Quang Đài).

Vì Ngài đã thành một nhân vật lịch sử sáng giá. Hành động của Ngài là hành động đặc biệt trong lịch sử Việt Nam, tuy vô tình nhưng đem đến hệ quả làm thay đổi một giai đoạn lịch sử của Việt Nam Cộng Hòa cho nên nhà cầm quyền hiện tại ở VN cố lái ý nghĩa của sự tự thiêu này, cố mập mờ về tiểu sử của Ngài, cố tạo cho Ngài một ý muốn mà tôi biết rằng thâm tâm Ngài không hề có là:

(1) Muốn đánh đổ chế độ Cộng Hòa của Miền Nam, và

(2) Đòi cho được sự không kỳ thị tôn giáo đối với Phật giáo ở giai đoạn 1963.

Thật ra theo tôi, Hòa Thượng Thích Quảng Đức không chủ trương hai điều này: Xin xem lại Lời Nguyên Tâm Quyết:

"Bốn là cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc."

Cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc nghĩa là không có đánh giết nhau để giành dân chiếm đất, không có giết hại dân đen vô tội, không có khủng bố viên chức, càng không có chuyện làm sụp đổ chế độ để áp dụng chế độ kia. Chuyện đánh đổ chế độ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm là chuyện chắc chắn không có trong ý niệm của Ngài Quảng Đức khi Ngài toan tính thực hiện chuyện tự thiêu.

"Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gởi lời đến Tổng Thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân, thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo..."

Tổng Thống nên lấy lòng bác ái đối với quốc dân, thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo có nghĩa là bình đẳng đối với **tất cả** tôn giáo, không có một sự quá trọng đối với bất cứ một tôn giáo nào mà coi thường *những* tôn giáo khác. Sự đòi hỏi của Ngài tuy không nói ra rõ ràng nhưng hàm chứa phải có **sự bình đẳng** đối với 4 tôn giáo lớn của Miền Nam là Thiên Chúa giáo, Phật Giáo, đạo Hòa Hảo, Cao Đài giáo... Đòi hỏi **sự bình đẳng chung** cho các tôn giáo hiện diện trong nước vượt trên sự đòi hỏi không bị kỳ thị chỉ riêng cho tôn giáo của mình. Tâm hồn cao đẹp của Ngài nằm trong mấy chữ vừa nêu lên: **bình đẳng tôn giáo**.

Xin nói thêm một lần nữa về sự tự thiêu.

Tự thiêu khác với *'gài mìn'* hay *'đánh bom tự sát'* về nhiều mặt. Tự thiêu không có mục tiêu sát thương dân chúng và chức quyền của đối phương. Cũng không có ý rằng cái chết của mình sẽ được đền bù gì đó cho mình ở Thiên Đàng hay Niết Bàn trên thượng giới hay là sự vinh danh ở cõi đời này... Tự thiêu là **hành vi vô hóa** xác thân mình bằng **đường hòa bình**, đem **từ tâm** mình thức tỉnh **mê tâm** của bên phe mà mình đương nói chuyện với. Tự thiêu do đó được nể phục bởi phe đương đối thoại,

được kính trọng khắp nơi trên thế giới do mình hiểu thấu sự huyền ảo của thân xác mà hành động, do thấu hiểu sự từ bi mà đem thân làm đuốc soi đường để mong giải quyết bế tắc.

Một bài thơ nhỏ trong một tác phẩm xưa (Tuồng Lôi Phong Thập, thế kỷ 19) như sau, diễn tả sự có-không của tất cả mọi thứ theo quan niệm của người thấu hiểu Phật đạo, chắc chắn rằng Ngài Thích Quảng Đức đã đọc hay ít nhất đã nghiền ngẫm những ý tưởng tương tự rải rác đây đó trong các kinh kệ:

*Tự không nhi sắc, sắc nhi không,
Tịch mịch hư vô lý mạc cùng.
Thổ giác trượng khiêu đàm để nguyệt,
Qui mao thẳng truyến thụ đầu phong.*

dịch:

Từ không thành có, có thành không,
Tịch mịch hư vô, lý chẳng cùng.
Sừng thỏ đem khêu trăng đáy nước,
Lông rùa lại buộc gió trên cây.

Vâng! Sừng thỏ vốn không có, trăng đáy nước như có *mà cũng là không* nên chẳng thể dùng sừng thỏ để khêu lấy mặt trăng dưới đáy nước được. Lông rùa vốn không hiện hữu, gió trên đầu cây như có *mà cũng là không* nên không thể dùng lông rùa để buộc gió trên đầu ngọn cây được.

Thì sự có - không của thân xác một đời người chỉ là một sát na của thời gian miên viễn, có gì đâu là quan trọng. Thì một người liễu đạo tự thiêu vì lý do chánh đáng cũng là lẽ bình thường.

Xưa Đức Phật một đêm nọ bỏ cung điện ra đi và nguyện: *'Ta sẽ trở về khi thấy Đạo, khi giải thoát nhân gian thoát bể sâu đau.'* Bể sâu đau của nhân sinh, cách này hay cách khác, do Sinh Lão Bệnh Tử và do lòng sân si, đam mê vọng động của **Tâm thường tình** ở bên trong mỗi con người.

Đức Phật *ngày xưa bỏ hết* để đi vào rừng tìm đường cứu vớt nhân sinh, *năm 1963* Hoà Thượng Thích Quảng Đức **bỏ hết** để đi vào lửa trao ra một thông điệp yêu thương, bình đẳng, *ngày nay* tuổi trẻ Việt Nam cũng đang bỏ hết để hăng ngày giống lên tiếng chuông cảnh tỉnh đại họa mất đất, mất biển, mất nước, mất tự do mà dân tộc ta đương gánh chịu.

Con đường thương yêu đồng bào, thương yêu đồng loại là con đường liên tục nhưng thể hiện bằng nhiều cách thế. Cái khó là *nhìn thấy* hướng đúng, hướng phù hợp với từng người! Cái khó vạn nan kế tiếp là hân hái bước lên đi vào **hành động**...

Nam Mô A Di Đà Phật.

Nguyễn văn Sâm

*(Nguyên Giáo Sư tại các Viện Đại Học Vạn Hạnh, Cao Đài, Hòa Hảo trước năm 1975)
(Bài nói chuyện tại chùa Bát Nhã, CA, USA,
ngày 23 tháng 06 năm 2012 nhân ngày lễ Hòa
Thượng Thích Quảng Đức, sửa lại và thêm năm
2013.)*

THIỀN TẬP CHO CẢNH SÁT

Nguyễn Giác

Cảnh sát là một nghề căng thẳng hơn rất nhiều nghề khác trong đời thường. Đôi khi, buổi sáng ra đi, không chắc gì buổi chiều đã toàn vẹn trở về. Tại một vài khu phố nổi tiếng bạo lực ở Hoa Kỳ, khi bóng đêm buông xuống, và những hoạt động mờ ám của xã hội trở nên dày đặc hơn, người cảnh sát có khi phản ứng chậm là chết; nhưng nếu phản ứng hấp tấp và bất cần, có khi lại gây ra những thương tích và tử vong oan ức. Do vậy, căng thẳng là bệnh thường nhất của cảnh sát.

Thực tế, sát thủ lớn nhất đối với cảnh sát chính là "tự sát." Tình hình tự sát trong giới cảnh sát Hoa Kỳ có tỷ lệ nhiều gấp 1.5 lần so với dân số đời thường.

The Badge of Life ghi nhận thống kê rằng trong năm 2016, có 108 trường hợp tự sát. Điều để suy nghĩ, tuổi trung bình các trường hợp cảnh sát tự sát là 42 tuổi, và có trung bình 17 năm trong nghề.

Một cuộc nghiên cứu của Tiến sĩ John Violanti, giáo sư y khoa phòng ngừa tại đại học University of Buffalo School of Public Health and Health Professionals, cho thấy cảnh sát gặp nhiều bệnh hơn đời thường, trong đó hai yếu tố chính là: giờ làm việc xoay chuyển trong ngày, và căng thẳng. Vì giờ làm việc bất thường, nên mất ngủ là dễ gặp. Vì đối phó thường xuyên với bạo lực, nên căng thẳng thường trực dễ dẫn tới bệnh mập phì, khó ăn, đau tim, tiểu đường, ung thư...

Nghiên cứu này cho thấy 40% cảnh sát mập phì, trong khi đời thường là 32%; 25% cảnh sát có dấu hiệu metabolic syndrome (hội

chứng bất thường sinh hóa, dễ dẫn tới tiểu đường và đột quỵ)...

Kết quả nghiên cứu của Violanti in trên tạp chí Journal of Psychoneuroendocrinology hồi tháng 1/2017 cũng cho thấy tuổi thọ trung bình giảm: nam cảnh sát ở Ty Cảnh Sát Buffalo (tiểu bang New York) là 68 tuổi, trong khi dân số đời thường là 78 tuổi.

Trong tình hình như thế, nhiều ty cảnh sát Hoa Kỳ chọn giải pháp thiền tập – một phương thuốc đối trị có thể chống được bệnh mất ngủ, và đồng thời giảm được căng thẳng.

Hình ảnh cảnh sát Hoa Kỳ ngồi thiền đã trở nên phổ biến qua các bản tin truyền hình, báo chí. Bạn chỉ cần vào trang web: images.google.com và gõ chữ "police meditation" sẽ thấy cảnh sát Mỹ, Anh, Canada, Ấn Độ... đang ngồi thiền. Hoặc ngồi nhiều người trong hàng ngũ, hoặc ngồi đơn độc... trong phòng, trong thư viện, nơi hành lang, trên góc phố, góc vườn...

Nữ thiền sư nổi tiếng nhất trong giới dạy thiền cho cảnh sát Hoa Kỳ là bà Cheri Maples, học trò lâu năm của Thầy Thích Nhất Hạnh và năm 2008 được nhà sư Việt Nam này tấn phong làm giáo thọ. Bà tốt nghiệp Tiến sĩ Luật, có nhiều năm làm việc ở cương vị phụ tá Bộ Trưởng Tư Pháp Wisconsin về tư pháp hình sự, Trưởng Phòng Quản Chế và Tội Ngoại của Bộ Cải Huấn Wisconsin, và là đồng sáng lập viên Center for Mindfulness and Justice, một trung tâm nghiên cứu, thuyết trình, và hướng dẫn thiền tập.

Cảnh sát tiểu bang California cũng quan tâm về thiền tập. Báo San Jose Mercury ngày 26/1/2017 cho biết thành phố Menlo Park ở Bắc Calif. sẽ chi 59,000 đôla để gửi 29 cảnh sát đi sang tiểu bang Oregon học thiền trong khóa huấn luyện dài ba ngày.

Người sẽ dạy cho nhóm cảnh sát California này là Richard Goerling, một trung úy cảnh sát ở thị trấn Bend, Oregon. Goerling tốt nghiệp pháp thiền chánh niệm từ đại học UCLA, nơi nổi tiếng với phương pháp Dùng Chánh Niệm Để Giảm Căng Thẳng – viết tắt MBSR (mindfulness-based stress reduction) — do Tiến sĩ Jon Kabat-Zinn hướng dẫn.

Robert Jonsen, Cảnh sát trưởng thị trấn Menlo Park, nói với báo SJ Mercury rằng nếu đợt đầu huấn luyện tốt đẹp, ông hy vọng toàn bộ nhân viên Ty Cảnh Sát Menlo Park sẽ đi dự



huấn luyện thiền tập, cần tới 2 năm, với chi phí tổng cộng là 177,000 USD, nghĩa là tốn thêm 118,000 USD.

Mới biết, cảnh sát California chịu tổn tiền. Trong khi đó, một đơn vị cảnh sát ở Ontario, Canada, đã đưa nhân viên đi học một khóa thiền thần tốc, theo một bản tin ngày 13/4/2016 trên báo The Huffington Post Canada. Và không nghe báo này nói chuyện tốn kém gì.

Cảnh sát của Ty Cảnh Sát Khu Vực Peel Regional Police ở Ontario, Canada, tới ngôi chùa có tên là West End Buddhist Temple and Meditation Centre để nghe vị sư Phó trụ trì Bhante Saranapala dạy về thiền chánh niệm. Hình ảnh hàng chục cảnh sát Canada ngồi trong chánh điện nhà chùa để ngồi hít thở quả nhiên là rất khó nhìn thấy ở nơi khác.

Nhà sư Saranapala (sinh ở Bangladesh, nhưng xuất gia ở Sri Lanka) nói rằng thầy cũng sẽ dạy một buổi thiền tương tự cho cảnh sát Tỉnh Ontario vào tháng 5/2016.

Trong khi đó, cảnh sát Quận 3 của Ty Cảnh Sát Detroit, thành phố lớn nhất của tiểu bang Michigan và là thành phố có tỷ lệ sát nhân cao nhất và tỷ lệ tội bạo lực cao nhất Hoa Kỳ trong năm 2013, có một cách để giảm căng thẳng: một xe truck khổng lồ, thiết kế làm một căn phòng thiền tập, để các cảnh sát có thể vào đó học thiền và ngồi thiền. Muốn xem chiếc xe thiền đường này, bạn có thể vào YouTube và gõ chữ "Meditation at the Detroit Police Department"...

Trong khi đó, bản cẩm nang của cảnh sát Úc Châu "Meditation for Police" trên địa chỉ mạng www.policehealth.com.au có đưa ra những lời khuyên về thiền tập, thích nghi với đời sống của một cảnh sát.

Không nhất thiết phải ngồi, nhưng là luôn luôn giữ tâm tỉnh thức trong tất cả hoạt động thường ngày như đi bộ, nấu ăn, lau nhà, hay khi vận chuyển. Hãy tỉnh thức nhìn vào mọi cử chỉ trong việc làm hàng ngày. Nên ra đi bộ hay tập thể dục hàng ngày ngoài trời, với tỉnh thức từng bước chân và từng động tác.

Bản cẩm nang cảnh sát Úc khuyên giữ 5 điều, tóm lược như sau.

Thứ nhất, không suy nghĩ. Chỉ ghi nhận thôi. Đừng phán đoán hay dán nhãn hiệu về chuyện bạn đang làm. Chỉ ghi nhận chi tiết.

Thứ nhì, hơi thở là quan trọng nhất. Nếu thấy tâm chạy lang thang, hãy đưa tâm về hơi thở và như thế là ở với giây phút hiện tại.

Thứ ba, ghi nhận về các cảm thọ, vì đó chính là cái bạn đang ở "bây giờ và ở đây"... Bạn đang thấy, nghe, ngửi, cảm thọ và nếm gì?

Thứ tư, đối trị các niệm tiêu cực. Nếu thấy không tập trung được vào việc đang làm, hãy làm việc khác. Hãy viết xuống giấy những gì bạn suy nghĩ. Hãy đi bộ một chút [rồi mới ngồi trở lại]. Hãy đi tắm. Có thể vì bạn quá nỗ lực để thư giãn.



Thứ năm, hãy chấp nhận rằng thiền tập đang trôi chảy hiệu quả. Mục tiêu không phải là tìm hiểu hay phân tích, nhưng chỉ đơn giản là cùng sống với thiền tập.

Có một băng hình ngắn, cho thấy nhiều viên chức của Ty Cảnh Sát Tempe (tiểu bang Arizona) tham dự một buổi thiền tập dưới sự hướng dẫn của thiền sư Jeff Warren và phóng viên Dan Harris của truyền hình ABC News. Băng hình (<https://www.yahoo.com/news/10-happier-guided-meditation-session-184743834.html>) dài khoảng 11 phút, cho thấy phương pháp các cảnh sát nơi này thiền tập. Bạn có thể xem băng hình này và sẽ biết cách tự thực tập, và cũng sẽ biết cách hướng dẫn những người khác cùng ngồi thiền. Chú ý nơi đây rằng, cảnh sát chọn phương pháp thiền tập đơn giản nhất, dễ tập nhất, để truyền dạy nhất, và không có yếu tố tôn giáo.

Phương pháp đơn giản này có thể tóm lược như sau: Mời người tham dự ngồi trên ghế, thẳng lưng, giữ người thư giãn, mắt nhắm (hoặc mở lim dim ngó phía trước, sao cho thoải mái), hít nhẹ hơi vào và thở nhẹ hơi ra sao cho không thấy vướng víu, cảm thọ 2 bàn chân chạm mặt đất, chú tâm vào hơi thở, nên cảm thọ ở hơi thở vào và hơi thở ra nơi lỗ mũi, nếu thấy tâm lang thang hãy chú tâm trở lại hơi thở, nếu có ai thấy không thuận tiện chú tâm vào hơi thở hãy chú tâm vào hai bàn tay hay cảm thọ mình gắn liền với mặt đất trong không gian này, giữ tâm nhận biết về những gì xảy ra và chớ phê phán gì, chỉ duy cảm thọ hơi thở dịu dàng, hãy chú tâm vào hơi thở và để mọi chuyện trôi chảy tự nhiên, chớ bận tâm gì về tất cả những gì xảy ra chung quanh...

Nếu bạn muốn cho đơn giản hơn, để nhớ hơn, chỉ cần làm theo 2 câu này thôi:

Thở vào dịu dàng, biết và cảm thọ hơi thở vào.

Thở ra dịu dàng, biết và cảm thọ hơi thở ra.

Như thế là cẩm nang ngắn nhất. Và cũng là cơ hội tập suốt ngày, vì có ai ngưng thở đâu nào. Và như thế, cũng hiệu quả mà đâu có cần tốn nhiều tiền và đi học xa như nhân viên của Ty Cảnh Sát Menlo Park.

THI KỆ "BỐN NÚI" CỦA TRẦN THÁI TÔNG

Nguyễn Lương Vỹ giới thiệu và dịch

Trần Thái Tông (09.07.1218 - 05.05.1277), là vị vua đầu tiên của nhà Trần trong lịch sử Việt Nam. Ngài làm vua từ năm 1225 đến năm 1258, sau đó lên làm Thái thượng hoàng cho đến khi qua đời.

Năm 1258, vua Trần Thái Tông trực tiếp lãnh đạo và đánh thắng quân xâm lược nhà Nguyên lần thứ I. Ngài còn là một thiền sư lỗi lạc, đã để lại cho đời sau những tác phẩm rất giá trị: *Khóa Hư Lục*, *Thiền Tông Chỉ Nam*, *Chú Giải Kinh Kim Cương Tam Muội* và *Lục Thời Sám Hối Khoa Nghi*.

Ngài còn được xem là người có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành Thiền phái Trúc Lâm sau này, do Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông (cháu nội của vua Trần Thái Tông) là vị tổ thứ Nhất vào cuối thế kỷ 13.

Trong sách *Khóa Hư Lục*, Trần Thái Tông có viết 5 bài thi kệ, gọi chung là "Kệ Bốn Núi", gồm 1 bài thi kệ mở đầu, viết theo thể thất ngôn tứ tuyệt và 4 bài thi kệ thất ngôn bát cú, nói về 4 chủ đề *Sinh*, *Lão*, *Bệnh*, *Tử*, có ý nghĩa và tư tưởng rất thâm diệu về Phật pháp.

"Kệ Bốn Núi" là y cứ trong kinh Tập A Hàm (Hán tạng, bài 1147) và kinh Tương Ưng Bộ (Pali tạng, Samyutta Nikāya, bài 136 - Hòa thượng Thích Minh Châu dịch). Nội dung trong 2 bản kinh này đều có nói về "Bốn Núi" (*Sinh*, *Lão*, *Bệnh*, *Tử*). Ngài Trần Thái Tông có ý viết những bài thi kệ này nhằm giảng giải nghĩa lý cho tăng chúng và Phật tử dễ hiểu.

Sự tích về "Bốn Núi" trong kinh có ghi, đại ý: "Một hôm vua Ba-tư-nặc đi chinh phạt loạn quân ngoài biên giới. Khi đánh thắng xong quân giặc, Vua kéo quân về đến gần tịnh xá của đức Phật, dừng quân lại và đích thân đến đánh lễ Phật. Đức Phật hỏi: *Đại vương đi đâu về mà xem có vẻ nhọc nhằn?* Vua bạch rằng: *Con đi chinh phạt bọn ngoại xâm, vừa chiến thắng trở về.* Khi trả lời với đức Phật, nét mặt vua Ba-tư-nặc hiện ra kiêu khí của người thắng trận. Đức Phật hỏi: *Này Đại vương, nếu có người ở phương Đông đến thưa thế này: Tôi thấy một ngọn núi từ phương Đông lăn về đây, lăn đến đâu nghiền nát có cây người vật ở đó. Lại có một người phương Nam tới cũng thưa: Đại vương có một ngọn núi ở phương Nam đang lăn về đây, lăn đến đâu nó đều nghiền nát cây cỏ người vật. Cũng như vậy, phương Tây, phương Bắc, mỗi phương cũng có một ngọn núi đang lăn về, lăn đến đâu cây cỏ người vật đều bị*



nghiền nát. Nếu có người báo bốn ngọn núi đang lăn về, tàn sát cây cỏ, người và vật thì Đại vương sẽ cử đội quân nào để đi chinh phạt chúng? Vua Ba-tư-nặc thưa với đức Phật: *Dẫu đội quân có tài trăm trận trăm thắng đi nữa cũng không thể nào chinh phục được bốn núi đó.* Đức Phật bảo: *Bốn núi đó là Sinh, Già, Bệnh, Chết. Dẫu cho ai tài giỏi đến đâu, dũng mãnh đến đâu cũng không thắng được, không chinh phục được Sinh, Già, Bệnh, Chết mà đều bị chúng nghiền nát.* Nghe như thế, kiêu khí của nhà vua không còn nữa."

Sách *Khóa Hư Lục Giảng Giải* của Hòa thượng Thích Thanh Từ (NXB Thường Chiếu, Phật lịch 2540, Dương lịch 1996) cũng có phần dịch và bình giảng "Kệ Bốn Núi" của ngài rất sâu sắc. Kính mời bạn đọc tham khảo thêm trên trang mạng thuvienhoasen.org.

TỨ SƠN KỆ

*Tứ sơn tiểu bích vạn thanh tòng,
Ngộ liễu đô vô vạn vật không.
Hi đắc lư nhi tam cước tại,
Mạch kị đà sẵn thưởng cao phong.*

Dịch thơ:

BÀI KỆ BỐN NÚI

*Bốn núi cao, xanh ngắt vạn tòng,
Tuệ giác soi, tất thảy đều không.
Nếu vui, hãy cưỡi lừa ba cẳng,
Lên đỉnh núi cao cho thỏa lòng?*



Trúc lâm thiền tự

NHẤT SƠN (Sinh)

*Chân tế huân đào vạn tượng thành,
Bản lai phi triệu hựu phi manh.
Chỉ sai hữu niệm vong vô niệm,
Khước bội vô sinh thọ hữu sinh.
Tị trước chư hương thiết tham vị,
Nhân manh chứng sắc nhĩ văn thanh.
Vĩnh vi lãng đẳng phong trần khách,
Nhật viễn gia hương vạn lí trình.*

Dịch thơ:

BÀI NÚI SỐ 1 (Sinh)

*Đất trời kết tập, pháp sinh thành,
Trước nay không mối cũng không manh.
Sai lầm hữu niệm quên vô niệm,
Chối bỏ vô sanh nhận hữu sanh.
Mũi lưỡi mê tham hương với vị,
Mắt tai ái dục sắc và thanh.
Lãng đẳng phong trần thân đất khách,
Xa quê ngày tháng mãi lênh đênh.*

NHỊ SƠN (Lão)

*Nhấn sinh tại thế nhược phù âu,
Thọ yếu nhân thiên mạc vọng cầu.
Cảnh bức tang du tượng hướng vân,
Thân như bồ liễu tạm kinh thu.
Thanh điều tích nhật Phan Lang mẫn,
Bạch biến đương niên Lã Vọng đầu.
Thế sự thao thao hồn bất cố,
Tịch dương Tây khứ thủy Đông lưu.*

Dịch thơ:

BÀI NÚI THỨ HAI (Già)

*Kiếp người như bọt nước phù du,
Thọ yếu đừng mong ở vọng cầu.
Cảnh dâu im bóng chiều phai nhạt,
Nhánh liễu đầu hiu thu ủa màu.
Phan Lang thưở ấy còn trai trẻ,
Lã Vọng giờ đây đã bạc đầu.
Chuyện đời thôi nhắc, trời Tây đã,
Ác lặn, triều Đông nước chảy mau.*

TAM SƠN (Bệnh)

*Âm dương khiến đức bản tương nhân,
Biến tác tai truân cập thể nhân.
Đại để hữu thân phương hữu bệnh,
Nhược hoàn vô bệnh diệc vô thân.
Linh đan mạn sá trường sinh thuật
Lương dược nạn linh bất tử xuân.
Tảo nguyện viễn li ma cảnh giới,
Hồi tâm hướng đạo dưỡng thiên thân.*

Dịch thơ:

BÀI NÚI THỨ BA (Bệnh)

*Âm dương không hợp lẽ với người,
Tai họa gây ra phải vậy thôi.
Có thân có bệnh, đương nhiên thế,
Không thân không bệnh, tất nhiên rồi.
Sống lâu sống mãi, u mê hết,
Thuốc tiên thuốc thánh, phỉnh lừa chơi.
Hãy sớm lìa xa ma cảnh đó,
Quay về chánh đạo thoát luân hồi.*

TỨ SƠN (Tử)

*Bãi đẳng cuồng phong quét địa sinh,
Ngư ông túy lí điều chu hoành.
Tứ thủy vân hiệp âm mai sắc,
Nhất phái ba phiên cổ động thanh.
Vũ cước trận thôi phiêu lịch lịch,
Lôi xa luân chuyển nộ oanh oanh.
Tạm thời trần liễm thiên biên tịnh,
Nguyệt lạc trường giang dạ kỉ canh.*

Dịch thơ:

BÀI NÚI THỨ TƯ (Chết)

*Một trận cuồng phong quét đó đây,
Ngư ông say khước mặc thuyền xoay.
Bốn phương u ám, mây vần vũ,
Một cõi xô bồ, sóng bủa vây.
Giăng giăng mưa trút từng cơn giục,
Âm ảm sấm nổ nhịp xe quay.
Phút giây quang tạnh, trời tan bụi,
Sông dài đêm lặng, ánh trăng đầy.*



Tổ đình Trúc Lâm, Huế

THÁI ĐỘ SAI LẦM CỦA PHẬT TỬ VIỆT NAM HIỆN TẠI

Thiền Sư Thích-Thanh-Từ

A. THÁI ĐỘ SAI LẦM CỦA PHẬT TỬ BÌNH DÂN

Người bình dân vì thiếu phương tiện học hỏi chánh pháp nên không phân biệt được Phật giáo và Thần giáo. Hơn nữa, Phật giáo là nền giáo lý cao sâu, nếu không phải người giàu suy tư nhiều chiêm nghiệm thì không sao thấu đạt nổi. Người bình dân thời giờ hiếm hoi, tâm hồn bình dị, làm sao hiểu thấu được những lẽ siêu thoát của Phật dạy. Do đó, họ có những tin hiểu sai lầm như sau:

1.- THIÊN VỀ HÌNH THỨC NGHI LỄ

Người bình dân đến với Phật giáo chú trọng nhiều về hình thức nghi lễ. Quí y là để khi nào bệnh nhờ thầy cầu an, khi chết nhờ thầy cầu siêu. Cho nên trong gia đình có đứa bé ốm đau là chạy thỉnh thầy Trụ trì về nhà cầu an. Nếu trong thân quyến có tang, đến ngày tuần thất thì thỉnh thầy về nhà tụng kinh suốt đêm. Vào chùa, bất cứ bàn thờ Phật hay bàn thờ vong đều hì hục lễ bái và lâm râm khấn nguyện. Cứ tin rằng lạy càng nhiều thì phước càng lớn. Đi chùa những ngày sóc, ngày vọng để cúng kính lễ bái, ngoài ra không cần biết gì nữa. Họ quan niệm tu hành rất giản dị, ai thường cúng kính là người đó tu nhiều. Ông thầy Trụ trì nào thường tổ chức cầu an, cầu siêu, cúng cô hồn, cúng sao... là ông thầy ấy tu hành tinh tấn. Người Phật tử nào bỏ tiền nhiều, xin lễ này, tổ chức lễ nọ cho là người Phật tử thuần thành chân chánh. Xuất tiền in kinh ấn tống thì chọn rỗng rặt các nghi thức cầu an, cầu siêu, kinh Tam Bảo, Địa Tạng v.v... Nếu ai giới thiệu ấn tống quyển "Lịch sử Phật giáo" cần thiết hoặc "Những bài giảng" có giá trị thì họ lắc đầu từ chối, bảo rằng: "Ấn tống sách đó thì ít phước!" Bởi nhận định này nên Phật giáo càng ngày càng đi sâu vào hình thức nghi lễ.

2.- TIN PHẬT NHƯ VỊ THẦN LINH

Người bình dân đến với đức Phật để cầu ban phước, che chở, ủng hộ hơn là tìm giác ngộ. Người ta nghĩ rằng: có tai nạn cầu Phật, Phật sẽ cứu độ cho. Vì vậy ngày bình thường không cần đến chùa, chờ khi cần cầu xin một việc gì mới mang hương đăng đến chùa cầu nguyện. Thật là: "Hữu tật thì bái tứ phước, Vô tật đồng hương chẳng mất." Hoặc: "Nghiêng vai ngửa vái Phật trời, Đương cơn hoạn nạn, độ người trầm luân."

Quan niệm Phật như vị thần linh chỉ coi việc ban phước, giáng họa. Vì vậy, người ta không ngại gặp Phật thì cúng, gặp thần thì lạy, gặp ma quỷ thì cầu xin. Bởi trên cương vị ban phước giáng họa, họ không phân biệt đầu trọng đầu khinh, miễn vị nào đem lại được những điều cầu nguyện của họ là linh thiêng, bằng không thì hết linh ứng. Hết linh ứng thì họ bỏ không theo nữa, dù Phật cũng thế. Do đó, trong dân gian những cốt Cô, cốt Cậu đều được Phật tử tín ngưỡng qui y. Vì những Cô, Cậu ấy đã báo cho họ biết những tai nạn sắp đến và đã cho bùa chú để họ dán trong nhà khiến con cháu mạnh giỏi, làm ăn phát đạt. Niềm tin Phật như vậy, họ rất dễ tin mà cũng rất dễ bỏ, nếu một sở nguyện được thành, hoặc không toại nguyện.

3.- TIN PHẬT QUA NHỮNG HÌNH THỨC TÀ GIÁO

Có những người đến với Phật, không do hiểu Phật pháp mà nhờ ông Đồng, bà Cốt mách phải qui y Phật sẽ khỏi tai nạn chẳng hạn, họ liền đến chùa xin qui y. Hoặc có người do xin xăm hay bói quẻ, trong xăm quẻ dạy theo Phật hay thờ Phật thì mọi sự an lành..., họ liền phát nguyện qui y Phật. Hoặc vị Trụ trì có học



bùa chú trừ ma ếm quỷ, người có con bệnh đến nhờ thầy trị chữa, nếu con lành bệnh liền xin quí y Phật...

B. THÁI ĐỘ SAI LẦM CỦA GIỚI TRÍ THỨC NGHIÊN CỨU PHẬT

Đa số người trí thức gần đây chịu khó nghiên cứu Phật giáo, tìm thấy những triết lý cao siêu trong Tam Tạng giáo điển, họ tỏ vẻ thích thú; nhưng nhìn lại hình thức cúng kính, nghi lễ trong chùa chiền, họ cực lực phản đối, cho đó là sự sai lạc lớn lao đáng trách. Giới trí thức y cứ những điểm như sau để phàn nàn Phật giáo hiện tại.

1.- CĂN CỨ LÝ NHÂN QUẢ

Căn cứ lý nhân quả, mình gây nhân thì mình chịu quả, dù cha con cũng không thay thế nhau được, huống là kẻ khác. Nhân đã gây thì quả phải chịu; nguyên cầu, cúng tế, làm phước... của người khác không liên hệ gì đến người này cả. Như A ăn thì A no, không thể A ăn mà B no được. Vì thế, những người khuyên cầu nguyện, cúng dường, bố thí... chỉ gây thêm sự mê tín dị đoan, trong Phật giáo không thừa nhận điều đó. Bởi nhận xét trên, nên giới trí thức cực lực phản đối việc cúng dường, cầu nguyện..., cho hành động như thế là sai Phật pháp, là bị nhóm người tu lợi dụng.

2.- CĂN CỨ THUYẾT VÔ NGÃ, VÔ TRƯỚC

Nhìn vào Phật giáo thấy thuyết vô ngã, vô trước thật là hệ trọng. Nếu người tu không phá được ngã chấp thì không sao giải thoát được. Muốn dứt ngã chấp thì tự mình phải làm công phu trừ diệt. Không ai có thể làm cho ai được giải thoát, nếu người ấy không dứt trừ ngã chấp thật sự. Người không tự cố gắng phá trừ ngã chấp, mà sau khi chết, trong thần quyền thỉnh chư Tăng đến cầu siêu, mong được giải thoát thật là điều vô lý.

Phật giáo nhằm vào tự lực, mỗi người phải tự độ lấy, đừng y lại vào ai cả. Dù đức Phật cũng không thể cứu độ chúng ta được, nếu chúng ta không tu. Như vậy, làm gì có do tụng kinh mà độ được các vong linh. Nếu người chủ trương tụng kinh cầu siêu, độ được các vong linh, đó là tà đạo chứ không phải Phật giáo. Bởi y cứ những điểm giáo lý như trên, giới trí thức nghiên cứu Phật giáo rất bất bình việc thực hành tu tập của tín đồ và chư Tăng hiện tại. Cho rằng tín đồ mù quáng đi sai lạc, chư Tăng lợi dụng để no cơm ấm áo.

C. DUNG HÒA

Hai thái độ trên không khéo trở thành cực đoan. Một bên nặng phần tín ngưỡng, thiên về hình thức cúng kính, quên lãng phần tự tu, không chịu học hỏi giáo lý. Một bên thiên về triết lý, chú mục vào triết lý, bỏ sót phần tín ngưỡng. Phật giáo còn tồn tại đến ngày nay là do bao trùm cả triết lý và tín ngưỡng. Nếu bỏ mất một trong hai phần thì Phật giáo không còn là Phật giáo nữa. Cho nên những người chấp một cách cực đoan trong hai thái độ trên đều là sai lầm.



1.- SAI LẦM CỦA NGƯỜI NẶNG PHẦN TÍN NGƯỠNG

Người tu theo đạo Phật phải có sức mạnh tinh thần để cải đổi những tâm niệm, hành vi, ngôn ngữ sai lầm trở thành chân chánh. Chính khi đứng chấp tay tụng kinh hay lễ Phật, chúng ta cũng thấy biểu lộ đầy đủ ý nghĩa này. Người Phật tử đứng trong điện Phật, hai tay chấp lại theo hình hoa sen búp, gọi là Liên hoa ấn, để ngay giữa ngực, ngay quả tim, nói lên tâm tư thanh tịnh. Mắt nhìn xuống cốt phản tỉnh, tự quán sát nội tâm mình. Thân ngay thẳng trang nghiêm, miệng tụng kinh, niệm Phật, để biểu lộ thân thanh tịnh và khẩu thanh tịnh.

Hình thức nghi lễ ấy không có nghĩa là cầu xin, y lại vào đức Phật, mà chỉ cần yếu giữ gìn ba nghiệp thanh tịnh. Bởi thiếu khung cảnh trang nghiêm, chúng ta muốn kèm thúc thân tâm thanh tịnh rất khó khăn, nên hình thức nghi lễ là phương tiện giúp chúng ta thực hiện được điều ấy. Đừng lầm rằng Phật ban cho ta sự thanh tịnh. Chính Phật đã dạy:

"Làm dữ bởi ta mà nhiễm ô cũng bởi ta, làm lành bởi ta mà thanh tịnh cũng bởi ta. Tịnh hay bất tịnh đều bởi ta, chớ không ai có thể làm cho ai thanh tịnh được." (Kinh Pháp Cú, bài 165, Thượng tọa Trí Đức dịch)

Lại làm lành làm dữ cũng tại ta thì Phật đâu ban phước, giáng họa cho ta được. Cho nên quan niệm Phật như vị thần linh thật là sai lầm. Người Phật tử phải nhằm vào tự lực nhiều hơn. Kinh Pháp Cú chép:

"Chính tự mình làm chỗ nương cho mình, chớ người khác làm sao nương được? Tự mình khéo tu tập mới đạt đến chỗ nương dựa nhiệm mầu." (Kinh Pháp Cú, bài 160)

Tuy nhiên, người Phật tử vẫn phải cúng dường, lễ bái Phật, nhưng cúng dường Phật là để phát thiện tâm, lễ bái Phật là tỏ lòng khát

khao giải thoát giác ngộ. Không nên có quan niệm cúng dường Phật cầu Phật ban ơn, lễ bái Phật cầu Ngài tha tội. Dù cho lễ Phật sám hối cũng không có nghĩa cầu tha tội. Đó chẳng qua nhờ Phật làm đối tượng để phát tâm ăn năn chữa cái và hổ thẹn. Có biết như thế thì sám hối mới hết tội. Chúng ta hãy trả đức Phật trở về vị trí của Ngài là bậc "Đạo sư". Chúng ta cũng phải tu tập đúng với tinh thần Phật tử là tự độ, độ tha. Đừng bao giờ xem đức Phật đủ cả quyền năng ban phước, giáng họa. Cũng không nên ý lại, gởi gắm cả đời mình vào quyền năng của Ngài. Nếu có tư cách đó là phản bội đức Phật và cũng không phải là người Phật tử.

2.- SAI LẦM CỦA NGƯỜI NGHIÊNG VỀ TRIẾT LÝ

Người trí thức thiên trọng phần triết lý nên thấy sự lễ bái, cúng dường, cầu nguyện... đều không chấp nhận, mà lại phản đối. Cho rằng Phật giáo hoàn toàn tự lực, không bao giờ nương tựa vào cái gì bên ngoài. Nếu Phật giáo chỉ dạy một bề như thế thì những người đầy đủ ý chí, giàu nghị lực mới tu được, còn những người thiếu ý chí, kém nghị lực không thể tu theo đạo Phật sao? Như thế, Phật giáo không có ý nghĩa khế cơ rồi. Vì hạng người đầy đủ ý chí, giàu nghị lực rất hiếm trong xã hội này. Cho nên, cái nhìn cực đoan như vậy đưa Phật giáo đến chỗ khô khan, cô quạnh.

Hơn nữa, nơi mỗi con người chúng ta đều có hai phần, tình cảm và lý trí. Nếu có người chỉ thuần tình cảm, không có lý trí thì họ chìm đắm trong biển thương yêu mê hoặc. Ngược lại có người rỗng rất lý trí, không có tình cảm thì họ khô khan cô độc. Con người ví như cây trồng xuống đất, tình cảm là chất nước, lý trí như ánh nắng. Thiếu một trong hai thứ ấy, cây nhất định không sanh trưởng được mà phải khô héo dần. Một tôn giáo cũng thế, triết lý và tín ngưỡng không thể thiếu một được. Nếu thiếu một, tôn giáo ấy sẽ chết mòn. Cho nên, chủ trương cực đoan về triết lý của giới trí thức này cũng là tai họa của Phật giáo.

Lại, chúng ta thử xét ý nghĩa cúng dường, cầu nguyện có sai tinh thần Phật giáo hay không? Người Phật tử ai cũng biết lý nhân quả, thuyết vô ngã, vô trước là nền tảng của Phật giáo. Như thế, sự cúng dường được phước đức có phản bội lý nhân quả chẳng? Người này cầu nguyện, người kia được siêu độ, có trái vô ngã hay không?

- Thừa không!

Bởi vì lý nhân quả tế nhị lắm, không thể đơn giản rằng "mình làm mình chịu," có khi không làm lại có chịu, mà vẫn không trái lý nhân quả. Ví như ông A là người chủ sở giàu có, anh B là người làm công nghèo khổ. Một hôm vì một chuyện không đâu,



NGỌN LỬA TỪ BÌ

*Ngọn lửa từ bí muôn đời luôn rực sáng
Chuyển hoá lòng người đánh mất cả tim gan
Kẻ chuyên quyền đều ngưỡng kính quy hàng
Thân bất động an nhiên trong lửa tấp.*

*Ngài như ngọn đèn sáng soi đạo pháp
Cả cuộc đời thắm lặng sống an nhiên
Lửa bao quanh mà vẫn ngát hương thiền
Khắp thế giới năm châu bừng tỉnh dậy.*

*Đời của Ngài chẳng có gì che đậy
Vẫn một lòng vì đạo lẫn quê hương
Trái tim Ngài là ánh đuốc dẫn đường
Bao thế hệ muôn đời thường ghi nhớ.*

thơ TÁNH THIÊN
16-5-2017

ông A nóng giận đánh anh B. Lý đáng anh B phải trả thù bằng cách đánh lại. Nhưng sau khi qua cơn nóng giận, ông hối hận hành động vô ý thức của mình. Ông không can đảm đến xin lỗi B, phải nhờ người thân của B xin lỗi hộ, và ông cho B một số tiền khá hậu. Vì thế, cái quả của anh B phải trả lại ông A có thể không còn nữa. Lại gia đình kia có hai anh em là Xoài và Mít. Anh Xoài hiền lành dễ thương, nhưng Mít lại hung dữ đáng ghét. Một hôm Xoài đi làm ngoài đồng, Mít ở nhà đánh lộn với người hàng xóm. Đang cơn ẩu đả nhau, rủi Xoài về tới, tuy Xoài không định tâm bênh em, nhưng người kia sợ Xoài bênh nên vội vàng đập Xoài một gậy. Trường hợp này Xoài thật vô tội mà vẫn ăn đòn. Thế nên, việc đó không phải tự mình gây, rồi tự mình chịu. Có khi người khác gây mà mình chịu, như trường hợp Xoài và Mít. Có khi tự mình gây mà không chịu như trường hợp A và B. Nhưng nói như thế không phải ngoài lý nhân quả.

Vì nhân quả có chánh nhân, trợ nhân, thuận nhân, nghịch nhân... Tuy chánh nhân đã gieo mà gặp nghịch nhân phá hoại thì không thể nào kết

quả. Như ta gieo hạt lúa xuống đất nhất định lên cây lúa, nhưng bị dế cắn khi mới nảy mầm thì làm sao sanh cây lúa? Đó là có chánh nhân đánh người của ông A, mà quả người đánh lại không có. Hoặc có khi chánh nhân này mà do trợ nhân biến thành cái khác. Như chúng ta trồng cây cam ngọt, đến lớn lên có người lén cắt nhánh chanh tháp vào, khi kết quả không được cam ngọt, mà chỉ có chanh chua. Đây là không gây nhân đánh đập mà bị quả đánh đập của anh Xoài vậy.

3.- DUNG HỢP

Trong cuộc sống tương quan tương duyên này, chúng ta đừng nghĩ tưởng một cách giản dị rằng: "mình làm mình chịu." Quan niệm ấy rất là thô sơ máy móc. Bởi sự ràng rịt giữa mình và xã hội phức tạp vô cùng. Xã hội đẹp mình cũng được ảnh hưởng đẹp, xã hội xấu mình cũng chịu ảnh hưởng xấu. Tuy nhiên cũng có một vài người thoát khỏi sự ràng rịt của xã hội, nhưng đó là bậc Thánh nhân.

Đến như việc tụng kinh cầu nguyện được siêu thoát cũng không có ý nghĩa một bề ý lại vào tha lực. Con người chúng ta kết hợp bởi hai phần, tinh thần và vật chất. Người tâm hồn tán loạn thì tinh thần yếu đuối, bị vật chất chi phối. Những vị tâm hồn an tịnh thì tinh thần mạnh mẽ phi thường, làm chủ được vật chất. Như trong kinh nói "*Chế tâm nhất xứ vô sự bất biện*" (Kềm tâm một chỗ việc gì cũng xong - Kinh Phật Di Giáo). Một bằng chứng cụ thể, khi chúng ta có việc mừng quá, hay giận quá liền quên đói. Lúc đó tâm chỉ nhớ vào việc mình được để mừng, hoặc tâm chỉ nhớ điều tức giận đều quên đói. Cho nên có nhiều vị Thiền sư khi chú tâm vào định năm bảy ngày mà không cần ăn uống, như Huệ Sinh thiền sư đời Lý. Sử chép: "*Khi được Sư phụ truyền tâm pháp cho, Ngài mới đi hành hóa khắp chốn Tông Lâm, rồi lên ở núi Bồ-đề. Mỗi lần Ngài ngồi nhập định tu pháp ít nhất năm bảy ngày. Người đời bấy giờ thường gọi Ngài là ông "Phật xác thịt" Vua Lý Thái Tôn nghe tiếng Ngài, sai Sứ đến vời. Ngài bảo Sứ rằng: Ông không thấy con sanh trong lễ tế ư? Khi chưa tế thì người ta cho nó ăn có thơm, mặc áo gấm, đến khi dặt vào Thái miếu thì nó chỉ muốn cầu chút sống sót, còn nói đến việc gì? Nói rồi Ngài từ chối, không chịu đi.*" (Việt Nam Phật Giáo Sử Lược, trang 124 của Thượng tọa Mật Thể)

Gần đây như ngài Hư Vân hòa thượng ở Trung Hoa, có lần nhập định đến nỗi cháo lên meo xanh. Đó là những bằng chứng tinh thần mạnh mẽ điều khiển được vật chất. Chẳng những điều khiển được bản thân mình mà còn sai khiến kẻ khác theo ý muốn của mình. Như các nhà thôi miên chỉ dùng sức tập trung tư tưởng, khi đã thành công lại có thể dùng sức mạnh tinh thần sai khiến người khác làm theo ý muốn của mình. Như vậy mới biết tinh thần có sức mạnh vô biên mà chúng ta không biết gom góp nó lại và tận dụng khả năng của nó. Những người chỉ nhìn cận thị trên hình thức vật

chất làm gì hiểu nổi điều này.

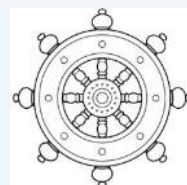
Nói đến người chết, nhà Phật cho biết, sau khi tinh thần rời bỏ thân tứ đại này, người chết được kết hợp bởi thân tứ đại tinh anh, mắt phẩm không thấy được. Thân đó nhẹ nhàng, đi lại nhanh nhẹn và dễ cảm thông. Việc tụng kinh cầu nguyện không phải các vị Sư đủ sức cứu vớt những kẻ ấy, mà dùng sức mạnh tinh thần chuyển chú để soi thấu tâm tư của họ bằng những tia lửa thanh tịnh an lành, khiến họ thức tỉnh chuyển tâm hồn đen tối thành sáng suốt, ác độc thành lương thiện. Thế là cứu độ họ thoát khỏi khổ đau. Nói cứu độ, kỳ thật tự họ chuyển lấy, người tu chỉ làm trợ duyên giúp bên ngoài thôi. Như thế, đâu có trái với nghĩa tự giác, tự ngộ của Phật giáo. Đọc kinh *Vu Lan Bồn*, chúng ta thấy rõ ý nghĩa này.

Cho nên sự cúng dường, cầu nguyện của Phật giáo không phải hoàn toàn ý lại như vài tôn giáo khác. Cúng dường, cầu nguyện là nhằm vào chỗ phát tâm thiện của ta và làm duyên xoay chuyển tâm niệm của người. Nếu chúng ta cúng dường, cầu nguyện bằng cách hình thức máy móc thì không lợi ích gì cho ta và cho người cả. Sự cúng dường, cầu nguyện với thành tâm, thiện ý thì kết quả tốt đẹp vô cùng. Kinh Phật dạy: "*Kể nào cúng dường những người đáng cúng dường, hoặc chư Phật hay đệ tử, những vị thoát ly hư vọng, vượt khỏi hối hận lo âu, công đức của người đã cúng dường các bậc tịch tịnh vô úy ấy, không thể kể lường.*" (Kinh Pháp Cú, bài 195-196)

Do đó, chúng ta không thể kết luận rằng cúng dường, cầu nguyện đều do chư Tăng bịa ra để lợi dụng lòng mê tín của tín đồ. Nếu chịu khó nghiên cứu tất cả kinh điển của Phật giáo, chúng ta sẽ thấy rất nhiều bài kinh dạy như trên. Tuy nhiên, hiện tại vẫn có một ít người lợi dụng lời Phật dạy, khuyến khích tín đồ chuyên lo cúng dường, cầu nguyện để họ lấy đó làm nghề sanh nhai. Đó là hạng người bán Phật, không đáng lưu tâm.

Tóm lại, muốn dung hòa cho thích hợp tinh thần Phật giáo, hai thái độ cực đoan trên phải hòa hợp lại. Đừng nhìn một bên mà thành thiên cận. Phải dung hợp, thấu đáo mọi khía cạnh thì sự tu tập mới thu hoạch được kết quả viên mãn, đúng với tinh thần trung đạo của Phật giáo. Còn mắc kẹt một bên, dù học Phật, tụng kinh Phật vẫn thuộc về tà đạo. Phải cởi mở sáng suốt để thực hiện kỳ được tinh thần Viên dung, Trung đạo của Phật giáo. Được vậy mới xứng đáng là một Phật tử chân chánh.

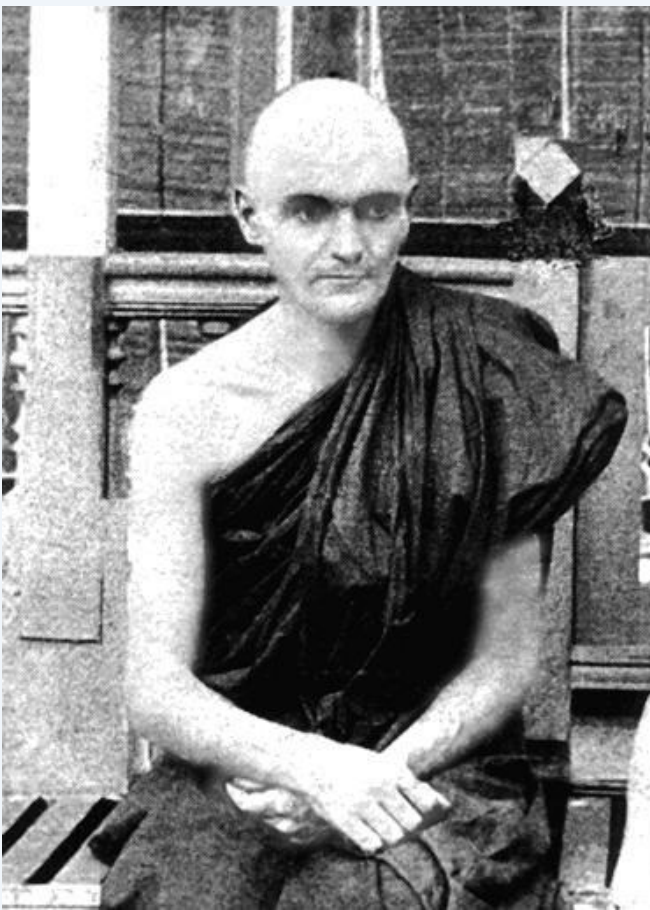
(Trích: *Phật Giáo Trong MẠCH SỐNG Dân Tộc*)



NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

H.T. Thích Trí Chơn

BHIKKHU SILACARA (1871-1951)



Tục danh là J. F. McKechnie, Đại Đức Silàcàra là một vị tăng Anh quốc, đã đóng góp cho Phật Giáo rất nhiều tại các quốc gia Đông lẫn Tây Phương hơn một phần tư của thế kỷ 20 vừa qua.

Sinh năm 1871 tại Hull, miền đông nam Yorkshire, Anh quốc. McKechnie mang trong mình dòng máu của song thân gồm cả hai dân tộc nước Anh và Tô Cách Lan (Scottish-English parents). McKechnie mồ côi cha từ nhỏ, và

được chú thím ông mang về nuôi trong nhà.

Lúc còn thanh niên, ông phải đi làm trong hãng sản xuất quần áo để tự kiếm sống, và chỉ đến lớp học vào ban đêm. Về sau, ông qua Hoa Kỳ làm việc tại các nông trại. Ông rất ham thích đọc sách, và những tác giả ông mến chuộng nhất là văn hào A.L. Huxley (1894-1963) người Anh và triết gia Đức Arthur Schopenhauer (1788- 1860).

Bất mãn với cuộc sống, có lần McKechnie có ý định muốn tự tử, nhưng may mắn vào lúc ấy, nhờ đọc bài báo về Niết Bàn (Nibbàna) đăng ở một tập san Phật Giáo, đã giúp ông hồi tâm, tìm lại được nguồn vui và an lạc qua giáo lý của đức Phật như chính ông đã bày tỏ:

"Phật Giáo, tôi nghĩ rằng, đây là một tôn giáo linh động và thực tế. Nó không phải là thứ triết lý chỉ được ghi chép trong kinh sách mà là một pháp môn tu hành thực tiễn, đã được rất nhiều người Tây Phương áp dụng và hành trì theo. Đó là tôn giáo không bao giờ để cập đến sự huyền hoặc, dị đoan mê tín, khó có thể tin tưởng được; mà là một giáo lý cao siêu nhiệm mầu, và sau khi nghiên cứu tìm hiểu, chúng ta sẽ thấy đạo Phật rất giản dị, thực tế và hữu ích."

Sau này, nhân đọc một bài viết đăng ở tạp chí "The Buddhist" (Phật Tử), do Đại Đức người Anh Ananda Metteyya (1872-1923) chủ trương, ấn hành tại Rangoon (Miến Điện), Mc Kechnie liền viết thư cho Đ.Đ. Metteyya bày tỏ ý muốn phát tâm sang tiếp tay với đại đức để làm Phật sự. Đ. Đ. Metteyya hoan hỷ chấp nhận và Mc Kechnie lên đường qua Miến Điện. Tại đây, ông bắt đầu học hỏi, nghiên cứu kinh tạng Phật Giáo bằng tiếng Ba Lị (Pali). Năm 1906, ông xin xuất gia thọ giới tỳ kheo với Thượng Tọa U. Kumara tại chùa Kyundagon, và có pháp hiệu là Silàcàra. Sau đó, Đ. Đ. Silàcàra cùng với Đ. Đ. Metteyya đã tổ chức, thành lập một phái đoàn sang Luân Đôn (London) truyền bá Phật Giáo.

Sau một thời gian tu học, hoằng pháp tại Miến Điện đến năm 1925, vì sức khỏe yếu kém, Đ. Đ. Silàcàra đã phải hoàn tục và trở về Anh quốc. Trong thời gian này, ông đã hoạt

động tích cực, giúp đỡ cho Hội Phật Giáo tại nước Anh và Ai Nhĩ Lan (Buddhist Society of Great Britain and Ireland) được thành lập vào những năm 1907-1926 và Hội Ma Ha Bồ Đề (Maha Bodhi Society) do Đại Đức Anagarika Dharmapala, người Tích Lan thành lập năm 1891 tại Calcutta (Ấn Độ).

Những Đóng Góp Cho Nền Phật Giáo Tây Phương Của Đại Đức Silàcàra

Đại Đức Silàcàra đã dịch từ Pali ra Anh Văn một số bài kinh trong Trung Bộ Kinh (*Majjhima Nikàya*) thuộc Kinh Tạng và đại đức cũng đã dịch ra tiếng Anh những tác phẩm Phật Giáo viết bằng Đức ngữ của Tiến Sĩ Paul Dahlke (1865-1928) và học giả Phật tử uyên bác George Grimm (1868-1945).

Ngoài ra, Đ. Đ. Silàcàra còn viết nhiều tác phẩm Phật Giáo giá trị bằng Anh văn dưới đây:

1. First Fifty Discourses of the Buddha (Năm Mươi Bài Kinh Đầu Tiên của Đức Phật).

2. The Four Noble Truths (Tứ Diệu Đế).

3. The Noble Eightfold Path (Bát Chánh Đạo)

4. Dhammapada or The Way of Truth (Kinh Pháp Cú hay là Con Đường Dẫn đến Chân Lý).

5. Kamma (Nghiệp Báo)

6. Lotus Blossoms (Những Hoa Sen Nở)

7. A Young People's Life of The Buddha (Cuộc đời đức Phật đối với lớp người trẻ).

Sau nhiều năm tu học, đóng góp cho Phật Giáo, năm 1932 vì bị ốm đau, sức khỏe sa sút, Đ. Đ. Silàcàra rời Luân Đôn (London) về sống ở Sussex, miền nam nước Anh cho đến ngày đại đức qua đời vào năm 1951, hưởng thọ 80 tuổi.

THÍCH TRÍ CHƠN

(Chánh Pháp sẽ lần lượt đăng trọn tác phẩm NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÁU MỸ trong những số kế tiếp. Thành kính tri ân Cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn, và xin kính mời độc giả đón đọc)

TỊNH



Tịnh 1

*Lối về tâm tịnh nở sen
Nghe chuông chùa đổ thân quen lạ thường
Miệng cười một đóa tràm hương
Điều kỳ thay phút tịnh thường - chân tâm.*

Tịnh 2

*Như vàng nguyệt rạng đêm rằm
Như lắng lòng giữa thẳm trầm bể dâu
Nghe từng nhịp thở chậm sâu
Nghe trong giây phút nhiệm màu tĩnh không.*

Tịnh 3

*Buột tâm một thửa đi rong
Quay về tự tánh tịnh lòng Chân Như
Có khi giọt nước huyền hư
Cũng vun một nhánh tâm từ trở hoa.*

Tịnh 4

*Ta về gội rửa tâm ta
Bằng dòng tịnh thủy dịu xoa muôn phiền
Rưới thêm một chút hương thiền
Tây trôi đi những đảo điên vọng cuồng.*

Tịnh 5

*Giống lên tiếng tịnh - thức - chuông
Động tan tội chướng khởi nguồn tâm thân
Nghe từ đáy thăm tham sân
Vọng lời tự tánh tịnh chân gọi về.*

Tịnh 6

*Lắm khi những tiếng khen chê
Cuốn ta vào những u mê huyền lời
Về tịnh khẩu nghiệp đi thôi
Môi thơm sen chớm nụ cười khai hoa.*

thơ **ĐIỀU LINH**



NGÀI LIỄU QUÁN

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

I. Nguyên quán:

Ngài Liễu Quán tên Lê Thiệt DiOEu, quê làng Bạc Mã, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Ngài mồ côi mẹ lúc sáu tuổi. Thân sinh Ngài cho Ngài xuất gia làm đệ tử của Ngài Tế Viên Hòa Thượng, người Trung Hoa.

II. Sự nghiệp tu hành:

Được 7 năm thì Hòa Thượng Tế Viên viên tịch. Ngài ra Thuận Hóa tham học với Ngài Giác Phong ở chùa Bảo Quốc. Một năm sau (1691) Ngài trở về quê để phụng dưỡng cha già. Sau khi phụ thân mất (1695) Ngài trở lại Thuận hóa thọ Sa di giới với Ngài Thạch Liêm. Năm 1679 Ngài thọ Cụ túc giới với Ngài Tử Lâm. Năm 1699 Ngài đi tham lễ khắp nơi để bồi dưỡng cho sự tu hành. Năm 1702 Ngài đến Long sơn cầu học tham thiền với Ngài Tử Dung (Tổ khai sơn chùa Từ Đàm). Liên tiếp mấy năm 1733 đến 1735 Ngài đã dự 4 lễ lớn về Đại giới đàn. Năm 1740, Ngài chủ trì đàn Long Hoa truyền giới, sau đó Ngài trở về núi Thiên Thai dựng am thảo ẩn nấu tu hành, nay là chùa Thuyền Tôn. Năm 1742 Ngài thọ bệnh. Khi sắp lâm chung, Ngài gọi môn đồ lại dạy rằng: "Nhân duyên đã hết, ta sắp chết đây." Khi thấy môn đồ khóc, Ngài dạy: "Các người khóc làm gì? Các đức Phật ra đời còn nhập Niết Bàn, ta nay đi đến rõ ràng, về tất có chỗ, các người không nên khóc và đừng nên buồn thảm." Kể đó Ngài viết bài kệ từ biệt:

*"Thất thập dư niên thế giới trung
Không không sắc sắc diệt dung thông
Kim triều nguyên mãn hoàn gia lý
Hà tất bên man vấn tổ tông."*

(Ngoài bảy mươi năm trong thế giới Không không sắc sắc thảy dung thông Ngày nay nguyên mãn về nơi cũ Nào phải ân cần hỏi tổ tông).

Viết bài kệ xong, Ngài bảo môn đồ: "Sau khi ta đi, các người phải nghĩ cơn vô thường nhanh chóng, cần phải siêng năng tu học, các người cố gắng tiến tới, chớ bỏ quên lời ta."

Ngày 22 tháng 11 năm Nhâm Tuất (1742), sau khi dùng nước trà xong, Ngài vui vẻ từ biệt môn đồ, tiêu diêu thoát hóa. Vua Minh Vương được tin liền ban Thụy hiệu là Đạo Hạnh Thụy "Chánh Giác Viên Ngộ Hòa Thượng." Ngài là đời thứ 35 dòng Lâm Tế chánh tôn, khai sơn chùa Thiên Thai Thuyền Tôn Huế.

III. Ảnh hưởng đạo đức:

Ngài Liễu Quán là một vị danh đức tu hành, có công khai hóa hơn hết. Nhờ Ngài mà ảnh hưởng phái Lâm-Tế lan rộng từ Trung đến Nam nước Việt và trở thành một nhánh lớn gọi là Liễu Quán. Ngài là một danh Tăng Việt Nam đặc đạo được tuyên xưng là vị tổ đầu tiên. Hiện nay phái Liễu Quán được truyền thừa theo bài kệ dưới

đây:

*"Thiệt tế đại đạo, tánh hải thanh trường,
Tâm nguyên quảng nhuận, đức bốn từ phong,
Giới định phước huệ, thể dụng viên thông,
Vĩnh siêu trí quả, mật khế thành công.
Truyền trì diệu lý, diễn xướng chánh tông,
Hạnh giải tương ứng, giác ngộ chân không."*

Theo tuần tự bài kệ này, con cháu dòng dõi Lâm Tế hiện nay vào đến chữ Tâm, chữ Nguyên, chữ Quảng, chữ Nhuận...

(Tài liệu học tập Phật Pháp của
bậc Chánh Thiện GDPTVN)

DẠI KHÔN

(Câu Chuyện Dưới Cờ — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)



*"Trần thế tranh nhau nói đại khôn
Chẳng ai là đại, chẳng ai khôn..."*
Nguyễn Bình Khiêm

Trắng đen, phải quấy, đúng sai, chỉ là hai thực tại của cùng một vấn đề chỉ duy có hợp với Không - Thời hay không mà thôi.

Người trí biết cái lý ấy mà tiến thoái, xuất xứ phải thời thì thành nhân vậy. Trong sách *Nam Hoa Kinh* của ngài Trang Tử có câu chuyện rằng:

Một hôm Trang Tử cùng môn đồ ngoạn du ở một vùng đồi núi. Khi đến bìa rừng thấy có nhóm tiều phu ngồi nghỉ mát dưới gốc cây cổ thụ. Thầy Trang Tử hỏi nhóm tiều phu:

- Cây to thế này không đốn thế còn phải đi đâu?

Cả bọn cùng đáp:

- Cây này vô dụng không ai đốn làm gì nên nó mới thọ đến chừng ấy.

Thầy Trang Tử lặng thinh đưa môn đồ đến thăm một người bạn trên đường về. Được thầy ghé thăm, người bạn vô cùng mừng rỡ, sai gia nhân bắt chim quý làm thịt đãi khách.

Gia nhân thưa:

- Xin ngài dạy cho bắt loại chim biết gáy hay không biết gáy?

- Nên bắt loại không biết gáy.

Nghe vậy một môn đồ cung kính bước lên thưa cùng thầy:

- Cây đại thọ vì vô dụng mà sống lâu, còn chim vô dụng thì phải bỏ mình. Lý của đất trời mà mâu thuẫn thế sao?

Thầy ôn tồn bảo:

- Các người hãy lắng nghe: Khôn cũng chết, đại cũng chết, chỉ có biết là sống. Sống có khúc, người có lúc. Biết ở đây là biết lúc nào cần phải làm gì, khi nào cần tỏ ra khôn lanh, khi nào cần tỏ ra đại khờ, có vậy mới xứng đáng là bậc Đại Nhân.

Lưu Bị ngày xưa lúc còn ở

với Tào Tháo, Bị thường lo tưới hoa trồng kiểng để che mắt Tháo. Một hôm Tháo đem việc anh hùng trong thiên hạ thảo luận cùng Bị. Tháo Kết luận: "Nếu có anh hùng thì thời này ngoài Tháo và Bị ra không còn ai nữa." Nhân trời có sấm, Bị buông tay cho chén rượu bể tan tành. Tháo hỏi nguyên do. Bị thưa vì nghe tiếng sấm nên giết mình. Tháo cho Bị không có đảm lược anh hào nên bỏ đi.

Quan Vân Trường, Trương Phi giận lắm, trách Bị là anh đã làm nhục khí tiết anh em. Bị ôn tồn: "Các em không thấu được lẽ huyền vi trong hành động của anh đâu, đừng giận." Chính vậy mà Bị hưng được nghiệp đế. Kể thức thời thì hành động không trái lẽ. Hạnh phúc thành công nằm trong tay họ vậy.

(trích 52 Câu Chuyện Dưới Cờ của Thị Nguyên—Nguyễn Đình Khôi)



TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ

KHAI BÁO THỜI GIAN LÀM VIỆC

Bài thứ 19 tháng 5/2017

Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTNHNK thực hiện

HUỖNH TẤN LÊ biên soạn



Trong bài hôm nay chúng tôi xin đề cập đến một số vấn đề cần biết về luật lệ Di Trú hiện hành và một số yếu tố cần thiết phải có về thời gian làm việc để khỏi bị từ chối.

Trước hết, hiện nay tháng 5/2017, luật lệ về Di Trú không có gì thay đổi ngoại trừ vấn đề lệ phí nộp đơn và mẫu đơn. Tất cả vẫn y như cũ nghĩa là từ năm 2008 đến hiện nay, điều kiện để một nhà truyền giáo (minister, tu sĩ) được cấp Visa tôn giáo đi vào Hoa Kỳ làm việc vẫn không có gì thay đổi. Tuy nhiên vấn đề xét đơn thì chặt chẽ hơn và khó khăn hơn.

Trước đây họ không cần điều tra tại Việt Nam nhưng hiện nay họ phải làm việc đó, có thể vì lý do an ninh hay vì có những trường hợp giả mạo đã bị khám phá (không phải Phật giáo) khiến cho họ phải cẩn thận hơn.

Tài liệu đầu tiên họ đang dùng để đối chiếu là mẫu đơn DS-160 của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ mà các Văn Phòng Dịch Vụ tại VN phải điền để nộp Tòa Lãnh Sự xin phỏng vấn.

Tài liệu thứ hai họ dùng để đối chiếu về thời gian làm việc của mình là Giấy Chứng Nhận của chùa mà người tu sĩ đã và đang làm việc ở Việt Nam.

Trước hết xác nhận danh từ nhà truyền giáo (Minister, tu sĩ), chúng ta đang làm việc với USCIS tức cơ quan Di Trú Hoa Kỳ mà xứ này xem tôn giáo căn bản là Catholic. Họ định nghĩa nhà truyền giáo là người tốt nghiệp từ một trường thần học và được thụ phong linh mục. Từ đó chúng ta định nghĩa trên quan điểm Phật giáo: nhà truyền giáo là người tốt nghiệp từ một trường Phật học và được thọ giới tỳ kheo.

Nếu người tu sĩ đi du học ở Ấn độ, Tích lan, Thái Lan... đã tốt nghiệp và về Việt Nam trên hai năm, khai đúng và giống nhau trên hai văn kiện này thì Sở Di Trú Hoa Kỳ không có gì thắc mắc vì hội đủ điều kiện 2 năm làm việc liên tục của một nhà truyền giáo kể từ ngày họ nhận đơn.

Trong trường hợp về nước dưới hai năm thì phải khai là có làm việc như một nhà truyền giáo tại quốc gia mình du học. Vấn đề là phải có một ngôi chùa chứng nhận cho mình là vừa đi học vừa làm việc như một nhà truyền giáo. Nếu không tìm ra một ngôi chùa nào nơi mình du học để chứng nhận thì phải chờ hai năm sau kể từ ngày về nước mới nộp đơn. Có nhiều người khai không đủ 2 năm nhưng việc xét đơn để cấp

R-1 rất là dễ, phân lớn họ chấp thuận nhưng khi đến Hoa Kỳ nộp đơn I-360 thì họ xét rất kỹ không thể qua khỏi được. Chắc chắn là như vậy. Nên chờ đủ 2 năm làm việc liên tục tính cả Việt Nam và Hoa Kỳ mới nộp đơn I-360.

Vấn đề rất khó nói ở đây là thời gian đi du học (trừ việc du học tại Hoa Kỳ) nếu không nói ra thì họ khó mà tìm hiểu được.

Tôi đã gặp một trường hợp bị bác đơn một cách oan uổng là vị tu sĩ chuẩn bị đi ngoại quốc, khi từ Tỉnh và lên Sài Gòn, khai trên mẫu DS-160 là đang làm việc tại một chùa ở Sài Gòn (mặc dù thực sự không có) để việc nhận Visa cho dễ dàng. Thế mà mấy năm sau khi đi theo đối tượng R-1, khai lại DS-160 thì khai chỉ làm việc ở Tỉnh. Vậy mà USCIS đã xét và bác đơn I-360.

Dĩ nhiên việc xét đơn mỗi ngày mỗi khó hơn, kỹ hơn thì không biết tương lai họ sẽ dùng những phương tiện nào. Một yếu tố quan trọng là sự thành thật bao giờ cũng thành công.

Kính chúc quý Thầy, Cô may mắn và hẹn gặp lại trong bài viết kỳ tới.

Mọi sự phê bình, bổ túc, cần hỏi thêm và đề tài đề nghị xin liên lạc Tòa Soan Báo Chánh Pháp hay điện thư về drlehuynh@gmail.com hay gởi thơ về Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo 1612 N. Spurgeon Street, Santa Ana, CA 92701.

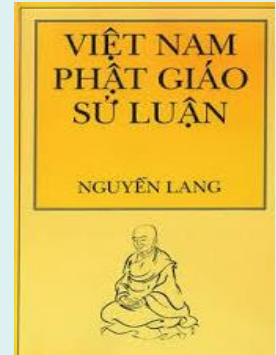


Chư tôn đức Tăng Ni và đông đảo nhân sĩ trí thức, đồng hương Phật tử, quang lâm tham dự Lễ Tưởng Niệm 50 năm Bồ tát Quảng Đức Vị Pháp Thiêu Thân tại Jerome Center, thành phố Santa Ana, ngày 23.6.2013.

SỨC SÁNG TẠO CỦA GIỚI PHẬT TỬ ĐẠI CHÚNG

(Chương XIX, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang



TÍN NGƯỠNG CỦA ĐẠI CHÚNG

Như ta đã biết, đứng về phương diện đóng vai trò lãnh đạo văn hóa trí thức và chính trị, đạo Phật trong thời Lê Mạc lâm vào trạng thái suy đồi, nhưng đứng về phương diện tín ngưỡng dân gian, đạo Phật trong thời đại ấy vẫn tiếp tục phát triển. Trong tín ngưỡng Phật Giáo đại chúng, ăn chay, giữ giới, tụng kinh, phóng sinh và chẩn tế là những việc làm mang lại công đức cho bản thân và cho gia đình. Ngoài ra, muốn tạo dựng công đức, ta có thể làm chùa, xây tháp, đúc tượng và in kinh. Trong thời gian gọi là thời Phật Giáo suy đồi, giới tín đồ đại chúng vẫn tiếp tục hành đạo theo đường lối đó, bởi vì đức tin về nhân quả và báo ứng càng ngày càng ăn sâu vào lòng họ. Như ta đã biết, trong suốt thế kỷ thứ mười lăm, dân chúng vẫn tiếp tục xây thêm chùa đến nỗi năm 1464, vua Lê Thánh Tông phải có lệnh cấm xây thêm chùa mới. Về việc khắc bản in những kinh Phật phổ thông thường được đọc tụng như kinh Dục Sư, Địa Tạng, Phổ Môn v.v... mà không biết đi tìm và khắc in lại những tác phẩm do Phật tử đời Lý và đời Trần sáng tác. Điều đáng tiếc này xảy ra một phần vì người ta có quan niệm rằng in kinh thì có công đức hơn in lục, bởi vì kinh là do Phật trực tiếp nói ra, còn lục là do Tổ truyền dạy. Vì lý do đó mà nền văn học Phật Giáo trong nước bị nghèo nàn đi một cách thảm hại.

Đức tin của quần chúng ảnh hưởng đến hành động của vua quan. Đời Lê thường xảy ra nhiều vụ hạn hán. Những nho thần kỳ thị đạo Phật cố nhiên không ưa việc tổ chức tụng kinh cầu mưa. Tuy vậy, những hiện tượng như mưa, lụt, hạn hán, sâu ăn lúa v.v... theo tín ngưỡng quần chúng là do vua quan ăn ở thất đức mà ra. Vì vậy, vua quan phải chịu theo ý dân mà tự trách, sám hối, thả bớt tù nhân, làm chay và đào vũ. Mùa hạ năm 1434, vua Lê Thánh Tông sai các quan rước Phật tử chùa Pháp Vân về kinh đô để làm lễ cầu mưa. Lại cho phóng thích một số tù nhân, và dựng trai đàn chẩn tế ngay ở điện Cần Chánh để tu tạo công đức, cầu cho có mưa. Rằm tháng bảy năm ấy, vua lại cho tổ chức đại hội Vu Lan, mời chư tăng đến cầu nguyện, rồi cúng dường chư tăng và phóng thích thêm năm mươi tù nhân nữa. Năm 1448

có hạn hán lớn, vua Lê Nhân Tông xuống chiếu cho tất cả các quan văn võ phải ăn chay và giữ mình cho trong sạch để tới chùa Báo Ân ở cung Cảnh Linh mà làm lễ cầu mưa. Đích thân vua tới lạy trước Phật điện. Tất cả các nho thần đều phải làm theo. Rồi vua sai thái úy Lê Khả đến chùa Pháp Vân ở xã Cổ Châu, rước tượng Phật về chùa này, đem về tôn trí tại chùa Báo Thiên ở kinh thành, rồi xuống chiếu và thỉnh chư tăng tới tụng kinh, sám hối cầu nguyện. Vua và hoàng hậu thân đến lạy Phật. Lại tổ chức cúng dường trai tăng và phóng thích hai mươi bốn người tù mà tội còn đáng ngờ. Vua Lê Nhân Tông xuống chiếu tự trách mình như sau:

"Từ năm trước đến nay, tại di xảy ra luôn, như lụt, hạn, sâu, không năm nào không có - Hoặc là chính trị của trăm, trên không thuận trời, dưới chưa thỏa chí dân, mà sinh ra như thế chẳng? Hoặc các đại thần giúp đỡ không phải là người giỏi, điều hòa trái phép, xếp đặt sai lẽ mà sinh ra như thế chẳng? Nay có người nạo vì trăm dám nói, chỉ ra những việc của trăm và các tế thần hại đến nhân dân chính sự chẳng?"

Năm 1449, lại có đại hạn, và vua cũng lại tổ chức lễ cầu mưa tại cung Cảnh Linh, những việc tụng kinh, thả tù, và cầu mưa nói trên chứng tỏ rằng đã có gốc rễ đạo Phật tín ngưỡng rất sâu xa trong dân chúng, và triều đình không thể không chiều theo tín ngưỡng ấy mỗi khi có áp lực. Nho thần không ưa Phật Giáo, như các phu nhân mệnh phụ và cả hoàng thái hậu, hoàng hậu và các cung nhân lại tín ngưỡng đạo Phật: họ thường cung thỉnh chư tăng đến để giảng bày đạo lý và thiết lễ cúng dường. Năm 1460, sau cuộc đảo chính trong nội cung để đưa vua Lê Thánh Tông lên ngôi, có chiếu chỉ cấm tăng sĩ và đạo sĩ không được liên lạc với nội cung, sợ tin tức tiết lộ ra ngoài quần chúng. Bốn năm sau, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu cấm xây dựng thêm chùa mới.

VĂN HỌC KỂ HẠNH VÀ SỰ THỜ TỰ THÁNH TĂNG

Trong lúc những tác phẩm của Phật Giáo Trúc Lâm không được giới trí thức của thời đại ngó ngang tới, thì giới Phật tử bình dân lại phát triển một loại văn học truyền miệng để duy trì

những tài liệu lịch sử về các vị tổ sư Phật Giáo. Loại văn học truyền miệng này được gọi là kể hạnh. Kể là kể chuyện, hạnh là hành trạng các vị tổ sư. Mỗi năm cứ đến ngày mồng mười tháng ba âm lịch, tức là ngày giỗ tổ Pháp Loa, Phật tử khắp nơi tìm về chùa Hương Hải ở thôn tiền, xã Phù Vệ, huyện Chí Linh (nay thuộc phủ Nam Sách, tỉnh Hải Dương) để dự lễ giỗ tổ và để nghe các bà cà các cô kể hạnh, nói về sự tích ba vị tổ Trúc Lâm. Văn kể hạnh là văn đặc biệt của nhà chùa; đó là một lối văn hát; giọng của các già lớn tuổi xen vào giọng của các thiếu nữ. Các bà các cô thuộc lòng những điều họ kể, nếu thiết sót hay sai lầm thì đã có các thầy căn cứ trên các bản *Khóa Hư* và *Tam Tổ Thực Lục* để sửa chữa hoặc bổ sung lại. Văn kể hạnh vì tính cách bình dân của nó, không thể chuyên chở được hết những thiền ngữ có ý nghĩa quá khó khăn đối với trí óc của người dân thường. Vì vậy còn có một lối hát gọi là hát kệ (22), để duy trì một cách dễ dàng hơn những bài kệ tụng của các vị tổ sư. Người nghe có thể không hiểu thấu hết ý nghĩa sâu xa của bài kệ, nhưng cũng có thể thường thức được nhạc điệu của nó. Theo Đinh Gia Khánh và Chu Xuân Diên, tác giả *Văn Học Dân Gian* (23) thì một bài kệ kể hạnh và hát kệ từ đời Trần còn được truyền giữ lại, đó là bài *Thiền Tông Truyền Tông Chỉ Nam Quốc Ngữ Hành*. Do đây ta biết lối kể hạnh và hát kệ đã được bắt đầu từ đời Trần. Đến cuối thế kỷ thứ mười bảy, thiền sư Chân Nguyên mới viết sách *An Tử Sơn Trúc Lâm Trần Triều Thiền Tông Bản Hạnh* bằng văn Nôm lục bát; tài liệu này nếu học thuộc lòng thì kể hạnh và hát kệ mới không còn thiếu sót (*).

Lối văn kể hạnh rất được thịnh hành và lưu truyền cho đến ngày nay. Tại những chùa thuộc phái Trúc Lâm, vào những ngày giỗ tổ, tín đồ thường tổ chức kể hạnh.

Tại chùa Tư Phúc, tục gọi là chùa Hun, mỗi năm đến ngày mồng ba tháng Giêng là ngày giỗ tổ Huyền Quang, thiện nam tín nữ kéo nhau về rất đông để lễ tổ và nghe kể hạnh. Lễ giỗ tổ ở đây làm rất lớn, có khi kéo dài đến cả tháng, thiền hạ lui tới không ngớt. (Chùa Tư Phúc ở núi Côn Sơn đường tạo lập từ đời Lý, đến đời Trần được Pháp Loa mở mang thêm, và khi Huyền Quang tới ở đã trở thành một ngôi chùa lớn. Sau khi Huyền Quang mất nhục thân được hóa thiêu và tro được cất giữ trong một ngọn tháp ở sau chùa, trên lưng núi Côn Sơn. tháp xây bằng đá xanh. Trong thời thuộc Minh, Nguyễn Trãi về ẩn tại đây, có sáng tác *Côn Sơn Ca*).

Sự tích Từ Đạo Hạnh đời Lý cũng được truyền tụng bằng lối văn kể hạnh (24). Từ Đạo Hạnh là một vị cao tăng thuộc thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi; thiền học của ông được bao phủ bởi một lớp màn Mật Giáo. Ông sinh vào đầu thế kỷ thứ mười hai, mất năm 1112. Hai chùa thờ Từ Đạo Hạnh cho tới ngày nay là chùa Chiêu Thiền tại làng An Lãng tục gọi là chùa Láng (25) và chùa Sài Sơn (26). Vài ba năm,

hội chùa Láng lại được tổ chức một lần, và dân làng diễn tả sự tích của thiền sư Từ Đạo Hạnh.

Ngay từ đời Lý và đời Trần, sự tích của thiền sư Từ Đạo Hạnh đã được thu thập bằng những pháp thuật rồi. Ngay trong *Thiền Uyển Tập Anh*, sự tích Từ Đạo Hạnh đã chiếm rất nhiều trang sách. Văn kể hạnh và sự diễn lại sự tích Đạo Hạnh đã làm công việc duy trì và tổ chức cho sự tích càng ngày có vẻ linh dị. Khoảng đầu thế kỷ thứ mười lăm, sách *Lĩnh Nam Chích Quái* của Trần Thế Pháp có viết một bài về sự tích Từ Đạo Hạnh. Bài này được căn cứ trên tài liệu sách *Thiền Uyển Tập Anh*, nội dung không khác với sự tích trong *Thiền Uyển Tập Anh* bao nhiêu. Đến đầu thế kỷ thứ mười tám, Lê Hữu Hy (bút hiệu Tam Thanh Quán Đạo Nhân) lại viết một bài dài hơn, nhan đề là *Từ Đạo Hạnh Đại Thánh Sự Tích Thực Lục*. Bài này được cho vào phần phụ lục của sách *Việt Điện U Linh Tập* của Lý Tế Xuyên trong kỳ khắc bản năm 1712 (27). So với sự tích Từ Đạo Hạnh trong *Thiền Uyển Tập Anh*, bài *Từ Đạo Hạnh Đại Thánh Sự Tích Thực Lục* của Đạo Nhân Quán Tam Thanh viết và có nhiều chi tiết vẽ vời hơn. Sự kiện này chứng tỏ tác giả đã sử dụng văn học truyền khẩu và diễn tích của dân quê mà chép lại thực lục của Từ Đạo Hạnh vậy. Sự tích của thiền sư Đạo Hạnh có liên hệ tới sự tích của thiền sư Minh Không (28). Vậy nên tại các chùa có thờ Minh Không thiền sư, sự tích này cũng được dân làng nhắc lại. Một lối hát chèo gọi là chèo chải được sử dụng để diễn lại sự tích thiền sư Minh Không nhằm ngày giỗ của ông tại các chùa Thần Quang và Hành Thiện (29).

(còn tiếp)

(22) Hát kệ là hát những bài kệ (hoặc những bài thơ) của các thiền sư để lại.

(23) *Văn Học Dân Gian*, tập I, Nhà xuất bản Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, Hà Nội, 1972, tr.228

(*) Thực ra Thiền tông truyền tâm (chứ không phải tông) chỉ nam quốc ngữ hành chỉ là một cách gọi khác của bài *Thiền tông bản hạnh* mà thôi. Cách gọi này thấy in trong bản khắc (mộc bản) năm Bính Đại thứ bảy (1932), Nguyên văn: An Tử Sơn Trúc Lâm Trần Triều Thiền Tông truyền tâm quốc ngữ hành. Hai ông Đinh Gia Khánh và Chu Xuân Diên đã lược bớt phần đầu và in sai một chữ, đồng thời cho rằng đây là bài hát kệ còn giữ được từ đời Trần; nhưng có phần chắc đây là sáng tác của Thiền sư Chân Nguyên thế kỷ XVII đúng như ý kiến ông Nguyễn Lang (N.H.C).

(24) Từ Đạo Hạnh họ Từ tên Lô, con của Từ Vinh, làm chức tăng quan đô sát dưới triều Lý.

(25) Làng An Lãng là sinh quán của Từ Đạo Hạnh.

(26) Tức chùa Thầy ở Quốc Oai tỉnh Sơn Tây.

(27) Lý Tế Xuyên, giữ chức trung phẩm phụng ngự, trông coi *Đại Tạng Kinh*. Ông viết *Việt Điện U Linh Tập* vào năm 1329.

(28) Tức Không Lộ thiền sư, phái Vô Ngôn Thông, mất năm 1141.

(29) Chùa Thần Quang tức là chùa Keo, làng Dũng Nghĩa, tỉnh Thái Bình. Chùa Hành Thiện, cũng được gọi là chùa Keo, nhưng lại ở Xuân Trường, Nam Hà.

BÀI HỌC TỪ CHIẾC BẮY MỒI

Thích Nữ Liên Trí (Hàng Như)



Bẫy là gì?

“Bẫy” là một danh từ dùng để chỉ một dụng cụ được thiết kế với mưu mẹo và toán tính nhằm mục đích đưa con vật và con người sa vào tình huống bất lợi cho đối tượng, đem lại phần lợi cho người chủ mưu đặt bẫy. Từ “bẫy” còn có thể dùng như động từ để diễn tả hành động dùng chiếc bẫy để phục vụ mục đích của mình.

Trong một số trường hợp, con người dùng bẫy để hạn chế sự ảnh hưởng tiêu cực của loài vật đến đời sống và sinh hoạt của mình, trong đó phổ biến nhất cần phải kể đến bẫy chuột, bẫy ruồi, bẫy gián.

Trong một số trường hợp khác, với trí khôn và mưu chước hơn loài vật, con người thiết kế các loại bẫy khác nhau tùy vào đặc trưng của mỗi loài, để lừa con vật vào bẫy nhằm hạn chế sức mạnh bản năng của chúng để con người, với sức mạnh sinh học yếu hơn, có thể chế ngự và bắt chúng để sử dụng phục vụ cho nhu cầu của mình, có thể giết thịt hoặc lấy các bộ phận cơ thể con vật làm thuốc hoặc đồ trang sức.

Hầu hết mồi dùng để câu nhử các loài vật sa bẫy là thức ăn để khơi gợi tính tham ăn có bản chất hoang dã của động vật, và chỉ có những con vật thật khôn ngoan mới may mắn thoát khỏi bẫy do con người giăng đặt.

Đa dạng và phức tạp hơn là người... bẫy nhau. Công cụ tạo nên chiếc “bẫy người” chủ yếu là lời nói và những biểu hiện tạo “động tác giả” để đánh tráo đối tượng, đưa họ vào tình huống bất lợi theo đúng như những gì người đặt bẫy toan tính thông qua việc tác động vào hai phương diện hoạt động mạnh nhất ở con người là nghe và nhìn. Bẫy người là dùng các thủ đoạn để đưa vào lời nói một liều thuốc mê để ru ngủ và xi mại, đánh bóng bên ngoài hào nhoáng làm hoa mắt đối phương, vô hiệu hóa sự cảnh giác từ đối phương và đưa họ vào tình huống bị động để nắm lấy phần lợi và ưu thế về người đặt bẫy.

Mồi để bẫy người đa dạng và tế nhị hơn ở nhiều mức độ, nhưng về bản chất thì không khác ở loài vật: làm sao để “lập lòe đánh lận con đen” khiến đối tượng mất tập trung, thiếu cảnh giác rồi câu nhử tâm tham ở người ấy và một khi không làm chủ được mình, đối tượng sập bẫy. Khi “cá đã mắc câu” rồi thì người đặt bẫy tha hồ điều khiển nạn nhân tùy thích. Sự phức tạp và rắc rối càng nhiều hơn khi cái tham ở

người không chỉ thể hiện qua miếng ăn thô thiển, mà còn thể hiện ở bốn phương diện nữa là tham ngủ nghỉ, tham tài sản vật chất, tham sắc đẹp và tham danh vọng địa vị nên bẫy người vi tế hơn và hậu quả đôi khi không thể lường hết được.

Bẫy động vật và bẫy người thật ra là bẫy cái tâm tham. Một khi tâm tham hành hoạt, nó xông mớ tâm trí khiến cho đối tượng không còn đủ bình tĩnh và duy trì độ tỉnh táo cần thiết để quyết định những gì cần làm. Như vậy, từ thể chủ động, đối tượng trở thành nạn nhân, giao nộp sự tự chủ của mình cho kẻ khác định đoạt. Có lẽ ví dụ sinh động nhất về sự mất tự chủ của đối tượng khi tâm tham khởi lên che mờ tâm trí mà dễ dàng trở thành nạn nhân là chiếc bẫy khi, khi nó được thiết kế đơn giản là vậy mà có thể “dụ” được loài vật thông minh như khi là một điều đáng cho ta suy gẫm vậy.

Bẫy khi: đơn giản mà khó thoát

Có một loại bẫy khi mà người châu Á thường sử dụng từ lâu lắm. Chiếc bẫy được làm đơn giản như thế này:

Người ta lấy một trái dừa, dùng dây cột cổ định trái dừa vào một thân cây gần đó hay đóng cọc cố định trái dừa xuống đất ngay vị trí nó được đặt. Thế rồi người ta khoét một lỗ nhỏ, rồi đặt một ít thức ăn ngon và có mùi thơm rất hấp dẫn vào trong ruột trái dừa. Cái lỗ khoét ấy đủ để thò một bàn tay khi vào trong, nếu duỗi thẳng, nhưng không đủ lớn để lọt bàn tay khi nắm lại. Khi khi nghe mùi thơm bốc ra từ trái dừa, nó mon men đến gần, tìm kiếm, định vị rồi phát hiện được nơi đặt thức ăn; thế rồi khi thò tay vào, lấy thức ăn. Oái oăm thay, khi nắm được đồ ăn trong tay, khi mắc kẹt tay trong trái dừa và không thể nào lấy ra được.

Khi người thợ săn đến, khi trở nên hoảng loạn, vùng vẫy càng nhiều hơn và càng không thể nào rút tay có nắm thức ăn ra. Thế là khi bị bắt. Không gì có thể giữ khi lại, ngoại trừ cái nắm thức ăn trong tay kia. Một điều duy nhất khi cần làm để có thể thoát thân là mở tay ra, không nắm giữ đồ ăn trong trái dừa ấy nữa, nhẹ nhàng rút tay không ra là có thể bảo toàn tính mạng. Thế nhưng không mấy con khi biết buông tay ra để thoát chết.

Kể ra, chiếc bẫy khi đơn giản mà hiệu quả, vì người thợ săn hiểu rõ tâm lý tham ăn của loài khi.

Người chẳng khác khi: tự chui vào bẫy

Tôi đọc câu chuyện về chiếc bẫy khi này trong cuốn "Transforming the Mind, Healing the World" của Joseph Goldstein lâu lắm rồi. Từ đó, rất nhiều lần, hình ảnh con khỉ mắc nạn luôn ở trong tâm trí tôi. Tôi nghĩ đến tình huống tương tự của con người, khi bản thân tôi hoặc những người tôi quen biết phải trả giá với nắm thức ăn của tài, sắc, danh, thực và thủy trong tay, loay hoay mãi mà tay vẫn mắc trong trái dứa mà người ngoài cuộc thấy ngu si đến vô lý.

Ta cười khi một con khỉ mắc tay vào trái dứa chỉ vì miếng ăn, cố hết sức bình sinh để rút tay ra mà không chịu buông tay để bảo toàn mạng sống. Càng cố sức vùng vẫy để được tự do mà không muốn bỏ miếng thức ăn trên tay trong khi người thợ săn đang đi đến gần, con khỉ phải trả giá bằng cả mạng sống của mình. Con khỉ bị nạn chỉ vì nó mong đạt được điều muốn là miếng thức ăn quyến rũ mời gọi ở bên trong, chứ bản thân trái dứa không được thiết kế là cái bẫy mà hề ai động đến là bị mắc nạn cả.

Xưa cũng như nay, những vụ án liên quan đến tham nhũng, hối lộ, lợi dụng chức vụ với quy mô lớn nhỏ xuất hiện trong xã hội đều vướng tay vào chiếc bẫy tham cả đó thôi. Cứ mỗi lần thấy ai đó tự vui dập danh dự, sự nghiệp và cuộc sống của mình bằng cách tự nhúng chàm khi không cưỡng được cám dỗ của miếng mồi vật chất, danh lợi, tôi lại nghĩ đến chiếc bẫy khi này. Quanh ta, không ít người có danh vị trong xã hội, tiền bạc không thiếu, nhiều người nằm mơ cũng không được như vậy. Thế mà do túi đời không đáy, nên họ đang nằm trong tay người 'thợ săn' chỉ vì miếng thức ăn thơm ngon trong trái dứa kia quyến rũ.

Đức Phật gọi những miếng mồi ấy là ác ma và những ai tham đắm vật chất đều sa bẫy do ác ma giăng ra (*Trung bộ kinh* số 25: *Kinh bẫy mồi*). Ngài mô tả trong kinh rằng "đàn nai xâm nhập, tham đắm, ăn các đồ mồi này do người thợ săn bẫy mồi gieo ra. Do tham đắm ăn các đồ mồi, nên chúng trở thành mê loạn. Do mê loạn, chúng trở thành phóng dật. Do phóng dật, chúng trở thành những vật bị làm theo ý muốn của người thợ săn bẫy mồi." Những ai mất tập trung, mờ mắt dính bẫy không khác gì những đàn nai trong bài kinh này hoặc như con khỉ mắc tay vào trái dứa vừa mô tả ở trên.

Cứ mỗi lần có một vụ việc như thế, cả một nhóm người đồng phạm, liên quan và liên đới đều "dính chàm" xâu chuỗi theo kiểu domino và số lượng lớn những người đặc trách từ các cơ quan chức năng nhọc công vào cuộc hàng tháng, có khi mấy năm trời để hoàn tất hồ sơ một vụ án, tổn hao sức người và thiệt hại khá lớn cho ngân sách quốc gia. Chỉ có cánh phóng viên là có đề tài phong phú để khai thác, có nhiều tin nóng tha hồ mà đăng tải. Thế là tổn hao bao giấy mực trên báo giấy, thêm vào đó, hàng chục tờ báo điện tử đưa tin trang nhất

trong nhiều ngày liền, còn tin đăng lại ở một số trang khác và diễn đàn thì nhiều vô số, tốc độ lan truyền chóng mặt.

Nguy cơ 'mất' nhiều thứ của những người này đang được bàn dân thiên hạ đưa lên bàn cân mổ xẻ và trở thành 'câu chuyện trước khi vào ca' ở hầu hết các cơ quan, công sở. Chắc nạn nhân trong cuộc cảm thấy đau đớn và khổ tâm lắm, nhưng khi thấm thía nỗi ê chề do lòng tham câu dắt, mọi sự ăn năn đã quá muộn màng và cánh cửa cuộc đời của người ấy coi như đã khép chặt lại với bao mất mát không thể lường đến được!

Với những gì tôi vừa mô tả về chiếc bẫy khi và cách khỉ mắc nạn, với tâm lý thường tình ở con người là "việc người thì sáng, việc mình thì quáng," ta có thể dễ dàng mĩa mai chê cười khi kếm thông minh. Nếu đổi mặt trong tình huống đó, ta nghĩ mình dễ dàng buông nắm thức ăn để được an toàn tính mạng. Thế nhưng, mặc dù con người thông minh hơn khỉ nhiều, chúng ta cũng không khá hơn là mấy!

Đứng trước sự cám dỗ của tiền tài, danh vọng, những thứ quá hấp dẫn, lôi cuốn mà những tưởng không cần đổ giọt mồ hôi nào, ta cũng có thể sở hữu dễ dàng thì tội gì không... thò tay vô! Mấy ai chế ngự được tâm mình trước một món ăn bốc mùi thơm ngon hấp dẫn và quyến rũ như thế. Cuối cùng, chúng ta cũng bị mắc bẫy như con khỉ nọ, như đàn nai kia, nhưng ở mức độ vi tế hơn vì cuộc đời là một hàm số phức hợp với nhiều loại ham muốn khi các căn tiếp xúc với trần cảnh thông qua các mối quan hệ xã hội chẳng chịt phức tạp hơn mà thôi.

Tâm ham muốn tạo một lực kết dính căn với trần và tạo nên một lực hút làm cho khỉ không rút tay ra khỏi trái dứa được. Con người cũng vậy, chính tâm ham muốn và nắm chặt đã khiến chúng ta sập bẫy. Điều chúng ta cần là buông tay ra để không bị giam cầm và được tự do tự chủ để quyết định cuộc sống của mình. Thế nhưng, nghiệp ngã thay, cũng như khỉ, ít khi chúng ta ý thức và thực hiện được điều tưởng chừng đơn giản này. Trái dứa ấy trở thành cái bẫy vì khỉ đã nhắm đến việc lấy cho được thức ăn bên trong mà không hề hiểu được



cái giá phải trả cho miếng ăn kia là sự mất tự do, là đánh đổi cả danh dự, uy tín xã hội và cả cơ đồ sự nghiệp mình đã nhọc công gây dựng một đời và giá đắt hơn là trong nhiều trường hợp, phải đánh đổi bằng mạng sống của mình.

Người ta đặt thức ăn để nhử những con nai, con khỉ trên đường chúng đi tìm mồi vì con người biết, thỏa mãn miếng ăn để duy trì sự sống là một bản năng của tất cả các sinh vật. Với cái bẫy dừa này, không phải mọi con khỉ đều mắc bẫy. Có con khỉ khôn ngoan không đến gần nơi có thức ăn quyền rũ này vì nó lường được sự nguy hiểm tiềm ẩn nơi ấy. Đôi khi cũng có con khỉ đã thò tay vào bên trong trái dừa rồi, nhưng khi lấy tay ra với nắm thức ăn trong tay, nó liền gặp chướng ngại, nó còn chút khôn ngoan và tỉnh táo để biết buông nắm thức ăn và lấy bàn tay không ra, nó an toàn tính mạng. Chỉ những con khỉ ngu si và tham lam mới tự biến trái dừa thành chiếc bẫy theo ý của người thợ săn mà thôi.

Nguyên nhân sa bẫy

Trong cuộc sống, chúng ta cũng gặp nhiều chiếc bẫy đủ hình thù kích thước và thô tế khác nhau mà chỉ vì tham lẫn át, thiếu chánh niệm, không thấy hết những nguy hiểm tiềm tàng bên trong hoặc chỉ nhìn thấy lợi trước mắt, mà trong kinh Đức Phật gọi là “tham đắm, mê loạn, phóng dật” mà chúng ta dễ dàng sa bẫy để rồi hành động theo “ý lực của người thợ săn bẫy mồi” (*Trung bộ kinh số 25: Kinh Bẫy mồi*).

Nếu con khỉ biết suy nghĩ, nếu đàn nai biết thận trọng cân nhắc, rõ ràng nó sẽ lựa chọn cách đi tìm thức ăn ở bên ngoài chứ không đưa tay vào trái dừa hay giẫm vào vùng nguy hiểm có thức ăn hấp dẫn đó. Một con vật khôn ngoan sẽ ý thức rằng một khi được tự do, nó sẽ có nhiều lựa chọn hơn trong khi con khỉ hay con nai đã bị mắc bẫy, chỉ biết giao nộp tính mạng của mình cho người thợ săn định đoạt, nó vẫn không có quyền lựa chọn nào trong cảnh “cá chậu chim lồng” như là một kết quả thể thảm của hành động mê mờ do tâm tham chi phối mà ra.

Con người, nếu không để tâm tham lam quá nung nấu, thúc bách thì cũng biết dẫn lòng trước cám dỗ, bằng lòng với những gì mình có được bằng sức lao động chân chính và nghề nghiệp chân chính của mình, tự đứng vững vàng trên đôi chân tuy thấp bé của mình. Tuy nhiên, chỉ có những người biết chánh niệm tỉnh giác, chế ngự lòng tham, phòng ngự các cửa

ngõ giác quan mới biết đó là ‘cái bẫy’ và nơi ấy, sự nguy hiểm và bất an đang rình rập chờ

vồ chụp lấy mình. Sự mời gọi, cám dỗ của những lợi ích tầm thường trước mắt luôn đánh lừa con người, làm lu mờ lý trí khi mình quyết định nên hay không nên làm điều nào đó. Tâm trí con người dễ bị nhiễu loạn với miếng mồi nhờn nhờn trước mắt.

Cuộc đời này đầy dẫy những cạm bẫy mà chỉ cần phóng tâm lơ đãng một tí, chúng ta sẽ sa hầm rớt hố liền thôi. Có nhiều cái bẫy chực chờ, chỉ cần lóa mắt với những lợi lạc trước mắt, mê man trong trạng thái lâng lâng với những lời

ngọt nhạt bùi tai, thiếu chánh niệm quán sát để nhìn thấy bản chất của vấn đề và không làm chủ được tâm tham là tự rước họa vào thân. Người giăng bẫy bao giờ cũng biết cách để những chiếc bẫy được nguy trang khéo léo mà nếu không sắc bén, thiếu khôn ngoan, non kinh nghiệm và kém trong phán đoán, chúng ta dễ dàng trở thành nạn nhân chỉ vì cái tham làm hạn chế tầm nhìn. Một khi tâm bị “cận thị” và “loạn thị” mà vạn vật không tỏ rõ mà nhập nhòa trong tham dục, lý trí không đủ sáng để thấy bản chất thật của các pháp thì sập bẫy là điều dễ hiểu, chỉ còn là vấn đề thời gian mà thôi.

Sống ngoài vòng kiềm tỏa của cạm bẫy

Chúng ta từng chứng kiến nhiều người chỉ vì giành giật miếng mồi danh bã lợi mà lẫn xả vào hiểm nguy, coi thường cả tính mạng để rồi phải trả giá cho sự liều lĩnh của mình. Chỉ một lần trượt đại, có khi mất cả đời cũng khó có thể khắc phục hết những hậu quả. Cách tốt nhất để nhắc tâm mình tránh được bẫy khi là dừng bao giờ vớ tới những miếng mồi ngon khi công sức mình bỏ ra không xứng đáng với những gì nhận được. Cây giữa đường mà xum xuê trái ắt hẳn là cây độc. Những khoản lợi lộc đến với mình dễ dàng quá như thể từ trên trời rơi xuống, như đặt vào tay mình thì nên dè dặt, thận trọng và bình tâm nhìn xuyên suốt vấn đề để lý giải mọi việc trước khi quyết định.

Trở lại trường hợp con khỉ, đứng trước một trái dừa có chứa chút đỉnh thức ăn bên trong, khỉ ít nhất có ba sự lựa chọn. Thứ nhất, nó rất nhát gan và bỏ đi vì không biết chắc chuyện gì sẽ xảy ra nếu thò tay vào đó. Thứ hai, nó đã thò tay vào, chạm được miếng thức ăn thơm ngon nhưng không lấy ra được, nó tỉnh táo buông tay và “bỏ của chạy lấy người”. Cách thứ ba là thò tay vào và cố lấy cho được vì sự

quyền rũ của thức ăn để trở thành nạn nhân của những người giảng bầy.

Cũng như thế, đứng trước một tình huống, con người thường có nhiều hướng chọn lựa (ngay cả khi người trong cuộc nghĩ rằng chỉ có lựa chọn duy nhất như là cách để biện minh cho sai lầm và giải trình sự việc cho có vẻ hợp lý mà thôi), điều quan trọng là khả năng kiềm chế tâm tham dục, khả năng làm chủ bản năng của mình đến đâu mà thôi. Khi còn giữ thể chủ động, quyền quyết định trong tay mình thì ta sáng suốt và hành xử thông minh.

Thế nhưng, khi bị tham lấn át, ta giao quyền điều khiển cho tâm tham lam và si mê thì ta bị chúng dắt lối vào cội lạc lầm để rồi khổ đau nối tiếp khổ đau. Đức Phật dạy một khi tham ái khởi lên trong nội tâm một người nào sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy (*Tương ưng bộ kinh, chương III, phẩm I*).

Đức Phật dạy để có thể thoát khỏi chiếc bẫy khổ cuộc đời, ta cần hộ trì các căn (các giác quan như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý) khi tiếp xúc với trần cảnh bên ngoài, đừng cho nó dính mắc, như con rùa khôn ngoan rút tất cả tay chân vào bên trong chiếc mai để được bảo hộ an toàn trước sự tấn công của thú dữ (*Tương ưng bộ kinh, tập I, chương I, phẩm 2*). Ai xui khiến mình lân la đến chút thức ăn thơm lừng trong trái dừa đầy hấp dẫn kia? Ai trì giữ không cho mình buông tay để an toàn? Nếu có một động lực giữ tay khi (cũng như tay chúng ta) nắm kỹ miếng đồ ăn, thì đó chính là lòng tham lam bất chấp hiểm nguy đang ở rất gần.

Trong nhiều phương pháp để chế ngự tham thì chánh niệm tỉnh giác và hộ trì các căn được Đức Phật nhắc đến thường xuyên trong các bản kinh *Nikāya* (đơn cử như trong Trung bộ kinh, các pháp này được đề cập đến trong các kinh số 5: *Kinh Không uế nhiễm*; kinh số 27: *Tiểu kinh dụ dấu chân voi*; Kinh số 39: *Đại kinh xóm ngựa*; Kinh số 51: *Kinh Kadaraka*; Kinh số 53: *Kinh Hữu học*; Kinh số 107: *Kinh Ganaka Moggallana*; Kinh số 112: *Kinh Sáu thanh tịnh*; Kinh số 125: *Kinh Điều ngự địa*).

Thật không ngoa khi nói rằng tham lam là “tài sản” chung của người chưa giác ngộ và chắc chắn mỗi người chúng ta đều có khối “tài sản” không mong muốn này. Do vậy, nếu không răn tâm nhắc lòng, ta có thể tự tạo thành những chiếc bẫy giảng mắc quanh mình để rồi tự vướng lấy và chuốc bao hệ lụy vào thân. Không ai dám chủ quan cho rằng mình có thể làm chủ tâm ý mọi lúc, mọi nơi trong mọi hoàn cảnh và thăng phục tham dục nên luôn sống trong chánh niệm, tỉnh giác và hộ trì là điều không bao giờ thừa đối với người biết trân trọng tâm lành ý thiện của mình. Ngay cả với người chọn nếp sống đơn giản, đạm bạc tưởng chừng cách ly dục lạc thế gian cũng chưa chắc thoát khỏi sự kiềm tỏa của ác ma tham dục nếu quá chủ quan mà không canh chừng tâm

MƯA VÀ HOA BƯỞI

*Long lanh từng giọt lệ trời
Rơi trên lá bưởi xanh ngời diệu âm
Tuyết hoa trắng,
Nở từ tâm
Thiện Tài Đồng Tử khiêm cung bước vào
Mây đen thấp,
Mây xanh cao
Tiếng mưa dầm tiếng ca dao mẹ già
À ... Oi ...
Cây bưởi đơm hoa
Xin thơm suốt đời Ta-bà vô minh
Nhân gian còn quá điêu linh
Nên hoa bưởi vẫn tưng kinh sớm chiều
Bên sông,
Đò vắng buồng neo
Hóa thân hạt cát,
Trôi theo thủy triều ...*

thơ HUỆ TRÂN

(Tĩnh thất, nghe mưa rơi)



mình. Bởi vì:

*Có tài xế lên đèo nhiều thân trọng,
Lại hững hờ tay lái khúc đường sườn.
Có những người sống đạm bạc thanh lương,
Thiếu chánh niệm thì tâm tham vẫn khởi...*

Có khi một chút ân huệ nhỏ cũng có thể trở thành miếng mồi đưa ta vào chiếc bẫy của chính mình lúc nào không hay!

Thích Nữ Liên Trí (Hằng Như)

Tạm biệt, anh thảo

NGUYỄN THỊ MINH THUY



Cuối tuần qua, tôi đã phải dành ra một buổi để dọn đi mớ cây Primrose – mà tự điển dịch là hoa anh thảo – mọc lòa xòa trên rẻo sân nhỏ bé phía trước nhà. Loại bông Mexican Primrose cao không hơn hai gang tay này, với màu hoa phơn phớt tím hồng và cánh lá mỏng manh, thân cành ẻo lả dễ rạp rờn lay động theo những đợt gió đầu xuân, từng làm dịu mắt bao khách qua đường cách đây hơn tháng, nay đã đến hồi lụi tàn. Cây thì vẫn còn đó nhưng không cho bông nữa, cành lá bắt đầu khô nám, đứng xạc xơ lổm xổm trông thật tội nghiệp.

Tay không ngừng bút bỏ mấy thân cây nhỏ bé, đầu óc tôi không khỏi lan man nghĩ thầm, ta đâu cần đợi qua bốn mùa xuân hạ thu đông mới thấy được sự hoại diệt trong thiên nhiên. Và mảnh vườn của chúng tôi cũng vậy, đâu cần phải qua hơn một đời chủ mới thấy sự bề dâu. Sẵn trốn, tôi miên man lộn ngược dòng thời gian, nhớ lại từng sự kiện xảy ra trong khuôn vườn nhà với một chút buồn buồn thú vị của cái thú hồi tưởng chuyện qua.

Nhớ lại quãng thời gian mới dọn tới đây mà... thương ông xã tôi hết sức! Lúc đó, vì lần đầu tiên mới có nhà riêng, lại là người mê cây cối bông hoa, tôi đã "hành" đáng ông chồng của mình không ít. Với bệnh ham muốn trồng thật nhiều bông hoa cây cỏ đủ loại, đi đâu tôi cũng để ý tới cây cối hoa kiểng và bằng mọi cách (bắt ông xã) "rước" chúng về nhà cho bằng được, từ tận mua cho đến hỏi xin.

"Anh ơi, mình phải có một giàn bông giấy cho giống

bên nhà... Anh ơi, mình phải có một bụi trúc cho có vẻ Đông Phương... Mình phải có một vài chậu trà đào để treo như ở nhà em hồi trước... Mình phải có một chậu hoa quỳnh để ngắm hoa nở giữa đêm chờ hoa ở nhà người ta sao mà ngắm được... Mấy nhánh hoa lau phất phơ này đẹp quá, mình phải tìm mua để trồng một bụi, cũng có lý lắm hả anh..."

Bao nhiêu câu "mình phải có..." là bấy nhiêu lần ông xã tôi phải khệ nệ khuân vác mang về, hì hục đào lỗ, trộn phân, trồng xuống, để rồi mười lần hết bảy là phải dời bứng cây đi chỗ khác (có khi dời gốc tới hai ba bận) vì sau khi trồng xong mới thấy, vì lý do này hay lý do khác, cây không hợp với địa thế đã chọn. Thật ra không phải lúc nào "người hùng" của tôi cũng vui vẻ ga lăng như vậy đâu mà có lẽ do... nghiệp, nếu lý giải chuyện dời theo lăng kính nhà Phật. Bởi sau mỗi lần giận nhau thì chàng hay "bình thường hóa bang giao" bằng những câu "offer" quá hấp dẫn đối với tôi như, "Em muốn trồng cây cỏ lau đó ở đâu?" hay "Em muốn đổi cây bông này qua chậu nào?" hoặc "Chiều nay em muốn đi Home Depot hay nursery nào?"

"Được lời như cởi tấm lòng," tôi làm sao đành lòng từ chối (và lại giận nhau cũng đâu có vui gì). Thế là "dân số" của cây cối trong vườn cứ theo đà đó mà tăng trưởng. Chưa kể cả hai vợ chồng tôi mỗi người đều có một "chứng bệnh" riêng đối với cây. Ông xã tôi thì mắc bệnh "phù suy" về đủ mọi phương diện ngay

cả với cây cối. Vì động lòng trắc ẩn, cây nào ẻo uột khó nuôi lại được ông ấy ra sức cứu chữa chứ không vất bỏ bao giờ. Thậm chí chàng còn "adopt" mấy chậu cây héo xào ở nursery được chủ vườn (khôn ngoan) cầm lên một tấm bảng rất tội nghiệp "Please, take me home!" Còn tôi thì bụi cây gốc cỏ nào có dính dáng đến kỷ niệm thì phải tìm cách giữ lại cho đến cùng. Ngoài ra, tôi còn bệnh "dị đoan" nữa. Cây nào mà tôi tin là đem lại điều may mắn cho gia đình thì phải được đặc biệt săn sóc để chúng luôn khỏe mạnh tươi tốt hay ít nhất là không yếu mệnh.

Đấy, sợ sợ ngần ấy thứ đủ khiến hai vợ chồng tôi ngày "bù đầu" với mảnh vườn. Cực mà vui. Tôi tự nhủ như vậy. Mà phần nào cũng đúng như vậy. Chẳng hạn như khi người ta đang có nhu cầu giải tỏa một nỗi buồn bực nào đó bằng hành động, hay lấp đầy một niềm trống vắng bằng sự bận bịu nhất thời, không gì hơn là lăn lộn, xắn áo để hết tâm trí vào việc nhổ cỏ, bứt lá, dọn gốc, tỉa cành làm đẹp khu vườn.

Nhưng, sự đời không ngừng lại ở đó. Cái ham muốn nhiều khi đi lố để thành ham hố, tham lam và làm khổ mình cũng như người chung quanh mình. Tôi nhận ra điều đó sau lần bị ông xã thẳng thắn phê bình, "Em sao hay 'đứng núi này trông núi nọ' quá. Thấy hoa của nhà người ta đẹp thì cứ thường thức đi, kiếm về trồng làm chi rồi than cực, than bông không nhiều bằng bông của người ta, than phải dành thì giờ cho cây cối nhiều quá không có thì giờ làm chuyện khác..."

Nghe vậy tôi cũng đâm...

nhột. Và đúng lúc tôi bắt đầu thấy cần phải “đặt lại vấn đề” trồng cây thì tôi cũng gặp cơ duyên nghe được những đĩa Pháp thoại giảng về hình thức vi tế của “tham” (trong tam độc tham-sân-si) rồi chợt “ngộ” ra: đâu phải chỉ thấy mình không nhất của rơi, không giựt giành phần lợi là đủ kết luận rằng mình không tham. Và xét cho kỹ, hình như “bệnh” ham hố trồng cây của tôi cũng là một hình thức... hơi tham tham rồi đó.

Gặp hoa đẹp thì ở đâu thì vui lòng thưởng thức nó đi, cần gì phải đem về nhà mình để sáng tối ra vào nhìn ngắm cho “thỏa lòng mong nhớ.” Đó là chưa nói đến việc cái gì có trong tâm tay lại không còn thấy quý nữa. Nhờ lối lý luận này tôi đã trấn áp được bệnh ghiền trồng hoa khá hiệu quả, bèn ngưng trồng thêm cây, và thấy mình bỗng... khỏe hẳn ra.

Quan trọng hơn hết, cũng nhờ bỏ được căn bệnh này, tôi đã “sống còn” được sau một “biến cố” khá trọng đại cho khu vườn của một kẻ yêu cây trước đây như vợ chồng tôi. Số là oái oăm làm sao, tụi tôi mê cây bao nhiêu thì bà hàng xóm của tụi tôi hoàn toàn trái lại. Đã vậy, sân sau nhà bà có hồ bơi nên các tia bông mận (một loại cây trái như mận Việt Nam nhưng quả và lá nhỏ xíu) từ nhà tôi bay sang lại là “kẻ thù số một” của bà. Lâu lâu tụi tôi lại nghe bà than phiền về chuyện này và phải giải quyết bằng cách cắt bớt những cành cây mọc chĩa qua “không phận” hàng xóm.

Cho đến một ngày, với vẻ mặt đầy nghiêm trọng, bà gõ cửa nhà chúng tôi, thông báo rằng hồ bơi của bà đã hư hại nặng nề, đã phải sửa chữa mất mấy ngàn bạc, mà “thủ phạm” chính là cây mận nhà tôi. Vì vậy, bà yêu cầu tụi tôi phải chặt cái cây “quái ác” mọc sát bờ tường đó đi. “Thật là quá lắm! Cây từ sân nhà tôi, tạo bóng mát và vẻ duyên dáng cho ngôi vườn tụi tôi mà bà ta ra lệnh phải chặt bỏ vì quyền lợi của riêng bà, ngon

chưa!” Tụi tôi nghĩ vậy nên giữ vững lập trường “bất khuất,” “không gì quý hơn độc lập tự do,” mặc kệ tinh thần “yêu nước là yêu hồ bơi” của bà hàng xóm. Nhưng sau, thấy bà xuống nước năn nỉ và đề nghị sẽ chi trả tiền công đào bỏ cây như là một biểu tỏ ghi nhận sự hy sinh của tụi tôi, vợ chồng tôi bèn nghĩ lại và đành phải chấp thuận cho vui cửa vui nhà... lảng giềng, cũng như để trưa trưa còn được nghe tiếng vui đùa bơi lội bì bõm của lũ trẻ hàng xóm vắng sang.

Như đã nói, nhờ đã chữa được bệnh mê cây, nỗi

“đau lòng” trong tôi khi mất đi một bóng mát thân quen cũng không trầm trọng như xưa. Tiện thể, mùa thu năm đó, chúng tôi cũng dẹp luôn bụi cỏ lau mà tôi rất thích để tránh cho cả xóm khỏi “chửi thề trong bụng” vì những sợi bông cỏ từ nhà tôi tung bay bám dính khắp nơi trong những ngày gió lồng. Âu đó cũng là một “bài tập” nhỏ để tôi thể hiện tinh thần “hỷ xả” ấy mà, tôi tự an ủi mình như vậy.

Nguyễn Thị Minh Thủy



VÔ ƯU

*Hoàng dương Chánh Pháp rạng ngời
Sư ngôi chánh niệm một thời kinh khuya
Thân, tâm phiền não đoạn, là
Đóa Vô ưu, nở bên kia bờ đời
Rất vô tình chiếc lá rơi
Câu kinh mẫu nhiệm giữa trời hư không
Chân mây bảy sắc cầu vòng
Hóa thân ngàn cánh sen hồng ngát hương
Từ vô thi, đã mười phương
Sát na hạt bụi vô thường còn bay...*

thơ

XUYỀN TRÀ

Những cánh hoa trôi

LAM KHÊ

Con đường nhỏ dẫn lên ngọn đồi có ngôi Tịnh viện mà mọi người quen gọi là chùa Lá. Từ thuở khai hoang lập tự, nơi đây chỉ là am thất nhỏ dựng bằng tre lá thô sơ. Theo thời gian mọi thứ đã thay đổi, nhưng tên gọi cũ thì vẫn còn.

Chiếc xe khách dừng lại ven quốc lộ; Liên bước xuống, ngáp ngừng nhìn quanh... rồi chậm rãi leo dốc. Đồi không cao, dốc không dài, mà bước chân trở về sao cảm thấy quá xa xôi diệu vợi. Con đường lên dốc chia ngôi Tịnh viện làm hai khu riêng biệt. Bên trái là chánh điện, giảng đường và nội viện của chư Ni. Bên phải là nhà khách, nhà bếp và khu nhà trẻ. Mọi nơi trông thật sạch sẽ tươm tất. Không gian nhẹ nhàng bỗng vang lên tiếng hát ru con đong đầy tâm trạng của người mẹ trẻ.

Những lối đi lát gạch ngăn cách các dãy phòng ngang dọc, mỗi phòng dành riêng cho từng lứa tuổi nam nữ khác nhau. Từ trẻ sơ sinh cho đến những cô cậu sắp bước qua tuổi trưởng thành đều được nuôi dưỡng và lớn lên trong những căn phòng này. Bọn trẻ chắc đã đến lớp. Trong phòng chỉ có những bé hai ba tuổi mới chập chững biết đi. Những đứa bé còn ẵm ngửa được mấy cô bảo mẫu thay tã dọn rửa vệ sinh.

Căn phòng dài cuối sân dành cho mấy cô gái, mà không... là những sản phụ còn khá trẻ với chiếc bụng rõ to đang đi lại với bộ dạng nặng nề khó nhọc. Đứa con sanh ra do lỡ lầm, do sự bất trắc trong tình duyên sẽ chẳng bao giờ là niềm hạnh phúc mong đợi của người mẹ. Thế nên, khi con cất tiếng khóc chào đời, lòng

mẹ nào có vui vẻ gì mà ẵm bồng nựng nịu. Thôi thì đành gửi con lại cho nhà chùa nuôi dưỡng. Nương nấu cửa chùa, mai sau lớn khôn con sẽ hiểu và tha thứ cho mẹ. Con cũng sẽ hiểu nhân duyên mẹ con chúng ta chỉ có bấy nhiêu. Người ta đã không muốn có con trên cõi đời... thì mẹ biết lấy gì bám víu mà dắt con đi cho hết đoạn đường chông gai phía trước.

- Kia Liên? Sao vào sớm vậy con? Con sanh rồi à? Em bé mạnh khỏe hả con...?

Trước những câu hỏi dồn dập, đôi chân thiếu phụ chỉ biết khụy xuống, hai tay ôm mặt rồi bật khóc nức nở. Khi nỗi đau bị chạm đến, tiếng khóc là câu trả lời cho tất cả. Khóc... cũng sẽ làm vơi bớt nỗi thương tâm một khi vượt quá sức chịu đựng của con người.

Xinh đẹp ngoan hiền lại học giỏi. Đó là những lời mà Liên luôn được nghe nói về mình. Cha mẹ có một nông trại nhỏ, không giàu có nhưng vẫn đủ khả năng để lo cho chị em Liên ăn học thành tài. Rồi cô thi đậu đại học. Bước chân về thành phố, Liên vun đắp biết bao ước mơ tươi đẹp. Một tương lai đầy ắp màu hồng lại được củng cố thêm từ khi có sự xuất hiện của chàng.

Chàng là sinh viên năm cuối một trường Đại học Quốc tế danh giá. Đẹp trai phong nhã và như lời chàng tự giới thiệu về mình... là con trai độc nhất của một gia đình thành đạt nổi tiếng. Cha là nhà kinh tài giàu có với rất nhiều dự án về tài chính và bất động sản. Mẹ là chủ tịch

một tập đoàn lớn chuyên ngành du lịch giải trí. Bấy nhiêu đó thôi cũng đủ đánh gục trái tim còn non dại của cô gái trẻ. Cô đơn, nỗi nhớ gia đình nhanh chóng được xoa lấp bởi một tình yêu đẹp như mơ. Và rồi... câu chuyện tình đầy mơ ước ấy cũng đến hồi kết.

Khi biết nàng mang thai với mình, chàng ngồi lặng lẽ hồi lâu rồi nhỏ nhẹ phân trần:

- Liên à! Em cũng biết đấy. Gia đình anh đã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ cho anh du học lấy bằng tiến sĩ tại Mỹ, chỉ còn chờ ngày anh tốt nghiệp đại học là đi ngay. Anh rất yêu em. Nhưng vì tương lai, chúng ta không thể có con vào lúc này được. Em còn phải học thành tài để lo cho sự nghiệp của mình và báo ơn cha mẹ. Vậy nên... anh đưa em số tiền đi giải quyết cái thai. Chúng ta còn trẻ lo gì không có con sau này. Em cứ yên tâm chờ đợi ngày anh trở về, chúng ta rồi sẽ tái hợp...

Từ buổi gặp gỡ ấy, nàng không thể liên lạc được với chàng nữa. Như vậy đã rõ, người ta đã muốn quất ngựa truy phong và kết quả là Liên một mình ôm lấy nỗi đau đớn ê chề tủi nhục. Mang bầu tâm sự không thể giải bày cùng ai... Liên quay quắt gần như mất phương hướng. Cái thai ngày một lớn, cô không đến giảng đường để tránh ánh mắt dò xét dè bieu của bạn bè, cũng không trở về nhà để nhìn cha mẹ thất vọng buồn đau vật vờ. Một buổi sáng Liên ra bến xe. Cô muốn đến một nơi nào đó chỉ có trời và biển. Cũng định viết mấy lời để lại cho gia đình nhưng lại thôi. Ngồi trên xe, Liên thì thầm với đứa con đang bắt đầu chồi đáp trong cơ thể mình: "Con ơi! Mẹ rất muốn sanh con ra đời nhưng biết làm sao bây giờ. Thôi thì mẹ sẽ cùng con đi vào một cõi thiên thu bất tận, nơi sẽ không còn khổ đau với những trò lừa lọc nhân tình thế thái..."

Bất chợt Liên nhìn thấy con xuôi nhỏ bên đường, cô vội xuống xe với ý nghĩ ở đây không khí thật mát mẻ... rồi

mai này mọi người sẽ dễ dàng tìm thấy mình. Khi Liên đang lặn hụp dưới dòng nước thì có bàn tay ai đó chụp lại. Cô vùng vẫy một lúc rồi ngất lịm đi. Khi tỉnh dậy, Liên thấy mình đang nằm trong bệnh xá. Sau này cô mới biết bệnh xá nằm trong ngôi Tịnh Viện và người đã cứu mình bên bờ suối là sư cô trụ trì. Hôm ấy chị Phật tử chở sư cô ra đường và người đã nhìn thấy một cô gái trẻ bụng mang dạ chửa đang lội xuống suối ý như muốn kết liễu cuộc đời. Sư cô cho dừng xe rồi chạy xuống, sau một hồi nín kéo mới đưa được cô gái lên xe chở về chùa.

Được nhà chùa cứu mang, Liên tạm gác hết mọi chuyện buồn đau và chấp nhận sự sắp đặt của số phận. Khi đã bình tâm suy nghĩ, cô ngạc nhiên tự hỏi sao mình có thể đến được đây, một nơi không quen không biết, cũng chưa từng nghe ai nói tới. Đó là nhân duyên. Sư cô nói vậy và Liên cũng tin như vậy. Câu chuyện nhân duyên sau này Liên nghe nhiều chị em đồng cảnh ngộ kể lại...

Hơn hai thập niên trước, sư cô cùng vài vị sư muội của mình mua lại ngọn đồi của người quen rồi xây lên vài am thất nhỏ để tu niệm. Am thất làm bằng tre lá và tên gọi chùa Lá cũng có từ đó. Tâm nguyện của sư cô là muốn hình thành một ngôi Tịnh viện với nhiều gian thất nhỏ để chị em đồng môn sau khi học xong về cùng nhập thất chuyên tu. Ý định như vậy nhưng mọi thứ cứ tùy duyên tìm đến. Một thời gian sau, vùng đất hoang vu cần cỏi... bỗng nhiên được nhiều người quan tâm tìm đến hỏi mua. Chẳng bao lâu, cả đoạn đường dài ven quốc lộ hình thành các khu công nghiệp. Dân các nơi tìm đến làm công nhân, quán xá nhà trọ, trường học chợ búa cũng bắt đầu mọc lên cùng với biết bao hệ lụy phát sanh giữa chốn đời thường.

... Buổi sáng sư cô ra mở cổng và ngạc nhiên nghe tiếng trẻ khóc. Đứa trẻ được bọc kín



đặt nằm dưới gốc cây bàng. Bỗng đứa trẻ lên, sư cảm nhận hơi ấm người mẹ vẫn còn quanh đây. Một người mẹ trẻ, hẳn là vậy vì sư vừa nghe có bước chân chạy nhanh xuống đồi. Không biết làm gì sư đành ôm đứa bé vào chùa. Vốn chỉ muốn chuyên tu nên người không mấy hứng thú với công việc nuôi trẻ, nhất là trẻ sơ sinh. Sư định gửi cho Viện Cô Nhi hoặc đem đến những ngôi chùa nào đó có nhận nuôi trẻ. Nhưng khi nhìn vào đôi mắt trong veo của đứa bé, sư thấy không đành lòng. Phải có nhân duyên nó mới tìm đến với mình... vậy thì sao không đang rộng đôi tay đón nhận.

Từ đứa bé kết duyên đầu tiên ấy... đến nay đã hơn hai mươi năm, từng đứa rồi từng đứa cứ lần lượt tìm đến cửa chùa khi thì dưới gốc cây, khi thì bên mái hiên chùa, có đứa tự tay người mẹ mang tới. Hỏi bao nhiêu thì sư nói khoảng vài ba trăm gì đó. Mấy đứa lớn đã xong đại học, một số đã lấy bằng tiến sĩ thạc sĩ... có công ăn việc làm giúp ích cho xã hội. Cũng có đứa phát tâm trở về đây phụ giúp, vài đứa xin xuống tóc đi tu. Điều này thì sư cô không bắt buộc, bởi xuất gia cần phải có căn duyên nguyện lực sâu dày mới được.

- Vậy thì sư cô lấy kinh phí đâu mà nuôi cả trăm em như vậy? Chắc phải có nhiều mạnh thường quân hỗ trợ lắm đây?

Sư cô cười lắc đầu:

- Người ta mới biết nơi

này khi có mấy đứa lớn vào đại học. Cũng có người đến hỗ trợ sửa, áo quần tập võ cho bọn nhỏ. Kinh phí thì chùa có mấy mẫu đất trồng hoa màu thu hoạch mỗi năm. Bấy nhiêu cũng đủ lo cho bọn trẻ ăn học đến hết phổ thông. Lên đại học phần nhiều các em chọn ngành sư phạm nên không đóng học phí. Vừa học bọn trẻ còn có thể đi dạy đi làm thêm. Vì được nuôi dạy ở chùa nên các em sống biết tri túc lắm.

Kỳ tích về những đứa trẻ được sanh ra dưới mái chùa lại được viết tiếp. Mỗi trang đời được mở ra luôn gắn liền với một số phần nghiệt ngã của trò chơi nhân thế.

Vào một ngày mưa gió... có cô gái trẻ xin vào chùa làm công quả. Nhìn gương mặt vóc dáng, sư gắng hỏi thì cô thú nhận là công nhân bên khu công nghiệp đang mang thai và tác giả gây ra cố sự đã biệt vô âm tín. Cô không muốn bỏ đứa con nhưng cũng không có nơi nào để đi nên đành xin vào chùa đợi đến ngày sanh nở...

Cửa Phật tử bi, lòng người tu hành sao nở từ chối. Sư cô chấp thuận và khi cô gái trở dạ tự tay người đưa đến bệnh xá, giúp cho mẹ tròn con vuông. Không chỉ vậy, người còn chuẩn bị đầy đủ sữa hộp, khăn giấy tã lót cho em bé. Vài ngày sau người mẹ trẻ mang con gởi lại chùa rồi một đi không trở lại. Cứ thế tiếng lành đồn xa... những cô gái lỡ lầm không phương giải quyết liền tìm đến mái chùa. Sau khi sanh, phần nhiều họ giao con nhờ nhà chùa nuôi giúp và cũng rất hiếm có người trở lại thăm đứa con của mình. Vì hoàn cảnh, vì cuộc sống và vì những toan tính vị kỷ của người lớn.

Nghe chuyện người, Liên càng thấm nỗi buồn. Dù như thế nào thì chắc hẳn Liên sẽ không bao giờ ruồng bỏ đứa con. Cô phải sanh nó ra và nuôi nấng nên người. Ý tưởng quynh sinh bên bờ suối chỉ là nông nổi nhất thời. Càng suy nghĩ Liên lại thấy nhớ nhà. Lúc này nếu có mẹ bên mình thì hạnh phúc biết bao. Không thể cảm lòng được, cô gọi điện cho

đứa em kể hết sự tình của mình. Vậy là chỉ mấy ngày sau... ba mẹ cô đã có mặt ở chùa. Họ nhỏ nhẹ khuyên nhủ Liên trở về nhà. Ba mẹ sẽ bỏ qua hết mọi chuyện, sẽ để cho cô sanh con và nuôi dưỡng đứa bé...

- Con ở chùa vất vả lắm. Về nhà có ba mẹ và các em thì vẫn hơn. Có thai cần phải ăn uống tẩm bổ nghỉ dưỡng mới sanh con mạnh khỏe được.

Thế là cô về nhà. Mẹ vốn là người kỹ tính lại quyết đoán. Dù bà rất thương yêu con gái nhưng cũng không dễ bỏ qua những lỗi lầm cô phạm phải. Nhưng lúc này bà giữ lời hứa, không tra hỏi cũng không nhỏ to buông lời trách mắng. Chuyện ăn uống thuốc men một tay mẹ chăm sóc. Bà làm mọi chuyện để cô an tâm tĩnh dưỡng. Một buổi sáng, thức dậy Liên đã thấy tô cháo nóng hổi đặt trên bàn. Mẹ ngồi bên cạnh nhìn Liên dịu dàng nói:

- Con đây đánh răng rửa mặt rồi ăn cháo. Cháo mẹ nấu gồm các loại nhân sâm hảo hạng, con ráng ăn sẽ tốt cho em bé.

Ăn xong tô cháo, Liên nghe bụng quặn đau dữ dội, mặt mày tối sầm rồi ngất đi. Tỉnh lại trong bệnh viện, cô được thông báo cái thai đã không còn, trong tô cháo của mẹ có loại thuốc phá thai cực mạnh, vì thai nhi đã lớn nên không giữ được, may mắn người mẹ được cứu kịp. Đau đớn thể xác, u uất tinh thần... Liên lại trách mình sao không chết cùng con bên bờ suối hôm ấy. Suốt nhiều tuần liền Liên không gượng dậy cũng không thể chớp mắt. Hình ảnh đứa con cứ chập chờn với bao lời trách móc xé lòng "Sao mẹ tạo ra con mà lại không cho con ra đời... mẹ đau đớn buồn bã như thế làm gì. Mẹ có biết là thân xác con khi bị đẩy ra khỏi bào thai còn đau đớn gấp cả trăm lần...!"

Đứa con không còn, Liên cũng không tha thiết phải ở lại nhà. Mặc những lời ngon ngọt dỗ dành của mẹ, mặc những tiếng năn nỉ níu kéo của các em. Cô nhất quyết phải đi. Cô

TRÔI THEO DÒNG ĐỜI

Tùy duyên

Trôi cứ để trôi

Trôi qua chìm nổi với đời khổ đau

Trôi lững thững, trôi chậm mau

Khổ đau cũng có nhiệm màu an vui

Trôi đi, chưa thấy trôi lùi

Tâm nhiên trôi với dòng xuôi tháng ngày

Tùy duyên

Trôi với dòng say

Quả ung, trái đắng xòe tay đón mừng

Trôi theo vay trả không ngừng

Lên ghềnh xuống thác bao lần thêm khôn

Tùy duyên

Trôi với dòng hoang

Trả vại món nợ vẫn còn vương vai

Rắc gieo hạt mới một vại

Tùy duyên

Tạo tác

Ngày mai trôi về.



thơ

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

cần đến một nơi yên tĩnh để suy gẫm lại mình. Tình yêu lừa dối, đến những người thân yêu nhất cũng đang lừa dối cô. Sống giữa cuộc đời đầy dẫy sự dối trá này... Liên biết phải làm sao đây.

Chuyện đã nhiều năm trôi qua rồi. Mọi việc cũng đi vào quỹ đạo của sự quên lãng. Liên không còn buồn cũng không hờn trách ai. Có chăng là những lời nguyện cầu sám hối dành cho sanh linh đã bị từ bỏ. Tình yêu cuộc sống của cô bây giờ gần liền bên những thiên thần bé nhỏ trong Tịnh viện. Từng học Y Dược nên công việc hằng ngày của cô là lo

chuyện thuốc men dinh dưỡng cho cả bọn trẻ. Cô hạnh phúc và bằng lòng với hiện tại. Ở nơi tình yêu trong sáng không phải toan tính, niềm hạnh phúc chơn chính không bị dối lừa... đó chính là thế giới an lành thánh thiện mà cô đang dẫn thân và cũng đang tận hưởng.

Con suối nhỏ uốn quanh ngọn đồi luôn ẩn chứa bao điều kỳ diệu. Xuôi theo dòng chảy... dập dìu những cánh hoa trôi tưởng chừng như vô định. Ấy vậy mà... ở một nơi gọi là bến đạo, những cánh hoa trôi vẫn lan tỏa chút hương tàn cho cuộc sống đời người thêm ý nghĩa./.

Lam Khê

HUYẾT ÁP THẤP

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Thường thì chúng ta e ngại bị cao huyết áp nhiều hơn là thấp huyết áp. Vì quá cao huyết áp có thể rơi vào cảnh liệt hạ chi, đi xe lăn vì tai biến mạch máu não hoặc bị suy thận suy tim, những biến chứng trầm trọng của "tên sát nhân thầm lặng" này.

Tuy nhiên, nếu huyết áp quá thấp thì lại có nhiều rủi ro cho sức khỏe, đôi khi đe dọa tới tính mệnh.

Huyết áp là sức ép của máu lên lòng động mạch khi trái tim bóp vào để đẩy máu ra động mạch và khi tim mở giãn ra để tiếp nhận máu.

Huyết áp được đo theo đơn vị mili mét thủy ngân (mmHg), với hai con số: số trên là huyết áp tâm thu (systolic) và số dưới là huyết áp tâm trương (diastolic).

Huyết áp thay đổi tùy theo thời gian trong ngày: thấp nhất vào ban đêm khi ngủ, cao hơn khi thức dậy; buổi chiều cao hơn buổi sáng, nhất là khi đi lại, làm việc chân tay, tinh thần căng thẳng.

Huyết áp cũng thay đổi tùy theo tư thế cơ thể: Khi ngồi huyết áp tâm trương cao hơn khi nằm khoảng 5mmHg. Ngồi không dựa lưng, tâm trương cao hơn 6mmHg. Ngồi chéo cẳng chân, tâm thu tăng từ 2-8mmHg. Ngồi mà tay buông thõng, HA cao hơn là khi tay dơ lên cao.

Cơ thể rất nhạy cảm với sự thay đổi huyết áp, đặc biệt là một số tế bào ở thành động mạch. Khi huyết áp đột nhiên tăng hoặc giảm, các tế bào này sẽ thay đổi khiến cho huyết áp trở lại mức trung bình để có đủ máu chuyển tới các cơ quan sinh tử như tim, não, thận. HA ở tay trái hoặc tay phải không khác biệt mấy, tuy nhiên nếu đo lần đầu, nên đo cả hai bên để so sánh.

Hiện nay các nhà chuyên môn coi huyết áp bình thường là bằng hoặc dưới 120/80, lý tưởng là 115/75.

Thế nào là huyết áp thấp?

Các nhà y học cũng đồng ý với nhau là huyết áp thấp khi một trong hai kết quả bằng hoặc dưới 90 cho tâm thu, 60 tâm trương. Như vậy nếu có kết quả 115/50 thì là huyết áp thấp.

Đây là con số chung chung, với người này là thấp nhưng lại bình thường với người khác vì họ không có các dấu hiệu bệnh như chóng mặt, siu hoặc bất tỉnh. Người tập luyện cơ thể, các lực sĩ thường hay có huyết áp và nhịp tim hơi thấp hơn bình thường mà họ vẫn khỏe mạnh.

Có nhiều loại thấp huyết áp khác nhau:

a- Thấp với tư thế đứng (Orthostatic hypotension).

Chẳng hạn khi đang nằm hoặc ngồi mà đứng lên, nhất là với động tác quá nhanh, đứng xếp hàng lãnh "tem phiếu" cả nửa ngày, đứng lâu khi tắm hoa sen, đôi khi do ngồi làm việc liên tục nhiều giờ.

Bình thường, khi đổi tư thế như vậy, sẽ có khoảng từ 300-800 cc máu dồn xuống phần dưới cơ thể theo sức hút của trái đất, khiến cho não thiếu dinh dưỡng. Con người cảm thấy xây xẩm, lảo đảo, chóng mặt.

May mắn là cơ thể đã có sẵn một số đáp ứng tim mạch, thần kinh, sinh hóa để đối phó với rủi ro này. Chẳng hạn các cơ bắp ở hạ chi co hẹp, thành bụng ép vào tĩnh mạch đẩy máu từ dưới ngược lên phía trên. Do đó hậu quả của huyết áp thấp chỉ thoáng qua khoảng dăm ba giây-phút. Nếu các cơ chế này hoạt động kém hữu hiệu, hậu quả sẽ lâu dài. Hiện tượng này thường thấy ở người cao tuổi hoặc người suy nhược, nhưng đôi khi cũng có ở người trung niên khỏe mạnh khi họ ngồi lâu với cẳng chân bắt chéo rồi bất chợt đứng dậy. Nguyên nhân có thể do tác dụng của một số dược phẩm, khiếm khuyết hồi huyết tĩnh mạch, giảm khối lượng máu, suy tim, rối loạn thần kinh.

Trong trường hợp này, các nhà chuyên môn coi thấp huyết áp là khi tâm thu giảm ít nhất 20mmHg, tâm trương giảm ít nhất 10mmHg sau khi đứng dậy khoảng 3 phút.

b- Thấp do rối loạn liên lạc giữa thần kinh tim-não

Khi đứng quá lâu, huyết áp thường thấp, nhưng cơ thể có thể điều chỉnh để bình thường hóa.

Tuy nhiên, ở một số người, nhất là giới trẻ thì cơ chế điều chỉnh này không làm việc đúng đắn. Thay vì báo động huyết áp thấp, thần kinh tại tim lại phát ra tín hiệu ngược lại (huyết áp cao), não bộ bèn giảm nhịp tim và hạ huyết áp. Máu đưa xuống phần bụng và hạ chi nhiều, lên não ít. Tình trạng trở nên xấu và bệnh nhân cảm thấy xây xẩm, quay cuồng.

c- Thấp sau bữa ăn (Postprandial hypotension)

Trong vòng 2 giờ sau khi ăn, huyết áp có thể giảm tới 20mmHg, đặc biệt là ở người tuổi cao, người đang bị cao huyết áp, có bệnh tim

mạch, người già có tiền sử té ngã, người đang dùng thuốc trị cao huyết áp. Sự kiện này có thể gây ra ngất xỉu, cơn đau thắt ngực, chóng mặt, mệt, buồn nôn, mờ mắt thậm chí cả stroke nữa.

Có nhiều cách giải thích:

Như là sau khi ăn, máu tụ nhiều ở cơ quan nội tạng (ruột, bao tử) để giúp sự tiêu hóa thực phẩm, giảm khối lượng máu cho các bộ phận khác (não).

Hoặc là sau bữa ăn có sự giảm lượng máu từ tim đưa ra;

Hoặc thấp huyết áp là do tác dụng của insulin làm giảm đường huyết kéo theo giảm huyết áp;

Hoặc sự quá giãn tĩnh mạch ngoại vi.

Bình thường thì cơ thể điều chỉnh được bằng cách tăng lượng máu bơm ra từ tim và co mạch máu ngoại vi. Nhưng ở nhiều người, cơ chế này "trục trặc", thiếu tuần hoàn não, khiến con người lão đảo, quay cuồng.

Nguyên nhân gây ra huyết áp thấp:

a- Giảm khối máu do mất nước tại các mô cơ thể vì ới mưa, tiêu chảy, nóng sốt, dùng nhiều thuốc lợi tiểu, phòng nặng, vận động quá mức với đồ mồ hôi. Máu lưu thông giảm, huyết áp thấp, không đủ dưỡng khí nuôi tế bào, cơ thể mệt mỏi, yếu, chóng mặt. Nếu mất nước quá nhiều và không được điều trị, bệnh nhân có thể rơi vào tình trạng shock, nguy hiểm tới tính mạng.

b- Nội ngoại xuất huyết đều giảm khối lượng máu và đưa tới thấp huyết áp.

c- Trong thời gian có thai, mạch máu giãn mở, giảm sức ép của máu lên động mạch do đó áp huyết áp xuống thấp khiến cho bà bầu hay chóng mặt. May mắn là huyết áp sẽ trở lại bình thường sau khi sanh.

d- Một số bệnh tim như suy tim, rối loạn van tim, nhịp tim chậm, cơn suy tim đều làm huyết áp xuống thấp vì máu lưu hành ít đi.

đ- Một số bệnh nội tiết như tiểu đường, nhược hoặc cường tuyến giáp, đường huyết thấp.

e- Nhiễm trùng huyết, cơn dị ứng trầm trọng, dinh dưỡng thiếu sinh tố B12, folic acid.

g- Dùng phẩm như thuốc lợi tiểu, thuốc giãn mạch, thuốc viagra, vài loại thuốc chống trầm cảm, thuốc chống đau, rượu.

h- Bệnh Parkinson, chấn thương sọ não, ngộ độc hóa chất, phản ứng với thuốc, suy gan, nằm bất động quá lâu.

Dấu hiệu, triệu chứng:

Các dấu hiệu thường thấy gồm có chóng mặt, ngất xỉu, buồn ngủ, kém tập trung, buồn nôn, mờ mắt, hơi thở nhanh, da lạnh, khát nước.

Khi huyết áp thấp trầm trọng, bệnh nhân có thể bị trụy tuần hoàn (shock).

Điều trị

Thấp huyết áp ở người khỏe mạnh mà chỉ có chóng mặt thoáng qua khi đứng lên ngồi xuống

thường thường không cần đến trị liệu.

Với các trường hợp nặng, điều trị nguyên nhân gây ra huyết áp thấp có thể giải quyết được vấn đề.

Trường hợp huyết áp xuống rất thấp gây ra shock thì cần được cấp cứu tại bệnh viện. Bác sĩ có thể cho dùng được phẩm tăng khối máu (fludocortione, clonidine, viên ngừa thai); thuốc co mạch (midrodine, ritalin, vài loại chống trầm cảm) hoặc thuốc điều khiển sản xuất epinephrine/norepinephrine (ức chế beta atenolol, propranolol) để nâng huyết áp.

Phòng tránh

Các phương thức sau đây được áp dụng để giảm thiểu dấu hiệu triệu chứng của huyết áp thấp:

1- Uống nhiều nước để ngăn ngừa cơ thể khô nước và nâng cao huyết áp.

2- Dùng thêm muối có thể nâng cao huyết áp, nhưng cần được bác sĩ hướng dẫn để tránh rủi ro suy tim.

3- Mang tất đàn hồi để tránh máu tụ ở hạ chi, nhờ đó máu nhiều hơn ở phần trên cơ thể.

4- Tránh uống rượu vì rượu làm mất nước và làm giãn mạch máu.

5- Đừng đứng quá lâu; từ từ đứng lên khi nằm hoặc ngồi.

6- Có huyết áp thấp sau khi ăn: không nên uống thuốc chống huyết áp trước khi ăn; tránh đứng lên bất thành lình và nên nằm nghỉ sau khi ăn; giảm tinh bột trong phần ăn, chia phần ăn làm nhiều bữa nhỏ.

7- Với một số người, nước uống có caffeine làm co mạch máu nhưng nên uống vào buổi sáng để tránh khó ngủ ban đêm.

8- Nằm ngủ với gối hơi cao hơn chân có thể giảm triệu chứng bằng cách giữ lại natri, bớt tiểu đêm.

9- Khi đứng lâu: một chân co hoặc để trên ghế; lâu lâu ngồi xuống hoặc cúi mình về phía trước, để tay lên đầu gối.

Khi nào cần đi khám bệnh

Thấp huyết áp mà lại thêm đau ngực, nhiệt độ cơ thể trên 101° F (38.3 °C), rối loạn hô hấp, tim đập không đều, tiêu chảy và nôn ói kéo dài, ho ra đờm, không ăn uống được, đều cần đi bác sĩ ngay để được khám bệnh và điều trị.

Kết luận

Một trong những triết lý sống khá hay của người Á Đông là không thái quá mà cũng chẳng nên bất cập.

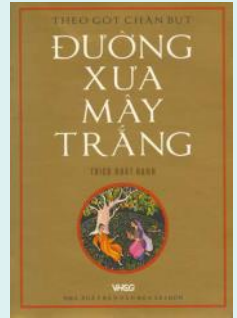
Cao quá cũng có hại mà thấp quá cũng mang lại rủi ro. Cho nên cứ "Trung Dung," cố gắng giữ huyết áp suýt soát 120/80 là tốt hơn cả.

Đó là điều mong ước của mọi người.

Nguyễn Ý-Đức, M.D.
(www.nguyenyduc.com)

CẢM NHẬN SAU KHI COI PHIM BUDDHA 54 TẬP

Tiểu Huyền



Từ hai ba tháng qua, hầu như ngày nào tôi cũng dành thì giờ ôn lại các bài học của Bụt Thích Ca trong tập phim Buddha, do nhà sản xuất Modi đưa lên mạng Youtube từ năm 2016. Khi được bạn bè giới thiệu cuốn phim này, tôi coi mấy đoạn đầu, rồi nhảy cách tới đoạn Buddha thành đạo (tập 34), và coi tiếp sau đó tập 41 tả cảnh Buddha về thành Ca Tỳ La Vệ thăm gia đình. Đoạn 41 này rất hay, đạo diễn và tài tử đều diễn tả được tình cảm của Buddha và bà vợ mà ông rất thương yêu trước khi đi tu.

Từ đó, cuốn phim có đủ yếu tố hấp dẫn khiến tôi phải coi lại toàn bộ, song song với việc đọc lại cuốn truyện *Đường Xưa Mây Trắng* (Lã Bối xuất bản lần đầu 1988), kể về cuộc đời và giáo pháp của đức Bốn Sư Buddha Sakyamuni.

Cuốn phim Buddha do nhà tỷ phú Modi người Ấn sản xuất, có thể nói đã bắt nguồn từ việc ông được đọc cuốn truyện *Đường Xưa Mây trắng* (ĐXMT) của Thiền sư Nhất Hạnh, vào đầu thiên kỷ 2000. Sau khi biết tác giả Thích Nhất Hạnh vẫn còn tại thế, ông Modi đã liên lạc với nhà xuất bản Parallax lấy địa chỉ và gửi một luật sư tới Làng Mai (miền Tây Nam nước Pháp) để thương thuyết về bản quyền. Thiền sư Nhất Hạnh từ chối không thảo luận những con số từ nửa triệu mỹ kim được đưa ra, nhưng tỏ ý muốn gặp người làm phim. Vì vậy ông Modi đã đến gặp ông thầy trong ba ngày, từ 27 tới 29 tháng 3, năm 2006. Sau cuộc gặp gỡ,

Thiền sư Nhất Hạnh tỏ ý muốn cúng dường chư Phật, không lấy tác quyền, chỉ đề nghị ông tặng một phần tiền thu lợi (1%) giúp cho các trẻ em đói khổ của xứ Ấn. Hiểu và cảm thông sâu xa được tâm nguyện này ông Modi rất cảm động, nên đã xin được góp thêm 1% nữa vào quỹ từ thiện cho trẻ em Việt Nam và các nước khác.

Phóng viên Tiểu Ký đã viết trong nhật báo Người Việt:

"Thiền sư Nhất Hạnh ký hợp đồng phim "Đường Xưa Mây Trắng" mà không lấy tiền bản quyền!"

"Nhiều người rất ngạc nhiên khi thấy báo chí loan tin về đại hội điện ảnh Cannes (Pháp quốc), ngày 23 tháng 5, 2006 có đăng hình thiền sư Nhất Hạnh và các vị đệ tử đứng tươi cười, chụp hình cùng ông Modi và phụ tá của ông. Tầng đoàn đã được mời tới Cannes trong buổi công bố việc ký kết hợp đồng cho phép làm phim về cuộc đời đức Phật dựa trên cuốn *Đường Xưa Mây Trắng* của Thiền sư Thích Nhất Hạnh. Cuốn phim sẽ do một nhà tư bản Ấn Độ, ông Bhupendra Kumar Modi bỏ vốn. Nhưng chưa có báo nào nói về hợp đồng lạ lùng giữa Thiền sư Nhất Hạnh và nhà đầu tư B.K Modi, vì tác giả không lấy tiền bản quyền.

Đây là một hợp đồng rất đặc biệt vì không những tác giả Nhất Hạnh không nhận tiền bản quyền như thông lệ, vị thầy tu già 81 tuổi chỉ đòi hỏi một điều kiện - có lẽ duy nhất trong lịch sử phim ảnh thế giới. Đó là: *Từ người bỏ vốn (ông B. IK. Modi), đến giám đốc sản xuất, người viết phim, phân cảnh, cho tới các tài tử, tất cả phải dự một khóa tu tập cùng thiền sư và tăng đoàn Làng Mai* (tại làng hay tại một tu viện của Làng Mai, ở Pháp, hoặc ở Hoa Kỳ (California, Vermont) hay ở Việt Nam, nếu tình cờ Thiền sư có mặt ở xứ nào đúng thời gian mà nhóm làm phim đã chọn xong người, muốn tới thực tập.

Riêng ông giám đốc sản xuất Michel Shane (từ Hollywood) và người viết phân cảnh (Script writer) từ cuốn *Đường Xưa Mây Trắng* sẽ phải tới Làng Mai ở hai tuần lễ để biên soạn và đưa tác giả duyệt lại chuyện phim, ngõ hầu diễn tả đúng với của ý của người viết cuốn sách. Michel Shane cho báo chí biết ông muốn



The same clouds that Buddha had seen were in the sky. Each serene step brought to life the old path and white clouds of the Buddha. The path of Buddha was beneath his very feet.

(Nhat Hanh)

làm cuốn phim thành thành một thiên "anh hùng ca vĩ đại." Thiền Sư Nhất Hạnh đề nghị nhóm người thực hiện cuốn phim sẽ sinh hoạt với tăng đoàn Làng Mai như một gia đình lớn, tập hạnh lắng nghe và dùng ái ngữ để thông đạt những ý kiến bất đồng nếu có. "Khi có thể hiểu nhau, thương nhau và chung sức làm phim, chúng ta mới có thể cống hiến cho thế hệ tương lai những tuệ giác của Bụt, Buddha."

Modi rất đồng ý với Thiền sư Nhất Hạnh. Ông cũng có ý làm một phim về cuộc đời đức Phật để nhân loại nhìn vào tấm gương Từ bi Trí tuệ của ngài mà giảm được các khổ đau, bớt chiến tranh, khủng bố.

Ông Modi tuyên bố với báo chí trong đại hội điện ảnh Cannes vừa qua: sau gần hai mươi năm chờ đợi tìm cốt chuyện hay về đức Phật, nay ông mới có thể thực hiện mộng ước của mình. Tuy theo Ấn Độ giáo nhưng ông Modi rất phục Bụt Thích Ca, là nhân vật có thật trong lịch sử, một đại sư vô cùng tôn kính của xứ Ấn. Ông đã từng được nhiều nhà Phật học danh tiếng đề nghị các văn bản viết về đời đức Phật theo truyền thống Nam tông có, Bắc tông có, nhưng cho tới nay, ông mới tìm được cuốn sách hay nhất, đó là cuốn *Đường Xưa Mây Trắng*.

Ông Modi cho biết là công việc làm phim về cả cuộc đời đức Phật, tóm gọn trong 2 giờ đồng hồ, là chuyện vô cùng khó khăn. Nhưng ông có quyết tâm muốn làm nên hy vọng sẽ ra phim mắt tại đại hội điện ảnh Cannes năm 2008!

Vì không đầy đủ nhân duyên và có thể vì khôngn đáp ứng được yêu cầu "tu tập" của thiền sư Nhất Hạnh, nên cuốn phim DXMT không được thực hiện như ông MoDi dự tính. Trong 54 tập phim mới sản xuất đây, ông Modi không làm phim theo câu chuyện *Đường Xưa Mây Trắng* nữa, mà ông đã kể chuyện cuộc đời Buddha theo thứ tự thời gian. Từ khi sinh ra tới lúc nhập diệt. Đồng thời ông đã đưa vào phim nhiều cảnh bạo động (như thái tử Tất Đạt Đa đánh nhau với Đề Bà Đạt Đa, các cảnh đâm chém trong chiến tranh, cùng nhiều cảnh trong các âm mưu của người em họ muốn ám hại Thái tử)...

Ông Modi đã dùng rất nhiều chi tiết trong cuốn sách cho vào phim, nhất cả các chương

sách tả diễn tả giấc mơ kỳ lạ và tâm tư của Thái tử Tất Đạt Đa, khi ngắm nhìn chiếc lá mà Giác Ngộ về toàn thể vũ trụ... chi tiết các trẻ em xin gọi Thái tử là Bụt (Bud - Buddha) khi chúng gặp được con người mới Giác Ngộ đạo Tỉnh thức, ngay trong buổi sáng ngài đắc đạo v.v... Chi tiết đức Phật sau ngày thành đạo, đã dạy chú bé chặn trâu và cô gái tặng sữa cho ngài về cách Ăn Quyết trong Chánh Niệm, là một chi tiết độc đáo của cuốn *Đường Xưa Mây Trắng*, do thiền sư Nhất Hạnh sáng tạo. Bài dạy Ăn Quyết một cách có ý thức đã được thiền sư viết trong cuốn *Phép Lạ của Sự Tỉnh Thức* (Lá Bối 1975), hiện nay lan truyền trong hầu hết các sách Tâm Lý học của Âu Mỹ, khi họ nói tới chuyện Sống Tỉnh Thức để chữa bệnh. Một số tác giả Tây phương biến đổi bài học Ăn Quyết này thành ra bài Học ăn trái nho khô, hay ăn cam, ăn táo v.v...

Chỉ tiếc cho ông Modi, nay làm bộ phim 54 tập cho TV Ấn Độ, ông đã không một lần nhắc tới cuốn sách DXMT hay tác giả Nhất Hạnh, khi nói về công trình do ông sản xuất. Cổ tình quen đi nguồn cảm hứng ban đầu và vẫn dùng rất nhiều chi tiết trong sách DXMT, ông Modi có lẽ sẽ "mang một món nợ" đối với tác giả. Nhưng chúng tôi nghĩ, thiền sư Nhất Hạnh khi biết chuyện này, cũng sẽ mỉm cười khuyên học trò, như khi xưa, họ "mách" thầy về những cuốn sách in lậu, không xin phép của nhiều nhà xuất bản vô danh, trong hai thập niên 1980 và 1990. "Đừng bận tâm những chuyện



đó con à, giáo pháp của Bụt được loan truyền rộng rãi là điều đáng vui mừng rồi."

Để đọc giả biết thêm về câu chuyện ĐXMT và chuyện ông Modi dự tính làm phim Buddha, chúng tôi xin đăng lại một đoạn mà báo chí quốc tế nói về ông năm 2006 như sau:

"Ông đã tổ chức nhiều hội luận khắp thế giới về Hòa Bình, Chân Lý, Tử Bi và Bất Hại. Modi được đức Đạt Lai Lạt Ma coi là một người bạn tốt của ngài. Dự án cuốn phim về đời đức Phật, theo cuốn Đường Xưa Mây Trắng đã được ngài ban phép lành, và ngài sẽ có mặt tại Hollywood vào ngày 11 tháng 9 năm nay (2006), khi cuốn phim về Đường Xưa Mây Trắng chính thức được khởi công.

Ông Modi tuyên bố với báo Hollywood Reporter: "Sau nhiều năm nuôi ý làm cuốn phim về Buddha, nay tôi mới có thể thực hiện mộng ước của mình. Tôi tìm được cuốn *Đường Xưa Mây Trắng* từ hai năm qua, cuốn sách này đã thay đổi đời tôi và nay tôi nghĩ, phải chia sẻ niềm hạnh phúc của tôi với cả thế giới." Được biết cuốn phim này sẽ nhắm vào lớp khán giả 15 đến 25 tuổi. Đây là lần đầu tiên ông bỏ vốn làm phim và ông đã sang ở Hollywood, lập một công ty, Buddha Films.

Thiền sư Nhất Hạnh nói với báo chí: "Bụt có thể không vui vì đã bị thần thoại hóa quá nhiều trong những thế kỷ qua. Cuốn phim này có thể giúp ngài trở lại hình ảnh một Con Người như chúng ta."

Đường Xưa Mây Trắng là cuốn sách kể chuyện đời đức Phật Thích Ca qua con mắt của chú bé chăn trâu Svasti, sau xuất gia, trở thành một vị đệ tử của Phật. Đó là chú bé cứng dờn có bồ đề cho sa môn Tất Đạt Đa tỉnh tọa suốt 49 ngày trước khi thành đạo. Nhiều độc giả Việt Nam cho rằng *Đường Xưa Mây Trắng* kể chuyện đời đức Phật mà hấp dẫn không thua gì truyện chường! Các độc giả quốc tế coi đó là cuốn sách rất hấp dẫn và có phẩm chất tâm linh khiến người ta phải đọc liền, trang này sang trang khác và thấy lòng chuyển hóa.

Xuất bản lần đầu tiên bằng Việt Ngữ năm 1988, sách *Đường Xưa Mây Trắng* tiếp tục thuộc vào loại sách bán chạy nhất tại Bắc Mỹ và các xứ Âu, Á khác, đã dịch ra 20 ngôn ngữ khác nhau. Tại Trung Quốc, nhà nước Cộng Sản đã cho phép in và tái bản nhiều lần cuốn sách này bằng Hoa ngữ, từ khi họ chính thức thỉnh mời thiền sư Nhất Hạnh qua giảng dạy cho các tăng ni từ năm 1997 và nhiều lần các năm sau đó, cho tới năm 2007, sau khi thiền sư lên tiếng bênh vực đức Đạt Lai Lạt Ma trong một buổi tiếp xúc với báo giới tại Rome (nước Ý).

Tờ báo chuyên điểm sách Library Journal viết: "Đó là cuốn sách tác giả viết bằng trái tim của mình, dùng các nguồn tài liệu quan trọng (bằng tiếng Phạn và tiếng Hán) về cuộc đời đức Phật. Văn phong mới mẻ, đầy chất thơ của ông có thể làm say mê các độc giả sơ cơ cũng như các Phật tử thuần thành..."



NỬA KHUYA THỨC GIÁC

Nửa khuya

Thức giấc giang hồ

Hiên ngoài trăng xế nghiêng bờ vó câu

Đêm vô thanh

Thoáng hương màu

Chợt nghe gõ nhịp cuộc dâu bể này.

Nghĩ mà thôi

Ước mộng gây

Vui buồn cho trót bước đày đoạ qua

Nghĩ mà thôi

Phận người ta

Nhục vinh như thế phù hoa chợ đời.

Con đường chật hẹp không mời

Mà sao đông đúc bóng người tới lui!

Một đêm sàn diễn này thôi

Biết mai sau nữa khóc cười thế nào!

Năm canh

Có mấy canh sâu,

Năm canh

Ai biết hương màu thời gian?

Năm canh

Có một canh tàn

Trả màu xuân cho rờ ràng lối xưa.

Ta còn xuôi ngược sớm trưa

Vẫn tin có một hương mùa phong quang

Và tin có một cung đàn

Ngày mai rêu rạc giữa ngàn bến xuân.

Hồn sương khói

Tiếng đêm ngân

Nửa khuya thức giấc nghe tàng biển xa

Tuông đời buổi chợ phù hoa

Nhân tình, Đạo nghĩa mới là còn nhau.

thơ

MẶC PHƯƠNG TỬ

(Chùa Kỳ Viên,

South Dakota tháng 4 2017)

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

ĐẠM KHO CHAY

Nguyên liệu

- Gia vị nấu bò kho.
- Đạm khô chay, thịt chay thì made in Taiwan
- Bò lát chay của công ty thực phẩm chay Âu Lạc. Có thể chọn loại nào cũng được.
- Đậu hũ chiên
- Nấm đông cô hoặc nấm king oyster cũng được
- Cà rốt
- Củ cải trắng
- Sả cây
- 1 muỗng cà phê vụn sả băm
- Boia rô thái nhuyễn
- Hột điều
- Soup chay có thể mua trong lon, hoặc nấu từ rau củ như su su, bắp cải, carrots, củ sắn, trái lê, apple... nấu khoảng 1 tiếng, lấy nước ngọt.
- Nước dừa lon Coco Rico



Ướp gia vị:

- 1 muỗng cà phê đường cát
 - 1 muỗng cà phê muối
 - 1 muỗng cà phê bột nêm nấm
 - 1/2 muỗng cà phê tiêu bột trắng
 - 1 muỗng canh nước tương
 - 1 muỗng canh dầu hào chay
- (Tùy theo khẩu vị gia đình mình mà ướp gia vị, bỏ từ từ, nếu nhạt thì bỏ thêm cho vừa ăn.)
Trộn đều cho gia vị thấm, để khoảng 15 -20 phút.

Thực hiện:

- * Đạm khô chay và nấm đông cô, ngâm nước ấm khoảng 15-20 phút thì nó mềm, sau đó rửa thật sạch với nước lạnh, vắt sơ cho ráo bớt nước, xong cho vào một cái tô lớn.
- * Đậu hũ chiên, mua một miếng đậu hũ đem về chiên và cắt lát hơi dày một chút (mua đậu hũ ngoài chợ bán sẵn cũng được), cắt xong bỏ chung vào tô đạm chay luôn.
- * Cà rốt và củ cải trắng thái miếng, cắt hơi to một chút.

- * Bắc chảo lên bếp, cho tí dầu vào, đợi nóng bỏ hột điều vào, vừa thấy hột điều ra màu là tắt lửa nhắc xuống liền, đừng để cháy, vớt bỏ hột.
- * Cho một muỗng canh dầu ăn vào chảo, đợi chảo nóng lên, cho 1 muỗng cà phê vụn sả băm cho nó thơm thơm, và cho tiếp vô một muỗng canh boia rô đảo đều cho thơm, khi boia rô và sả đã thơm rồi, thì tắt lửa, cho 2 muỗng cà phê gia vị nấu bò kho vào đảo đều lên, làm cách này nó vừa thơm và màu đẹp hơn là trực tiếp cho vào nồi. Nếu thấy dầu không đủ thì cho thêm tí dầu nữa vào, để ra màu cho đẹp.
- * Cho cà rốt và củ cải trắng vào xào, cho chút xíu muối, chút xíu đường cát, để cà rốt và củ cải thấm gia vị, chú không thôi miếng cà rốt, củ cải mình hơi nhạt.
- * Vặn lửa lớn lên xào cho cà rốt, củ cải thấm gia vị và hơi mềm mềm chút xíu, cho thịt chay, nấm, đậu hũ mình đã ướp gia vị vào, đảo đều lên cho tất cả thấm rút gia vị, xong cho soup chay và một lon coco rico vào, cho sả cây đập giập vào, cho gốc boia rô vào cho thơm. Nước sôi hớt bọt, nêm nêm lại cho vừa ăn. (Bò kho chay toàn là rau củ, cho nên không cần nấu lâu, rau củ chín là có thể ăn được rồi.)
- * Khi thấy tất cả đã hoàn tất thì đổ phần hỗn hợp dầu điều vào nồi rồi nhắc xuống.
- * Món bò kho có thể ăn kèm với bún, mì, hủ tít, phở và bánh mì. Nếu muốn ăn bánh mì thì các bạn hòa một chút bột năng với nước lạnh vô trong chén quậy đều rồi từ từ đổ vào nồi bò kho khuấy đều đến khi sệt lại theo ý thích.
- * Rau ăn kèm với món ngon này gồm có giá sống, rau húng quế, ngò gai và vắt thêm chanh thì tuyệt ngon.

Kim
(Ẩm Thực Chay)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.



Quỉ La Sát

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỀU

(trích Truyện Cổ Phật Giáo)

Xưa có một đoàn ca kịch vừa đi du lịch khắp nơi, vừa kiếm ăn bằng lối diễn tuồng. Trong các vở tuồng, đặc sắc nhất là vở tuồng “Quỉ La Sát” vừa rùng rợn lại vừa thích thú.

Chiều hôm nọ, đóng tuồng Quỉ La Sát hay quá rất được công chúng hoan nghênh. Đóng xong đoàn ca kịch thu xếp đồ đạc để qua tỉnh khác. Có kẻ vì quá yêu chuộng, nài cầu ở lại bằng cách dọa dẫm: “Các ông ở lại đây sáng rồi hãy đi. Bây giờ đã chiều mà phải đi qua một cánh rừng rậm, trong rừng nhiều Quỉ La Sát lắm, nhất là lỡ ra đêm xuống mà chưa ra khỏi rừng.” Mấy chàng kịch sĩ cười phì: “Chúng tôi đây vốn đã là Quỉ La Sát, còn sợ La

Sát nào nữa!” Thế rồi cả bọn đồng sửa soạn cất bước vượt rừng. Nhưng chưa ra khỏi rừng thì trời đã tối hẳn. Cả bọn đồng ý nghỉ lại trong rừng, mai sáng họ sẽ đi. Họ đi bẻ cành khô, hốt lá về đốt lửa lên, rồi trải tam những tấm màn phong để ngủ, cắt phiên ngồi canh lửa, rồi thì vì mệt mỏi đồng lần ra mê mết.

Nửa đêm độ vào canh một, sương xuống nhiều quá, trời lạnh chàng gác lửa run lấy bầy, bèn mở rương lấy tam một bộ đồ diễn kịch khoác vào người rồi ngồi gập gù bên đồng lửa hồng. Bộ đồ kia lại là bộ đồ Quỉ La Sát. Có tiếng chim kêu, một người nằm ngủ vụt thức, ngoái cổ

lên nhìn xem lửa còn cháy và người bạn canh lửa còn đó không. Nhưng kinh sợ biết bao! Người bạn canh lửa đâu chả thấy, chỉ thấy có một con Quỉ La Sát ngồi gập gù bên đồng lửa. Lông gáy dựng ngược, hoảng lên, anh chàng chồm dậy vừa chạy vừa la: “Quỉ La Sát! Quỉ La Sát!” Bọn người thức dậy mắt nhắm mắt mở, nghe kêu tưởng là có quỷ thực, cũng la lên và bỏ chạy theo người trước, không kịp suy nghĩ. Anh chàng gác lửa thiu thiu, nghe tiếng kêu tỉnh dậy, thấy bọn kia chạy hết thì cũng tưởng rằng có quỷ thực, bèn vội vàng mang cả bộ áo La Sát mà chạy theo. Bọn trước chạy được một khoảng khá xa ngoái lui trông thấy “hắn” theo sau, càng sợ, càng chạy; anh chàng gác lửa thấy bọn trước chạy vùn vụt như tên thì tưởng đâu quỷ đã kể sau lưng mình rồi, nên lại cố gắng đuổi. Bọn trước thấy “hắn” đuổi gấp, lại càng hoảng hốt cứ thế chạy cho đến mệt nhoài, đuối sức, trầy da chảy máu, cuối cùng hết hơi nằm lăn ra, đến khi biết rõ, tất cả đều bị thương, đau đớn khắp mình...

Con người vì thành kiến sai lạc, vì vô minh che lấp nên đua nhau chạy theo ảo tưởng trần gian và mua chuốc lấy bao nhiêu là đau đớn khổ nhục.



Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.



Y VĂN BẤT LIỄU NGHĨA

Thầy cùng đoàn hành hương thăm viếng một số di tích Phật giáo nam truyền ở mấy nước lân bang. Trên đường đi đến một ngôi chùa, thấy một thiếu phụ té. Thầy cúi xuống toan đỡ dậy, nào ngờ chị ta xua tay la lối, nhiều người địa phương cũng tỏ vẻ không hài lòng. Ngạc nhiên quá thầy nhờ người thông dịch hỏi tại sao. Anh ta hỏi và lặp lại lời của họ:

- Tu sĩ Phật giáo không được đụng người nữ, nếu đụng chạm sẽ mất hết giới hạnh.

Thầy nhìn cả đoàn cảm thán:

- Đây là điển hình y văn bất liễu nghĩa.

ĐẠI NGÔN

Được sự nâng đỡ của quan quyền thế tục, thầy danh văn ngày càng nổi tiếng trong thiên hạ, uy lực to như núi. Người ta đồn rằng: "Muốn lên hay xuống đều phải qua tay thầy ấy!" Đám đệ tử tăng bốc, dùng toàn sáo ngữ đại ngôn:

- Sư phụ là bậc đại tu hành,

đại ngộ thật xứng danh đại sư.

Có vị học giả trong một hội nghị cười ruồi bảo:

- Phổ Hiền, Quán Âm... chi xưng đại sĩ. Ông ấy nhận mình đại sư, xem ra còn cao hơn. Thật đúng là thời đại đại ngôn, đại ngữ e rằng sẽ chuốc đại họa!

HỮU HẠN VÀ VÔ HẠN

Sau khi triều đình hé mở cửa một chút, kinh tế bắt đầu khấm khá, nhiều người lập hăng làm ăn khấm khá nhưng xem ra những kẻ cơ hội nhiều quá. Công ty trách nhiệm hữu hạn mọc ra như nấm sau mưa. Thực chất chỉ là "mượn đầu heo nấu cháo," dùng bằng hiệu để lường gạt. Vì vậy nhiều công ty sáng tung bừng khai trương, chiều âm thầm đóng cửa, ốm tiền thiên hạ bỏ trốn. Có nhà báo dũng cảm viết rằng:

- Năng lực, vốn liếng, trách nhiệm thì hữu hạn mà lòng tham, tính lưu manh và liều lĩnh thì vô hạn.

BÁO CHÍ

Đầu xưa nay chuyên viết linh tinh đủ thứ chuyện: đánh ghen, giết chồng, chân dài, đại gia... chuyện ăn chơi tình, tiền, tù, tội... Một hôm lòng yêu nước thức dậy, Đầu lấy can đảm viết về những vấn đề dân tình, quốc sự. Mấy hôm sau Đầu bị mời đi họp. Có người lạ đến nói với Đầu rằng:

- Anh có hai con đang ăn học, mua nhà, xe trả góp... Đừng để chuyện báo chí nó làm bí cháo cơm của mình; hơn nữa bây giờ ra đường dễ bị tai nạn lắm!

Đầu về váng đầu hoa mắt nằm bẹp bỏ cả cháo cơm.

ĐẤU TRANH

Ngày còn chu du các xứ ngoại quan, bang chủ được các hồng giáo chủ chỉ giáo và truyền cho tính sắt đá máu lửa. Đặc biệt có tổ sư còn dạy: "Cái vốn không có nhưng cứ nói mãi nó sẽ thành có," hoặc "Có đề đầu cỡi cổ thì có đấu tranh"... Nhờ vậy bang chủ về kinh dễ dàng. Dưới trào bang chủ dân ta thần ngút trời xanh, không còn đường sống nữa nên dân lại đấu tranh. Bang chủ cười gằn:

- Đấu tranh thì trâu đánh sẽ tránh đầu?

Dân kéo đến phủ đường hò hét:

- Chúng tôi đâu tránh việc đấu tranh!

GỌI MÌNH BẰNG ANH

Vương về kinh, truy sát những kẻ liên can đến cựu trào, Đồ độc may mắn trốn thoát. Ẩn thân sống chung với những người thượng ở miền thượng du. Một đêm mưa có kẻ lẻn đến lán ngài nghị. Ngài khàng khái:

- Thiên hạ vốn của chung nào phải riêng của chủ ta, dân lầm than lắm rồi, binh đao chỉ thêm tổn hại chứ có ích gì!

Dân trong vùng biết chuyện nhưng giấu kín và hết lòng che chở ngài. Họ truyền cho con trẻ câu ca dao:

- Ai cho miếu lớn hơn đình

Bậu có chồng mặc bậu, bậu vẫn gọi mình bằng anh.

STEVEN N

Georgia, tháng 5/2017





ANH CHÀNG BỐN VỢ

Chàng kia vốn được nổi danh
 Một nhà bốn vợ đẹp xinh, diễm kiều.
 Vợ đầu: chàng rất thương yêu
 Vuốt ve âu yếm, nuông chiều mãi thôi
 Khi đi đứng, lúc nằm ngồi
 Cả khi làm lụng chẳng rời bước chân
 Lo ăn uống, sắm áo quần
 Hết lòng chăm sóc mười phần đẹp tươi
 Không to tiếng, chẳng nhiều lời,
 Chồng yêu vợ cả nhất nơi dương trần.
 Vợ hai: chàng cũng ân cần
 Ham mê quanh quẩn giữ gần một bên
 Kề nhau vui sướng vô biên
 Xa nhau lòng nặng ưu phiền nhớ thương.
 Vợ ba: chàng chẳng vấn vương
 Năm thì mười họa mới thường tìm nhau
 Tìm khi cơ cực, dãi dàu
 Tìm khi thiếu thốn khổ đau trường đời.
 Vợ tư: buồn tui phận người
 Quanh năm vất vả, tứ thời hẩm hiu
 Chàng sai phục dịch đủ điều
 Chẳng thêm ve vuốt thương yêu chút gì.
 *
 Thời gian thấm thoát trôi đi
 Anh chàng lâm bệnh nặng khi về già
 Biết mình cái chết khó qua
 Nên chàng chuẩn bị lìa xa cõi đời.
 Chồng mời vợ cả đến nơi
 Bên giường hấp hối nói lời thiết tha:
 "Ta yêu nàng nhất trong nhà
 Từ lâu nâng trứng hứng hoa nuông chiều
 Giờ mong nàng sẽ đi theo
 Trọn tình trọn nghĩa đủ điều trước sau!"
 Vợ nghe từ chối, lắc đầu
 Khiến chồng hờn tui lệ dàu lã dàu.
 Chồng bèn mời đến vợ hai
 Hết lời năn nỉ cũng hoài công thôi,
 Chồng bèn trách móc nặng lời:
 "Trước ta cần kiếm sống đời khó khăn
 Nhịn ăn tiêu khổ quanh năm
 Rước nàng chung sống, nhớ chẳng hồi nàng?"
 Vợ hai: "Tôi chẳng cần chàng
 Bởi chàng tham của mới mang đến tôi!"
 Chồng nghe ngao ngán tình người
 Vợ ba kêu tới xin mời đi theo,

Vợ ba quyến luyến ít nhiều
 Xót thương nhỏ lệ nói điều đớn đau:
 "Cùng chàng nghĩa nặng, ân sâu
 Nhưng tôi không thể mãi đâu theo chàng
 Tiễn nhau chỉ đến cuối làng
 Hai ta vĩnh biệt, đôi đường chia xa!"
 Chồng kêu vợ thứ tư ra
 Bảo nàng sửa soạn bỏ nhà đi theo
 Vợ thưa: "Chàng hắt hủi nhiều
 Dù tôi khôn khéo đủ điều trước sau
 Xa lìa cha mẹ từ lâu
 Theo chàng hầu hạ tôi đâu quản gì
 Vui buồn, sống chết sá chi
 Bên nhau mãi mãi xin đi theo chàng!"
 Bốn bà vợ, bốn cô nàng
 Mang làm thí dụ cho hàng chúng sinh.

*
 Vợ đầu như xác thân mình
 Chúng ta chau chuốt dáng hình mãi thôi
 Dù yêu vợ cả tuyệt vời
 Nhưng khi ta chết thân người chẳng theo
 Dưới lòng đất lạnh buồn hiu
 Xác thân nằm lại sớm chiều rã tan.

*
 Vợ hai như bạc như vàng
 Gia tài của cái ta hằng ấp ôm
 Được thì vui, mất lại buồn
 Ý thường ham muốn, lòng luôn kiếm tìm
 Xuôi tay, nhắm mắt, đứng tim
 Của kia bỏ lại cho miền nhân gian.

*
 Vợ ba xem tựa họ hàng,
 Vợ con, cha mẹ, xóm làng thân quen
 Ân tình chan chứa bao phen
 Sống thời thương mến, chết bèn khóc than
 Tiễn nhau chỉ tới nghĩa trang
 Nhớ nhau theo với thời gian nhạt nhòa.

*
 Vợ tư xem tựa tâm ta
 Nếu buông theo gót quỷ ma dẫn đầu
 Tham lam, sân hận dài lâu
 Si mê không dứt, Đạo mầu chẳng tin
 Ngày lìa dương thế muộn phiền
 Vợ như nghiệp chướng theo liền bên ta,
 Tâm như nhóp, ý gian tà
 Đọa vào đường ác ai mà thoát qua.

(thi hóa phỏng theo TRUYỆN CỔ PHẬT GIÁO)

TẠI SAO SỰ VIỆC XẢY ĐẾN CHO CHÚNG TA...

Nguyễn Thanh Khiết



Lâu rồi tôi có viết một bài để cùng trao đổi cùng các đạo hữu trong Cộng Đồng Phật Tử Miền Trung New Jersey, tình cờ nhân duyên tôi gặp lại người bà con và biết anh có viết bài cho báo, và khi đọc bài này anh khuyên tôi nên gởi cho báo nên tôi sửa lại một chút và gởi cho nguyệt san Chánh Pháp.

Bài viết bắt đầu từ email của một đạo hữu, gởi báo tin cho biết Mẹ Tim bị tai nạn kèm với các video clips mới về Mẹ Tim trên youtube. Ngoài các links trong email anh còn đặt câu hỏi:

Tại sao một người giàu lòng từ thiện, làm việc nhân đức cứu giúp bao người tàn tật, nghèo khổ như Tim mà bị tai nạn thảm thương như vậy trong khi cái lũ tham nhũng, gian ác, cướp đất dân lành làm của riêng, còn bọn sĩ phu, ích kỷ vẫn sống trơ trơ. Xin các bạn cho ý kiến ...

Nhớ lại, khi xảy ra trận sóng thần (tsunami) tại Thái Lan trên truyền hình Mỹ cũng đã có bao nhiêu cuộc trao đổi với các người đại diện tinh thần cho nhiều tôn giáo, giáo phái khác nhau để tìm câu trả lời "Tại sao?" và lại tái diễn với trận bão ở Miền Điện, động đất ở Trung Hoa... Vốn là một người tin theo những nguyên lý của đạo Phật, tôi mạo muội viết ra đây vài nhận định mà tôi tổng hợp được từ những bài giảng của các nhà nghiên cứu Phật học, hay các sư tối thu thập được qua Internet và tự học của mình.

Đạo Phật đang ngày càng phát triển và thu hút nhiều sự nghiên cứu ở các trường đại học lớn, các trung tâm nghiên cứu tại Mỹ, và người Mỹ có lẽ rất thích tranh luận, nên tôi thường tìm thấy những bài giảng dựa vào những diễn biến hiện đang xảy ra (current events) về các đề tài có rất nhiều tranh cãi (controversial) như về chiến tranh, xã hội tiêu thụ, môi trường, sự phá thai, tội tử hình, đồng tính luyến ái hay sự kết thúc sớm cuộc đời của bệnh nhân (cut off life-support) từ quan điểm của Đạo Phật theo các nhà nghiên cứu Phật học, và những gì tôi viết dưới đây chỉ là một sự sao chép của một người đang tìm học để giúp đi tìm trả lời cho những câu hỏi tương tự như của đạo hữu đã đặt ra ở trên.

Một trong ba chân lý (Tam pháp ấn) trong đạo Phật, được gọi là Pháp ấn vì nó rất quan

trọng, đó là "**Chư hành vô thường**" (sabbe sankhara anicca). Hành là tất cả những gì do nhân duyên hợp thành, vì vô thường là bản chất của hành cho nên từ các quan hệ trong đời sống tinh thần (quan hệ vợ chồng, bạn bè, con cái) cho đến thế giới vật chất của vũ trụ, thiên hà, trái đất, sông núi đến các đồ dùng trong nhà như xe hơi, tủ lạnh, máy chụp hình, TV... đều luôn luôn thay đổi, biến chuyển, tàn tạ, hư hao rồi trở thành vô dụng, hay bị hủy diệt. Cái này sinh, cái kia sinh, cái này diệt cái kia diệt – Cái này làm tiền đề cho cái kia trong một sự liên kết, phụ thuộc vào nhau để tồn tại (inter-dependency, inter-connected). Đó là một nguyên lý. Hệ quả rút ra là do sự vật là tổng hợp của "trùng trùng duyên khởi," vô cùng tận của bao nhiêu yếu tố kết thành, cho nên cũng chẳng bao giờ có chỉ một hay vài nguyên nhân để giải thích được cho một sự việc, hay sự việc xảy luôn luôn là kết quả của rất nhiều nguyên nhân, có những nguyên nhân thấy được và những nguyên nhân chưa hay không thấy được. Chúng ta đã biết bao nhiêu lần lầm lẫn về nguyên nhân. Ngay những phát hiện trong nghiên cứu khoa học, đã có cái này lại phủ định cái kia, đúng hôm nay trở thành sai ngày mai, bởi vì nhận thức được thế giới vẫn còn là câu đố cho loài người, nên việc giải thích thế giới cũng là như vậy. Biết vậy, nhưng chúng ta không ngừng cố gắng để tìm lời giải đáp cho câu hỏi, nhất là khi có những biến cố bất hạnh xảy ra.

Do đó trở lại câu hỏi ban đầu, để tránh đưa ra một câu trả lời quá tổng quát tôi cố gắng để tổng kết những góp nhặt với hiểu biết hạn hẹp về các kinh điển, chủ yếu là của Nguyên Thủy, là những bộ kinh sớm nhất của đạo Phật, để giải thích những gì xảy đến cho một con người. Tôi không thể và không nhằm mục đích giải thích cho trường hợp của Mẹ Tim nhưng chỉ muốn cung cấp một vài điều tìm thấy trong kinh điển để mỗi người trong chúng ta tự tìm hiểu và suy nghĩ thêm.

Biết rằng sự việc xảy ra là do trùng trùng duyên khởi, theo lý vô thường mà nhân duyên là cốt lõi của sự việc đến, đi, thành, bại, hợp, tan,... nhưng đối với con người nhất là những bất hạnh trong đời, chúng ta có thể đưa ra các nguyên nhân chính để giải thích tại sao sự việc

đã xảy ra. Theo đạo Phật, có năm nguyên nhân chính ảnh hưởng đến cuộc sống của mỗi một chúng ta.

Trước tiên, là do các hiện tượng tự nhiên trong vũ trụ. Đạo Phật không tin là Thượng Đế hay một đấng thần linh nào gây ra các thiên tai cho nên không nghĩ là các hiện tượng gây thiên tai là sự trừng phạt của Chúa hay do bất cứ một vị thần linh nào, và chắc chắn là không tin thiên tai là để trừng phạt con người vì tội ác của họ. Phật giáo không tin là con người sinh ra đã bị mang cái tội lỗi ban đầu (original sin) và các hiện tượng xảy ra trong thiên nhiên như sóng thần, động đất, bão lụt, núi lửa, ... là sự tự nhiên do sự vận động, biến đổi của trái đất theo các qui luật vật lý của thế giới vật chất, nếu chẳng may một trận động đất xảy ra thì bởi vì *thế giới là như vậy*, chẳng may ai đó là nạn nhân của một thiên tai thì chẳng phải là thiên tai nhằm vào họ.

Nguyên nhân thứ hai có thể là do các yếu tố sinh học mà chúng ta được cấu thành (biological makeup) mỗi một chúng ta sinh ra có một thể lực hay là "tạng" khác nhau, có thể do từ di truyền của nòi giống, gia đình. Có người may mắn được "bẩm thọ," nhưng cũng có khi chúng ta đã có sẵn các gen gây mầm bệnh trong người, ví dụ sinh ra với một gen ung thư trong người. Khoa học chứng minh có những nhiễm sắc thể (chromosomes) mà chúng ta đã có từ khi ra đời và chúng ta như đã được "chương trình hóa" (programmed) để phát triển cơ thể như đã được "lập trình." Hiểu được nguyên nhân thứ hai này chúng ta sẽ bình thản chấp nhận những gì chúng ta đã bẩm sinh trong DNA, với những hiểu biết đầy đủ về những khiếm khuyết hay giới hạn do yếu tố sinh học, chúng ta có thể cố gắng để thay đổi từ là người thụ động, cam chịu trở thành người tích cực và tìm cách khống chế những giới hạn. Ví dụ, ý thức rằng chúng ta sinh ra với di truyền của một căn bệnh hoặc như áp huyết hoặc cholesterol cao, nghĩa là cơ thể đã được "lập trình" như vậy, tuy nhiên, bằng hiểu biết chúng ta có thể không bị giới hạn trong "vòng lặp" (loop) của chương trình này mà thoát ra bằng sự thường xuyên vận động tập thể dục và một chế độ ăn uống phù hợp. Chúng ta đã thấy nhiều dân tộc đã tìm cách thay đổi sự lập trình này bằng những nỗ lực tích cực, ví dụ như dân Nhật không còn là "Nhật lùn" như đã bị "lập trình" là Nhật Lùn!

Nguyên nhân thứ ba là *nghiệp (karma)*, chúng ta vẫn thường nghe mỗi khi có tai họa hay bất hạnh xảy ra, mọi người thường cho đó là do nghiệp. Như tôi đã từng nghe một vị nào đó trên CNN giải thích các nạn nhân phải gánh chịu những đau khổ, mất mát gây ra bởi các thiên tai là do Nghiệp. Như chúng ta thấy, nghiệp chỉ là một yếu tố trong năm yếu tố được liệt kê ra đây. Không phải tất cả mọi việc đều là do nghiệp, hơn nữa nghiệp là một quan điểm cốt lõi của đạo Phật và được xem là một

trong những quan niệm bị hiểu lầm nhiều nhất trong giáo lý của đạo Phật, bị diễn dịch (mis-interpreted) không đúng trong nhiều trường hợp, như cho nghiệp là "định mệnh," và nó cũng không đơn giản chỉ là nhân quả. Tuy nhiên, trong phạm vi câu hỏi của anh Đính, thì chúng ta có thể xem nghiệp là nguyên nhân thứ ba, là *nhân* và *quả*, mà từ nhân ra quả cần phải có thời gian và *duyên*. Thời gian là bao lâu, vài tháng, vài năm, vài đời thì không ai biết. Phật giáo tin là với thời gian và đủ duyên thì quả sẽ thành và đó là điều chắc chắn. *Nghiệp* theo chữ Hán là những việc đã thành (như trong chữ sự nghiệp) - Những gì tốt đẹp hay bất hạnh chúng ta có hôm nay là một phần từ nghiệp do những gì chúng ta đã làm trong quá khứ, không ngẫu nhiên mà có (Nothing comes from nothing), quá trình không phải chỉ trong đời này mà có thể từ bao nhiêu "vô lượng kiếp" chúng ta đã trải qua. Những "ân oán" trả vay đó là sự vận hành của nghiệp (karma in action).

Hiểu được nguyên nhân thứ ba này chúng ta sẽ thấy là cho rằng "đời là bất công" (life is unfair) thì không hẳn như vậy. Bởi những gì chúng ta thấy chỉ là trong một kiếp người, nhưng nghiệp không giới hạn chỉ trong một kiếp người. Tìm hiểu về Nghiệp giúp chúng ta sống tự tại, thản nhiên chấp nhận những "oan trái" trong đời bởi nó không tự nhiên mà đến với chúng ta, và tích cực hơn là chuẩn bị cho một cuộc sống tốt đẹp hơn bằng cách tránh đi các nghiệp xấu theo con đường của Phật chỉ ra, hoặc ít nhất là giữ năm điều răn giới để không ra các mầm mống của nghiệp chướng cho mình trong tương lai (Năm giới là: hạn chế không sát sinh, không lấy những vật không được cho, không tà dâm, không nói dối và không lạm dụng các chất kích thích như rượu).

Nguyên nhân thứ tư cho những gì xảy đến trong cuộc đời chúng ta là tôn giáo hay những gì thuộc về tín ngưỡng mà ta chọn làm nguyên lý sống của chúng ta. Chúng ta đã thấy có bao nhiêu người đã cho mình "tử vì đạo" trong khi những người khác thì xem đó là hành động điên rồ. Nhiều đau khổ tự gây ra do niềm tin mù quáng - Đạo Phật nói đến chánh kiến (right view) để làm kim chỉ nam cho những suy nghĩ và hành động của người tin theo Đạo Phật. Chánh kiến nghĩa là cái nhìn có được qua sự tu tập để hiểu và ngộ được bản chất vô thường, vô ngã và qui luật nhân quả trong mọi sự việc. Cuồng tín, và tự cho tôn giáo mình là "chính thống," siêu việt hơn tất cả các giáo phái khác đó là phổ biến, cả trong đạo Phật cũng có người suy nghĩ như vậy, và rõ ràng người viết cũng đang thiên vị (bias), tuy nhiên chính lời Phật đã lưu ý với các tín đồ rằng đạo Phật là Đạo để thực nghiệm, không phải là lý thuyết, triết lý để luận bàn và không phải là một tín điều để tin tưởng mà không trên sự kiểm nghiệm của bản thân mình, và xét đoán nếu nó có lợi hay không cho mình và cho người, đời

này và đời sau, như lời trong **Tăng Chi Bộ Kinh**: “Đừng tin tưởng vào một điều bởi vì phong văn của nó. Đừng tin tưởng điều gì bởi dựa vào một tập quán lưu truyền. Đừng tin tưởng điều gì vì đã được nói đi nhắc lại. Nhiều lần Đừng tin tưởng điều gì dù đó chính là bút tích của thánh nhân. Đừng tin tưởng điều gì do thói quen từ lâu khiến ta công nhận đó là đúng. Đừng tin tưởng điều gì do ta tưởng tượng ra lại tưởng rằng một vị tối linh đã khai thị cho ta. Đừng tin tưởng bất cứ một điều gì chỉ dựa vào uy tín của các thầy dạy của mình. Nhưng chỉ tin tưởng những gì mà chính các người đã từng trải qua, kinh nghiệm, phân tích và tự suy nhận là đúng, nó có lợi cho mình và cho người khác. Chỉ khi đó, công nhận và hãy lấy đó làm chuẩn mực cho cuộc sống của mình.”



Ngoài bốn nguyên nhân, thiên nhiên, sinh học, nghiệp, tôn giáo thì theo đạo Phật, nguyên nhân thứ năm để giải thích cho những bất hạnh xảy đến cho chúng ta chính là cái *tâm* (mind) của chúng ta. Hạnh phúc hay bất hạnh xét cho cùng là một trạng thái của Tâm (state of the mind). Tâm là nguồn gốc của mọi việc xảy đến cho chúng ta, như Lục Tổ Huệ Năng đã nói “Tâm tạo liên tri, tâm tạo địa ngục.” Nếu bình tâm suy nghĩ lại thì tự chúng ta cũng thấy được bao nhiêu đau khổ đã xảy đến cho chúng ta cũng từ cái tâm “động” của ta mà ra. Theo tôi hiểu, đạo Phật cho rằng con người sinh ra vốn đã sẵn đầy đủ tất cả những gì để được hạnh phúc (cho dù Khổ là điều không tránh được), cái đầy đủ vốn “bẩm sinh” trong cái Phật tánh (tâm Phật) như đã nói trong lời kinh “*Hà kỳ Tự Tánh bốn tự cụ túc* - Nào ngờ Tự tánh vốn tự đầy đủ - Huệ Năng) - Con người không sinh ra với tội lỗi ban đầu nhưng có lẽ sinh ra với vô minh ban đầu và càng ngày, sự vô minh càng dày đặt hơn bởi sự tham lam, sân hận và chôn lấp Phật tánh trong nhịp sống tranh đua, so bì và không bao giờ dừng lại để tìm lại “bản lai diện mục” của chính mình.

Con người vốn đã có đầy đủ tình yêu thương trong Tâm, chỉ cần quét đi lớp bụi sân hận che lấp, con người vốn đầy đủ sự vị tha, độ lượng, chỉ cần quét đi lớp bụi tham lam, con người vốn sẵn có đầy đủ trí huệ để thấy chân lý, chỉ cần gạt bỏ đi bức màn vô minh.

Cho nên, nếu chúng ta theo con đường Phật đã chỉ ra (Bát chánh đạo - Eightfold Path) để quét sạch đi lớp bụi trần che lấp, làm lộ ra tâm Phật thì chắc chúng ta sẽ tránh được nhiều bất hạnh, đau khổ gây ra từ lớp bụi tham, sân,

si (Tâm bình thì thế giới thân nhiên - Tâm phàm thì ba món độc (Tham - Sân - Si) trối buộc... Tâm không thì nhất đạo thanh tịnh - Tâm hữu thì vạn cảnh tung hoành - Huệ Năng). Nếu chúng ta may mắn tránh được bốn nguyên nhân đầu tiên có thể gây ra những bất hạnh trong cuộc sống (được sống tại một nơi yên bình không bị thiên tai, may mắn có một thân thể khỏe mạnh không tật bệnh, lại thừa hưởng được một nghiệp tốt, và tìm được một niềm tin tôn giáo chân chính) mà vẫn có những đau khổ thì rất có thể tìm thấy nguyên nhân gây ra trong Tâm chúng ta. Đó là lý do chúng ta có chữ “khổ tâm.” Theo qui luật “sinh lão bệnh tử” thì chúng ta sẽ không tránh được cái khổ từ thân (già, bệnh)

nhưng đạo Phật có thể làm giảm hay tránh không có cái khổ về Tâm mà vốn có khi đau khổ nhiều hơn so với cái khổ của Thân.

Tóm lại, trên đây năm nguyên nhân mà chúng ta có thể nhìn vào để hy vọng có thể lý giải được cho những gì xảy ra. Câu hỏi của anh Đinh gây hứng thú cho tôi sao chép lên đây những điều nghe, đọc các bài giảng về đạo Phật để các đạo hữu cùng suy nghĩ. Tôi không nghĩ tôi có thể trả lời được câu hỏi đã đặt ra, nhưng chỉ mong nêu lên đây năm nguyên nhân để khởi điểm cho việc tìm câu trả lời cho những câu hỏi vì sao, ít nhất là cũng áp dụng cho những “lý giải” lên bản thân và cuộc sống của chính mình.

Hy vọng “ngộ” được các nguyên nhân này chúng ta sẽ tìm thấy sự an bình, tự tại và luôn có được “Thân Tâm An Lạc” trong mọi tình huống.

Chúng ta sẽ còn tiếp tục đi tìm câu trả lời cho mỗi một sự cố xảy ra cho mình, tuy nhiên, khi đi tìm câu trả lời và sự lý giải với một đầu óc đầy logic, nhị phân, dựa trên các tiêu chuẩn đúng sai đã hình thành “cứng nhắc” trong đầu trong quá trình giáo dục, qua các điều kiện trưởng thành. Xin đừng quên lời nhắc nhở của Thiền sư Mãn Giác đã nhắn gửi trong bài thơ, khuyên chúng ta nên thận trọng với các kết luận về cái đúng, cái sai, rút ra từ các logic của *cái tâm phân biệt*, qua hai câu kết của một bài thơ Xuân trước khi viên tịch:

“Mạc vì xuân tàn hoa lạc tận,
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.”
“Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua, sẵn trước một cành mai.”

Nguyễn Thanh Khiết - New Jersey

Sức mạnh của bóng tối

VÂN ANH WEMDLER

Có một con cá vàng bơi trong một bình nước, và bạn hỏi cá: bạn có biết bạn cần nước để sống không? Con cá trả lời rằng, nước là gì?

Nếu có thể nhìn thấy thế giới này bằng con mắt thật sự thanh thản trắng trong vốn dĩ thuộc về trẻ thơ của mình, thì có lẽ rất nhiều người sẽ phải giật mình thảng thốt khi nhìn thấy sự thật, vì họ đang chìm đắm trong màn sương mù ma thuật vây quanh mình và thế giới của mình.

Nhưng tất cả những gì xảy ra để xảy ra, đều có nguyên do của nó, cho sự hiện hữu và tồn tại, những bài học cho sự phát triển của con người. Bài viết này được sinh ra bởi tôi có cảm giác mình cần phải viết nó về những cái nhìn của tôi, cũng bởi những cái không cái có của vũ trụ này, thế gian này và với những người bạn thân yêu của tôi đã từng bên tôi qua mọi hành trình. Một ly trà cho những người bạn đã quen và chưa quen trên thực tế.

Bóng tối xuất hiện như thế nào?

Qua những lời nguyện, bùa chú và những phép thuật đen tối...

Nhưng chúng cũng xuất hiện trong đời sống thường ngày của bạn từ những thứ thông thường nhất.

Con người, đa số sống trong một môi trường mà họ bị phụ thuộc vào vật chất cũng như những phản ứng xung quanh mình. Một môi trường cho ta nhiều bài học, một xã hội tận dụng mọi sức mạnh để điều khiển và chiếm hữu con người. Qua mọi hình thức của cuộc sống từ tấm áo với những hình thù trên quần áo bạn đang mặc, chính trị, đài, báo, mạng xã hội, ... , thậm chí ngay cả thể chứng minh thư của bạn. Tất cả nhiều những thứ ấy được tạo ra ẩn chứa bóng tối và hiểm khích đợi thời cơ bước vào cơ thể bạn khi bạn lãng quên nó.

Bóng tối còn được sinh ra từ tham vọng cá nhân, hay tập thể, những ý định, dụng ý, vô tình cũng như cố tình, từ lời than thở không ngừng, lời phỉ báng, dèm pha, lời tùy tiện nguyền rủa nhau, lời tranh cãi xúc phạm cũng

như nhăm hạ thấp người khác, v.v... và v.v...

Ngay cả những người nói nhiều hàng giờ về đủ mọi thứ trên đời, hòng chỉ để lấp thời gian cũng tạo điều kiện cho bóng tối lớn mạnh. Tất cả những thứ ấy rút đi năng lượng sống và ánh sáng của bạn. Bạn hãy tránh xa những con người ấy khi họ như thế. Vì lúc đó những người

ấy đang biến bản thân thành những kẻ hút dòng máu năng lượng chảy trong bạn. Khi họ làm xong những việc ấy với bạn, họ sẽ thấy bản thân họ thật sung sức, vì đó là thức ăn của họ, nhưng bạn thì sẽ suy sụp tinh lực cũng như thể lực.

Cơ thể con người là món quà quý giá của thế gian này mà chỉ có con người mới có thể

có được nó. Nhưng khi tâm hồn bạn không ở trong nó từng khoảnh khắc hiện tại, mà cứ vẫn lơ lửng ở đâu đó, trong những suy tưởng về quá khứ hay tương lai, thì khi đó tiềm thức vắng mặt. Khi tiềm thức vắng mặt bạn không ở trong mình thì cũng có nghĩa là trong cơ thể bạn lúc đó sẽ có nhiều khoảng trống, và cũng theo đúng luật của vũ trụ này, khi ấy nhiều thứ sẽ muốn chiếm lĩnh khoảng trống ấy lấp đầy nó trong bạn và bóng tối là thường là thể lực mạnh mẽ và nhanh nhất chiếm đoạt những mảng trống ấy. Thế là trong bạn sẽ xảy ra những xung đột không thể tránh nổi, tiếp nhận và thậm chí đi theo bóng tối. Khi bạn sống trong một thế giới ảo tưởng thì những mảng tối sẽ có rất nhiều cơ hội lớn mạnh để điều khiển bạn.

Khi bạn chưa tỉnh thức, bóng tối có thể bước vào bạn rất dễ dàng ví dụ như khi bạn đi ăn ở nhà hàng nào đó, người đầu bếp có chuyện buồn bực ở nhà, khi nấu ăn ông văng những buồn bực ấy ra quanh mình và tất nhiên vào cả những món đồ ông nấu, và thế là khi ăn bạn đã ăn cả những năng lượng không tốt lành của ông đầu bếp nọ. Khi về nhà bạn ngạc nhiên thấy mình đau bụng, hay trong người thật khó chịu, cáu giận vô cớ...

Hay bạn bước vào khu mua bán với ý định mua 5 món đồ, nhưng khi bạn đi ra thì bạn đã mua đến 15 thứ đồ. Đó là do ảnh hưởng của



bên ngoài, một bàn tay vô hình được tạo dựng qua mảnh khóc cũng như lòng tham của con người điều khiển bạn.

Hãy bạn hay tiên đoán cho mình những thất bại, ví dụ như bạn đã thất bại nhiều lần nên khi thực hành việc gì đó, chỉ cần những ám hiệu đầu tiên tương tự như những lần thất bại trước xuất hiện là bạn đã có thể tiên đoán cho mình một thất bại chính thức, mặc dù sự việc chưa ngã ngũ. Để đi đến thất bại thực sự và đón nhận nó biến nó thành bài học cho bản thân mình ta cần có một nghị lực lớn. Không phải ai cũng có lòng can đảm chiến đấu đến phút cuối cùng, vì giữa thắng và thua nhiều khi được quyết định trong tích tắc cuối cùng mà thôi, có phải thế không các bạn?

Con người tự tạo dựng cho bản thân mình và cho nhau thật nhiều những đám mây mù, và đa số lạc đường trong những đám mây mù ấy. Nó không khác nhiều lắm với những hành động trồng rau độc hại cho người và rau sạch cho mình. Nuôi thịt độc hại cho người và thịt sạch cho mình. Điều gì chúng ta nói ra, nghĩ đến hay phán xét đều có thể ứng vào chính bản thân mình đầu tiên.

Bạn cần bảo vệ mình khi muốn thoát ra khỏi sương mù của bóng tối ma thuật. Hãy nhận ra đám sương mù đang vây quanh bạn, quay trở lại với bản thân mình, sống thành thật, công bằng và chân chính với chính mình. Và rất quan trọng là điều gì bạn không muốn nó xảy ra với mình thì cũng đừng nên gây ra cho người khác. Rộng lượng, vị tha đồng thời nghiêm khắc với bản thân. Hãy đến với tiềm thức của bản thân để là mình trong từng khoảnh khắc, đừng cho bóng tối có thêm cơ hội chiếm lĩnh lấy bản thân mình nữa. Bạn có nghĩ vậy không?

30.03.2017

Van Anh Wemdlar

The Story of Culasari

Dhammapada, Verses 244 and 245

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (244) and (245) of this book, with reference to a Bhikkhu named Culasari, who practised medicine.

One day, Culasari came back after ministering to a patient. On his way he met Thera Sariputta and related to him how he went to treat a patient and had been given some delicious food for his services. He also begged Thera Sariputta to accept some of the food from him. Thera Sariputta did not say anything to him, but continued on his way. Thera Sariputta refused to accept food from that Bhikkhu because that Bhikkhu had transgressed the law prohibiting Bhikkhus from practising medicine. Other Bhikkhus reported about this to the Buddha and he said to them, "Bhikkhus! A Bhikkhu who is shameless is coarse in thought, word and deed. He is arrogant like a crow, he would find a living by unlawful means and live in comfort. On the other hand, life for a Bhikkhu, who has a sense of shame is not easy."

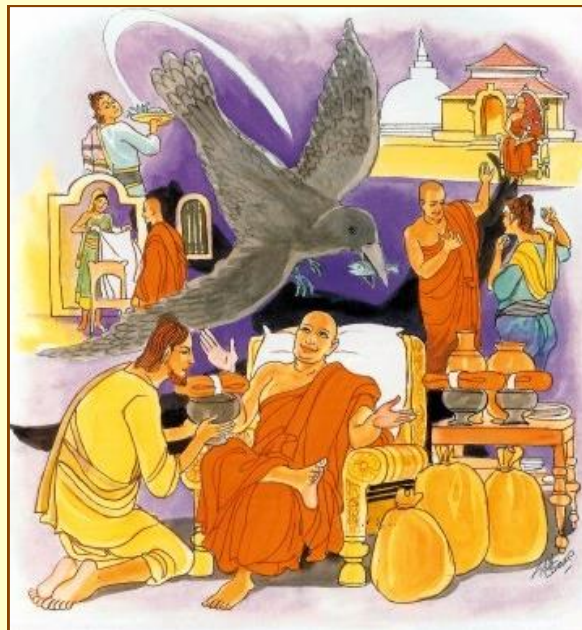
Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 244: Life is easy for one who is shameless and bold as a crow, who slanders others and is pretentious, aggressive and corrupt.

Verse 245: Life is hard for one with a sense of shame, who always seeks purity, who is free from attachment, who is modest and who lives by proper livelihood.

At the end of the discourse many people attained Sotapatti Fruition.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.



2 NHÀ XUẤT BẢN PHẬT HỌC VỚI NHIỀU SÁCH GIÁ TRỊ VỀ TU HỌC, LỊCH SỬ

Việt Báo

Trong khi kinh doanh của các tiệm sách và ngành xuất bản suy yếu dần trong thời đại Internet, hai nhà xuất bản Phật học đang vững vàng tạo uy tín với các tác phẩm giá trị, được tin cậy trên nhiều phương diện –

Các tác phẩm mới ấn hành của hai nhà xuất bản Liên Phật Hội và Ananda Viet Foundation là những dòng chữ viết lên từ các suy nghĩ cần trọng về cuộc đời, từ các nghiên cứu sâu rộng về Phật học, và cả biên khảo chính xác về lịch sử.

Như tuyển tập **“Từ Mảnh Đất Tâm”** dày 342 trang của Huỳnh Kim Quang, tác giả họ Huỳnh cũng là một giảng sư rất uyên bác nhưng cũng rất mực khiêm tốn, đã tóm lược về tuyển tập này do Liên Phật Hội ấn hành, trích:

“Tập sách này gồm các bài viết về Phật Giáo từ nhiều năm qua, đã được đăng rải rác trên các báo và trang mạng toàn cầu.

Những suy tư chứa đựng trong các bài viết khởi sinh từ mảnh đất tâm, giống như cỏ cây hoa lá mọc lên từ lòng đất.

Mọi thứ trên đời này đều từ tâm sinh và rồi cũng từ tâm diệt. Không có pháp nào chẳng phải là tâm. Con người nhận biết thế giới và mọi sự mọi vật thông qua sự tiếp xúc của sáu căn [mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý], sáu trần [hình sắc, âm thanh, mùi, vị, xúc chạm, và pháp], nhưng không thể thiếu sáu thức [nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, và ý thức]. Không có sáu thức thì cho dù sáu căn có đối diện với sáu trần cũng chỉ như là cái xác

chết nằm yên chẳng hay biết gì. Tất nhiên, sáu thức mới chỉ là bề ngoài chứ chưa phải tầng thức (thuộc bát thức) sâu nhiệm bên trong, nơi căn thân của mọi pháp. Nơi đó, cái mà chúng ta gọi là pháp chỉ là ảnh hiện hay tướng sở tri của thức A-lại-da, nghĩa là cũng chỉ là thức bên.

Những gì khởi sinh Từ Mảnh Đất Tâm chỉ là suy tư, nhận thức và trải nghiệm của một người con Phật có được phước duyên đời này gặp Phật Pháp và thọ nhận ân đức giáo dưỡng của Cha Mẹ, Thầy, Tổ, thiện hữu tri thức và pháp giới chúng sinh.

Nếu có chút lợi lạc nào Từ Mảnh Đất Tâm này, xin hồi hướng cho tất cả mười phương chúng sinh đều trọn thành Phật Đạo.” (ngưng trích)

Nhà văn Huỳnh Kim Quang có pháp danh là Tâm Huy. Bút hiệu khác: Y Thu Am Sinh năm Đinh Dậu, 1957, thôn Vĩnh Phú, xã Hòa Thắng, quận Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam. Quy y với Đại Lão Hòa Thượng Thích Vĩnh Lưu, Phương Trưởng Tổ đình Sắc Tứ Kim Cang, Tuy Hòa, Phú Yên. Tham dự lớp Cao Cấp Chuyên Khoa Phật Học tại Tu Viện Quảng Hương Già Lam, Sài Gòn, 1980-1984. Vượt biên qua Mã Lai Á năm 1986. Định cư tại Hoa Kỳ cuối năm 1987. Hiện làm báo tại miền Nam California, Hoa Kỳ. Cộng tác với các báo Chân Nguyên, Phật Giáo Hải Ngoại, Phương Trời Cao Rộng, Việt Báo, Chánh Pháp. Có bài đăng trên các trang mạng toàn cầu, như Pháp Vân, Thư Viện Hoa Sen, Quảng Đức, Hoa Vô Ưu, Rộng Mở Tâm Hồn, Việt Báo, v.v... Các tác phẩm và dịch phẩm đã xuất bản: - Đức Đạo Kinh của Lão Tử, dịch, California, Hoa Kỳ, 1994 - Những Mộng Đàm Về Phật Giáo Thiền Tông, dịch, California, Hoa Kỳ, 1996 - Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sơ Khảo, trong Ban Chủ Trướng, California, Hoa Kỳ, 2010.

Trong khi đó, tuyển tập **“Như Thị Ngã Văn”** dày 190 trang, do Ananda Viet Foundation ấn hành, của nhà văn Trí Tánh Đỗ Hữu Tài khi trình bày về Phật Giáo Việt Nam đã mang nhiều suy tư mang tính lịch sử và xã hội hơn.

Tác giả trong lời giới thiệu **“Như thị Ngã Văn”** đã nói nơi đâu sách, trích:

“...khi mượn của ngài Anan cụm từ đó để đặt tên cho cuốn sách nhỏ này, người viết xin



thú nhận rằng phần "chân thực" may ra chỉ nằm trong tấm lòng người viết, còn dù đã cố gắng thì tính xác thực của sự kiện và tính đúng đắn của lý luận, khi đã "lập văn tự", chắc chắn chỉ là tương đối. Rất tương đối.

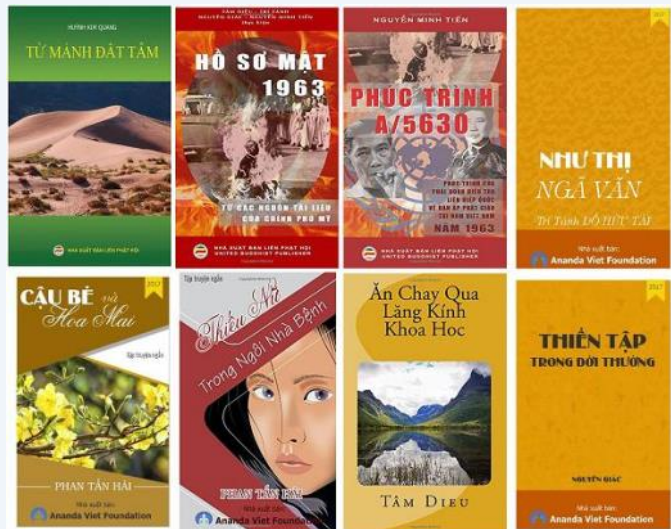
2. Tại nước ta, Phật giáo đồng hành cùng dân tộc. Đó là chân lý lịch sử bất di bất dịch. Đó là truyền thống văn hóa không thể đổi thay. Phật giáo và Dân tộc đã quần quít chuyên trao mầu thịt và trí tuệ cho nhau, chia sẻ vinh quang và tủi nhục với nhau. Nhưng trên cuộc trường chinh hơn hai ngàn năm đó, không phải lúc nào đạo Phật cũng sống đôi với dân tộc mà có nhiều lúc lùi thối bước gập ghềnh đi theo từ xa. Đó là những lúc Tăng đoàn mất thanh tịnh và không hòa hợp, đó là những lúc Phật tử lìa chánh pháp và làm bạn với ma quân. Nhưng dù ngay cả có lúc như vậy, thì suốt những chặng đường lịch sử, Phật giáo và Dân tộc lúc nào cũng như bóng và hình. Sáng lên chiều xuống chấp chùng, dù có lúc bóng dang ra xa nhưng lúc nào cũng quần quít dưới chân hình. Những suy tư của người viết là nỗ lực nhỏ nhoi đóng góp cho hành trang bóng-hình đó.

3. Là một Phật tử Việt Nam sống tại Mỹ, người viết chịu rất nhiều giới hạn khi chọn tình hình Phật giáo Việt Nam để chiêm nghiệm và trang trải những suy nghĩ của mình. Giới hạn về không thời gian, về những thông tin khả tín về hiện thực Phật giáo Việt Nam tại quê nhà, và nhất là giới hạn do sự cách biệt về tập quán tư duy được hình thành trong quá trình người viết tương tác với nền văn hóa bản địa ở ngoài quê hương. Nhưng có một điều chắc chắn là không có giới hạn về tình cảm gắn bó với quê hương và đạo pháp. Ngược lại là khác. Cho nên cũng chính vì là một Phật tử Việt Nam xa quê hương gần trọn nửa trái cầu, nên mới thao thức nhiều hơn về tương lai của Phật giáo Việt Nam, vốn là cái nôi đã cùng với văn hóa dân tộc đong đưa nuôi dưỡng người viết từ thuở ấu thơ theo anh đến chùa...." (ngưng trích)

Trong khi đó, 2 ấn phẩm mới của Liên Phật Hội thuần túy là lịch sử khách quan:

-- **"Hồ Sơ Mật 1963 - Từ Các Nguồn Tài Liệu Của Chính Phủ Mỹ"** -- thực hiện bởi: Tâm Diệu, Trí Tánh, Nguyễn Giác và Nguyễn Minh Tiến.

Tập sách này hầu hết gồm nhiều bản văn được chuyển dịch và trình bày kèm theo nguyên tác Anh ngữ, là các tài liệu trước đây vốn thuộc loại hồ sơ mật hoặc tối mật, nghĩa là chỉ dành riêng cho những người có trách nhiệm mà hoàn toàn không được phổ biến đến công chúng. Phần lớn các tài liệu đó là của chính phủ Mỹ, như các Công điện, Bản Ghi nhớ, Điện tín, Phúc trình... Tài liệu có nguồn từ Bộ Ngoại Giao Mỹ được lấy từ FRUS; ngoài ra còn có các tài liệu từ Tòa Bạch Ốc (Hội đồng An Ninh Quốc Gia NSA), Bộ Quốc Phòng (Pentagon Papers), CIA (tại Sài Gòn và tại Langley), và từ Thượng Viện (Select Committee to Study Governmental Operations).



Bìa 8 sách mới của 2 nhà xuất bản Liên Phật Hội và Ananda Viet Foundation.

-- **"Phúc Trình A/5630 Của Phái Đoàn Điều Tra LHQ Về Đàn Áp Phật Giáo Tại Miền Nam VN Vào Năm 1963."** -- tác giả là Nguyễn Minh Tiến.

Phúc trình mang số hiệu A/5630 là Báo cáo của Phái đoàn Điều tra Liên Hiệp Quốc tại Nam Việt Nam (Report of the United Nations Fact-Finding Mission to South Viet-Nam) được soạn thảo bằng tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha, là kết quả của một cuộc điều tra khách quan do Liên Hiệp Quốc tiến hành thông qua việc chỉ định các đại diện từ 7 quốc gia thành viên cùng một số nhân viên chuyên môn để hỗ trợ hoạt động điều tra. Phái đoàn điều tra này đã đến Nam Việt Nam ngày 24-10-1963 và đến sáng ngày 1-11 thì họ dự kiến sẽ hoàn tất công việc vào cuối ngày 3-11.

Tuy nhiên, bạn chỉ ưa thích văn học Phật giáo lãng mạn?

Hai tuyển tập truyện ngắn do Ananda Viet Foundation ấn hành:

-- **Cậu Bé Và Hoa Mai;**

-- **Thiếu Nữ Trong Ngôi Nhà Bệnh**

của nhà văn Phan Tấn Hải viết với bút pháp như thực, như mộng... nơi đó, những mối tình hiện ra như mơ, và những môi trường rất sương khói, đôi khi lồng trong hoàn cảnh sân chùa thời đất nước gian nan... và khi các ước vọng hiện đời cho sự nghiệp giác ngộ hốt nhiên bị gián đoạn vì một tiếng cười giai nhân...

Ananda Viet Foundation cũng vừa xuất bản tác phẩm **Ăn Chay Qua Lăng Kính Khoa Học**, dày 140 trang, trong đó tác giả Tâm Diệu sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, mạch lạc, với các chứng minh khoa học từ các cuộc nghiên cứu y tế Hoa Kỳ đã cho thấy rằng ăn chay thích hợp sẽ ngừa được nhiều bệnh, và cũng chữa trị được một số bệnh thường gặp ở Hoa Kỳ.

Tác phẩm gồm 16 bài viết chiếu rọi nhiều phương diện về chủ đề ăn chay, cho thấy ăn

chay là nền tảng sức khỏe, vì ăn thịt sẽ gây ra rất nhiều bệnh.

Nhưng không chỉ tự chữa các bệnh như mập phì, ngừa tim mạch, và ung thư, ăn chay còn giúp làm sạch môi trường địa cầu... và đặc biệt, với Phật tử, ăn chay còn vì lòng từ bi.

Gần nhất là tuyển tập **"Thiền Tập Trong Đời Thường"** dày 288 trang của Nguyên Giác, cũng do Ananda Viet Foundation ấn hành.

Thiền Tập Trong Đời Thường là cuốn sách cho tất cả những người muôn tập Thiền trong đời thường, giải thích và trích dẫn nhiều cuộc nghiên cứu về lợi ích thiền tập. Sách ghi lại nhiều phương pháp thiền tập để giúp độc giả giảm căng thẳng, giúp trẻ em tập trung trong việc học, và giúp phụ nữ giữ gìn nhan sắc đẹp nhất trong mức có thể.

Thêm nữa, sách này cho thấy ba mẹ có thể dạy cách tăng khả năng học đối với con em bệnh tự kỷ hay chậm trí...

Liên Phật Hội và Ananda Viet Foundation là 2 tổ chức bất vụ lợi, và do vậy tất cả các ấn phẩm là một phần trong các hoạt động hộ trì chánh pháp của 2 hội này.

Độc giả có thể tìm mua bằng cách vào Amazon, gõ nhan đề sách không cần dấu:

- *Từ Mảnh Đất Tâm* (vào amazon.com, gõ chữ "tu manh dat tam").

- *Như Thị Ngã Văn* (gõ: nhu thi nga van)

- *Hồ sơ mật 1963* (gõ: ho so mat 1963)

- *Phúc Trình A/5630* (gõ: phuc trinh a)

- *Ăn chay qua lăng kính khoa học* (gõ: an chay qua lang kinh khoa hoc)

- *Cậu bé và hoa mai* (gõ: cau be va hoa mai)

- *Thiếu nữ trong ngôi nhà bệnh* (gõ: thieu nu trong ngoi nha benh)

- *Thiền tập trong đời thường* (gõ: thien tap trong doi thuong).

Độc giả trong Việt nam không mua trực tiếp được, nhưng có thể vào:

<https://thuvienhoasen.org/a27591/qioi-thieu-hai-cuon-sach-tai-lieu-moi> xem hướng dẫn nơi cuối bài về cách mua qua văn phòng dịch vụ ở các thành phố lớn ở VN.



THÁNG NĂM HOA VÀNG NỞ

Tháng năm nở rộ hoa vàng
Mùa hạ sang
Cả đất trời vàng rực rỡ
Từng đàn chim trắng bay về
Mừng ngày lễ mẹ
Mẹ hôm qua, mẹ hôm nay, mẹ của muôn đời
Bao công lao không thể tả bằng lời
Ngón ngời nào nói được trời cao biển rộng
Tình mẹ mệnh mông
Tháng năm mùa hạ vàng
Trời đất thanh thang
Những đứa con ở chân trời xa nhớ mẹ
Vất vả chốn quê nhà
Thương lắm mẹ cha
Làm con không tròn chữ hiếu
Một kiếp người uống biết bao nhiêu
Miền phương ngoại những chiều mây trắng
Nhớ mẹ nên lòng thêm trống vắng
Tháng năm rực rỡ rộ hoa vàng
Dòng tử-sanh bất tận
Mùa nối tiếp mùa hết cũ lại thanh tân
Hoa hôm nay hạt giống của ngày mai
Dù thế nào đời sống này vẫn còn mãi mãi
Giữ lại trong tim một chút tình hoài
Trời phương ngoại
Bốn mùa một nỗi nhớ
Cõi nhân gian trắc trở lối đi về
Đời lắm lúc bộn bề duyên nợ
Buông xuống thôi, ngồi nghe hoa nở chim ca
Tháng năm vàng hoa rực rỡ khắp sơn hà
Năm từng năm chợt thấy điều mới lạ...

EM VỀ PHỐ HẠ

Em về phố hạ rong chơi
Thướt tha áo lụa mắt ngời sắc son
Mười lăm năm mộng chứa tròn
Người trong lữ thứ vẫn còn ngân ngơ

Từ em kết hạt bồ đề
Lòng hoan hỷ giữa đôi bờ sắc-không
Mặc cho mắt biếc má hồng
Em an lạc trú ở trong đất trời

Phi phong xin tạ ơn đời
Mười lăm năm cũ ra người hôm nay
Vô thường chẳng ngại đắm say
Bởi chung cũng một niệm này mà ra

Ấy là phố thị phù hoa
Hay là một cõi giang hà biếc xanh
Này em vui lúc về thành
Hạ nghiêng nghiêng sót một nhánh thiên hương

Mình không chung một con đường
Mà tâm lắng đọng như dòng ban sơ
Trăm năm chẳng có đợi chờ
Nhớ nhau già bộ hững hờ thế thôi

Hạ vàng phố vắng mây trôi
Dáng ngà bước nhỏ giữa đời thiết tha
Vàng hoa dưới gót son qua...

thơ

DU TÂM LÃNG TỬ

Georgia, tháng 5/2017



CHÙA BÁT NHÃ TRANG NGHIÊM TỔ CHỨC ĐẠI LỄ PHẬT ĐÀN

Bình Sa

Santa Ana -- Lúc 5 giờ chiều Thứ Tư ngày 10 tháng 5 năm 2017 (nhằm ngày Rằm tháng Tư âm lịch) Chùa Bát Nhã tọa lạc tại 4717 W. First, Santa Ana, CA 92703 do Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (HĐĐH-GHPGVNTN/HK) Viện Chủ Chùa Bát Nhã (Đây cũng là Trụ Sở Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK) đã long trọng tổ chức Đại Lễ Phật Đàn PL. 2561-DL.2017. Tham dự buổi lễ khoảng 150 Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni và hàng trăm đồng hương Phật tử, Chư Tôn Giáo Phẩm chứng minh có: HT. Thích Chơn Thành, Phó Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới, viện chủ chùa Liên Hoa; HT. Thích Phước Thuận, Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/HK; Viện chủ Chùa Trí Phước, HT Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều hành GHPGVNTN/HK; Viện chủ Chùa Bát Nhã, HT. Thích Minh Tuyên, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ HĐĐH/GHPGVNTN/HK, Viện Chủ Tổ Đình Minh Đăng Quang, HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký HĐĐH/GHPGVNTN/HK Viện Chủ Chùa Phật Đà và Tu Viện Pháp Vương; HT. Thích Thiện Long, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tài Chánh GHPGVNTN/HK, Viện Chủ Chùa Phật Tổ Long Beach, HT. Thích Minh Dung, Phụ Tá Chánh Thư Ký Hội Đồng Giáo Phẩm, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa HĐĐH/ GHPGVNTN/HK, Viện Chủ Chùa Quang Thiện và Tu Viện Sơn Tùng, HT. Thích Minh Mẫn, Viện Chủ Trung Tâm Phật Giáo Chùa Huệ Quang, HT.Thích Giác Sĩ, Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Hoằng Pháp GHPGVNTN/HK, Viện Chủ Tịnh Xá Giác Ly; HT. Thích Huệ Minh, HT. Thích Minh Trí, HT. Thích Huệ Nghiêm... cùng các chư tôn đức Tăng, Ni đến từ các chùa và Tự Viện Nam California.

Về phía dân cử có Thị Trưởng Thành Phố Westminster ông Tạ Đức Trí, Phó Thị Trưởng Thành Phố Garden Grove ông Phát Bùi và phu nhân, (ông cũng là Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Nam California; Anh Lý Vĩnh Phong, Phụ Tá Dân Biểu Liên Bang Lowenthal. Quan khách có: Ông Phan Kỳ Nhơn, Chủ Tịch Liên Ủy Ban Chống Cộng Sản và Tay Sai, ông Du Miên, Tổng Thư Ký Hội Đền Thờ Đức Thánh Trần và phu nhân, ông Nguyễn Văn Tánh, Trưởng Ban Điều Hợp ngày Diễn Hành Văn Hóa

Quốc Tế đến từ New York, Nhà Biên Khảo Phạm Trần Anh, Anh Ngô Thiên Đức, đại diện các đoàn thể trẻ cùng một số đại diện Cộng Đồng, các hội đoàn, đoàn thể, các cơ quan truyền thông, truyền hình, báo chí.

Điều hợp chương trình Đại Đức Thích Quảng Văn. Sau phần nghi thức chào quốc kỳ Việt-Mỹ, Phật Giáo Kỳ, phút nhập Từ Bi Quán. Tiếp theo, Đại Đức Thích Huệ Cảnh, thay mặt ban tổ chức đại lễ Phật Đàn lên ngỏ lời chào mừng và cảm ơn Chư tôn Giáo Phẩm, chư tôn đức Tăng Ni đã quang lâm chứng minh tham dự buổi lễ, cảm ơn quý vị quan khách cùng đồng hương Phật tử hiện diện.

Đại Đức cho biết: "Sự ứng hiện của Thái Tử Tất Đạt Đa tại vườn Lâm Tỳ Nỳ dưới dãy núi Hy Lạp hùng vĩ của xứ Ấn Độ cổ, là một sự kiện hết sức quan trọng đối với nhân loại nói chung và Phật Giáo đồ nổi riêng."

Tiếp tục chương trình, Ban tổ chức mời Hòa Thượng Thích Thiên Long, Trưởng Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đàn PL. 2561 - 2017 lên trao tặng bằng tri ân đến ông Tạ Đức Trí, Thị trưởng Thành phố Westminster, để tỏ lòng cảm ơn ông thị trưởng đã giúp cho giáo hội trong những sinh hoạt Phật sự tại địa phương, nhất là việc tổ chức Đại Lễ Phật Đàn vừa qua tại Mile Square Regional Park, Fountain Valley.

Sau đó Hòa Thượng Thích Minh Dung, Phụ tá Chánh Thư Ký Hội đồng giáo phẩm GHPGVNTN/HK, lên tuyên đọc Thông Bạch Phật Đàn PL. 2561-2017 của hòa thượng chánh văn phòng Hội Đồng Giáo Phẩm Sa Môn Thích Thắng Hoan.

Trong Thông Bạch Phật Đàn có đoạn: "... Trong nhiều năm qua, hàng trăm khóa tu học thường xuyên do các trung tâm, tự viện của Phật giáo tổ chức đã góp phần không nhỏ trong cuộc sống an lành của cộng đồng Việt và người bản xứ. Sự tu tập này là hương hoa cao quý nhất, chúng con xin dâng lên cúng dường Đức Phật trong ngày Đàn Sanh. Chúng con cũng thệ nguyện rằng, mỗi tự thân người đệ tử, nguyện là đuốc, là nước, là hương hoa của pháp Phật để tưới lên vùng đất Bắc Mỹ này. Do vậy, tổ chức lễ Phật Đàn, chỉ hình thức trang lệ không thôi, chưa đủ, cần phải làm rực sáng tâm thức Phật qua đời sống hàng ngày của người đệ tử..."

Trong mùa Phật Đàn, xin hướng tâm về

quê hương nguyện cầu cho dân tộc. Người đói được no, người bệnh được thuốc, người nghèo được việc, không ai hà hiếp ai. Non sông và lãnh hải gấm vóc Việt Nam là của con dân Việt từ bao đời, xin được che chở bởi hồn thiêng sông núi tổ tiên...”

Trong lúc này Anh Lý Vĩnh Phong, đại diện ông Alan Lowenthal, dân biểu liên bang Hoa Kỳ, lên phát biểu và trao tặng bằng Tưởng Lễ cho Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, ghi nhận những đóng góp giá trị vào những sinh hoạt cộng đồng trong thời gian qua của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ.

Tiếp theo Đạo Từ của HT. Thích Chơn Thành, trong lời Đạo Từ HT. đã cho biết, Đức Phật đã để lại cho chúng ta một kho tàng vô giá trong đó có khoa học, tâm lý học, phân tâm học mà ngày nay đã áp dụng trong hành tinh này.

Sau đó lời cảm tạ của Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Viện Chủ Chùa Bát Nhã, HT. chân thành cảm tạ Chư Tôn Giáo Phẩm, chư tôn đức Tăng Ni cùng đồng hương Phật tử tham dự. HT. cho biết: “trong các ngày lễ lớn lúc nào chùa cũng tổ chức đúng ngày, đặc biệt lễ Phật Đản năm nay cũng rơi vào ngày thường, mọi người bận rộn đi làm việc thế mà đã dành thời gian về đây tham dự đông đảo như thế này thật là một niềm khích lệ lớn lao cho Ban tổ chức chúng tôi.”

HT. tiếp: “Đại lễ Phật Đản (Vesak) là Lễ Hội Văn Hóa của Phật giáo đã được Đại Hội

Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc công nhận là Lễ Hội Văn Hóa Tôn Giáo của Thế Giới, là ngày đại lễ kỷ niệm Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đản sinh. Thể Hiện lòng tôn kính của người đệ tử Phật dâng lên đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni, lòng tri ơn.

Mục đích ra đời của đức Phật là để ban vui cứu khổ, Vì vậy người con Phật luôn luôn nhớ đến công đức cao dày của Ngài. Hòa Thượng cũng nhấn mạnh đạo Phật là đạo từ bi, hòa bình cho nên ngày càng được đón nhận rộng rãi trên khắp thế giới, trong đó nơi nào có người Việt cư ngụ thì nơi đó có Phật Giáo Việt Nam. HT. kêu gọi giới trẻ tham dự vào những sinh hoạt Phật sự, nhất là học các lớp Việt Ngữ.”

HT. tiếp, “trong mùa Phật Đản, xin hướng tâm về quê hương nguyện cầu cho dân tộc. Sớm thoát cảnh cai trị của nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam, nguyện cầu cho quê hương sớm có tự do, dân chủ, nhân quyền được tôn trọng, lãnh thổ, lãnh hải được vẹn toàn.”

Nghi thức Khánh Đản bắt đầu với phần chủ lễ của HT. Thích Chơn Thành, HT. Thích Phước Thuận và Chư Tôn Đức Trong Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK cùng lên lễ đài để niệm hương và cùng tụng tạng kinh Khánh Đản.

Sau nghi thức là lễ Tắm Phật, sau lễ tắm Phật, ban tổ chức cung thỉnh chư tôn đức vào trai đường để thọ trai, đồng hương Phật tử dùng bữa cơm chay do Đạo tràng Bát Nhã khoản đãi.



**HÌNH ẢNH ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL. 2561 TẠI CHÙA BÁT NHÃ
THÀNH PHỐ SANTA ANA, CALIFORNIA, HOA KỲ
NGÀY 10.5.2017 (RẼM THÁNG 4 ÂM LỊCH)**



Photos by Dzung Nguyễn

**HÌNH ẢNH ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL. 2561 TẠI CHÙA BÁT NHÃ
THÀNH PHỐ SANTA ANA, CALIFORNIA, HOA KỲ
NGÀY 10.5.2017 (RẼM THÁNG 4 ÂM LỊCH)**



Photos by Dzũng Nguyễn

[TRỞ VỀ MỤC LỤC](#)

Phương trời cao rộng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương mười lăm

(kỳ 2 - tiếp theo và hết)

Suốt buổi sáng hôm ấy, chúng tôi lại cố gắng thử một lần nữa, theo chú Cung đi xuống bến phà xem có tàu lớn nào cập bến không. Nhưng vô vọng. Một cái bến không tàu. Cả những chiếc ghe nhỏ cũng không thấy. Nhưng người xuống bến, đi quanh, đứng chờ, vẫn đồng nghị. Thảm!

Chúng tôi quay về lại chùa Tĩnh hội. Không biết làm gì nữa. Chẳng biết đi đâu nữa. Buổi trưa ăn xong, chúng tôi ra đứng bên tường rào của chùa Tĩnh hội, nhìn thiên hạ vội vàng qua lại. Chưa thấy dấu hiệu gì là trật tự sẽ được văn hồi. Rối loạn hơn thì có. Nhưng số lượng người qua lại trên đường đã có vẻ thưa hơn. Người ta biết không còn hy vọng gì rời khỏi thành phố kinh hoàng này nữa. Chỉ còn những chiếc xe của các toán tàn quân thỉnh thoảng phóng vụt qua. Thành phố ba triệu người bây giờ đang ngoắc ngoải chờ đợi một thể lực hay một đẳng linh thiêng nào đó cứu vớt, hoặc chờ đợi một thảm kịch mà không ai đoán trước được mức kinh hồn của nó. Ai, thế lực nào có thể giải cứu thành phố này? Người ta chờ đợi, người ta lắng nghe. Chỉ thấy cướp bóc, phá hoại và vài tiếng súng nổ lẻ tẻ thị uy đâu đó trên đường phố. Nhà nào nhà nấy đóng cửa im ỉm. Tưởng chừng khung cảnh địa ngục cũng không thể lương áo nào đến như vậy.

Bỗng có tin loan đi rất nhanh rằng quân cộng sản đã kéo đến ven ngoại ô thành phố. Trong khi đó, lại có lời kêu gọi đâu đó, trên đường và trên đài phát thanh, yêu cầu hai bên tham chiến hãy bỏ súng xuống để mưu cầu hòa bình thực sự cho đất nước. Lời kêu gọi nghe rất thiết tha, cảm động và có tác dụng rõ rệt. Phải, mấy ngày sống trong kinh hoàng rồi cuối cùng

chỉ còn là tuyệt vọng, người ta muốn chấm dứt ngay tình trạng hỗn loạn vô chánh phủ của thành phố trên ba triệu người này. Cướp bóc, hãm hiếp, giết người trắng trợn giữa ban ngày thì còn gì khác hơn để mong đợi ngoài sự buông súng hoàn toàn của hai phe lâm chiến để toàn dân vui hưởng thái bình! Thế rồi người ta buông súng. Nhưng buông ở đâu, không lý thả ngoài đường cho kẻ khác lại cầm lên để tiếp tục bắn giết nhau? Cho nên người ta mang đến các nơi thờ tự tôn giáo, chùa, nhà thờ, thánh thất v.v... Nghĩ rằng những nơi thờ tự ấy sẽ chan rưới thương yêu cho mọi người, khiến cho mọi thù hận nếu có nảy ra thì cũng bị trấn áp hay dịu đi. Người ta có thể hăng máu chạy đến kho vũ khí hay một đồn lính để lấy súng chiến đấu chứ không ai chạy đến chùa và nhà thờ để lấy súng bắn nhau cả. Ban đầu họ bỏ súng trước cổng, sau đó lại mang hẳn vào trong sân. Ở chùa Tĩnh hội có khoảng sân rất rộng. Người ta tháo súng, gỡ đạn rồi đem vào chắt thành đồng, các quân nhân vào chùa buông súng xong, cởi áo lính, chỉ mặc áo may-ô hay sơ mi trắng mà bước ra. Tôi đứng nhìn cảnh buông súng của "hai bên," sung sướng ứa nước mắt. Thằng bé thiếu cận như tôi, lâu nay ở chùa có phân biệt được ai là lính cộng hòa, ai là lính cộng sản đâu. Súng nào cũng là súng, lính nào cũng là lính. Cán bộ xây dựng nông thôn hay nhân dân tự vệ mặc đồ bà ba đen không khác gì anh chiến binh và cán bộ cộng sản trong trí óc tôi cả. Và những người lính ấy, ai vào chùa cũng cởi áo trận, vứt mũ nón, thảy súng ống xuống đất rồi quay ra, làm sao tôi khỏi tin rằng "hai phe lâm chiến" cùng bỏ súng xuống vì hòa bình cho toàn dân! Không ngờ "ước mơ hòa bình" của mình, của nhiều triệu người khác trên đất nước khốn khổ này, nay đã thành sự thật. Ôi, cái sự thật đã diễn ra trước mắt, dễ dàng, đơn giản như vậy chỉ sau những lời kêu gọi ôn hòa, tình cảm trên đài phát

thanh. Mắt tôi cay từng giọt lệ nóng, tin tưởng vào tương lai tươi đẹp của đất nước. Tôi quay qua hỏi chú Cung cho chắc, vì chú ấy lớn tuổi hẳn phải biết nhiều:

“Hai bên cùng bỏ súng xuống, phải không chú? Vậy là có hòa bình rồi hả?”

Chú Cung nhìn vào đồng súng đạn, nhìn những chú lính đi vào đi ra một lúc, rồi nói với giọng nghi ngại:

“Hình như không phải vậy.”

Và đúng là không phải vậy. Chỉ có một bên buông súng. Không phải hai phe lâm chiến cùng bỏ súng. Khoảng bốn giờ chiều, đoàn quân cộng sản lái chiến xa lù lù vào thành phố. Trên chiến xa cắm một ngọn cờ nửa đỏ nửa xanh với ngôi sao vàng ở giữa. Người ta gọi đó là cờ của quân giải phóng. Một số đồng bào có liên hệ với mấy anh cộng sản năm vùng đã có sẵn cờ giải phóng, “hồ hởi” đưa lên phất phất đón chào. Đa phần quần chúng còn lại thì đứng nhìn với đôi mắt lạc thần, sững sốt. Tôi cũng sững sốt nhìn những chiến binh cộng sản đi ngang chùa với những bộ mặt lạnh lùng pha chút kiêu hãnh. Tôi ngơ ngẩn quay vào phòng, ngồi lặng một mình, hoang mang, buồn bã. Tự dưng tôi linh cảm rằng, nước tôi không thể có hòa bình theo cách đó.



Thành phố Đà Nẵng cũng bị chiếm, chúng tôi không còn lý do gì để nấn ná tại chùa Tỉnh hội nữa, bèn kéo nhau trở về Phật học viện Quảng Nam. Lúc ấy, các xe đồ đều bị trưng dụng cho bộ đội, cán bộ cộng sản để họ về quê hay đi công tác chi đó, thường dân không sao có xe mà đi được. Chúng tôi cũng đón xe mãi không có, nên rủ nhau đi bộ từ Đà Nẵng vào Hội An. Hơn ba mươi cây số. Nhóm Nha Trang chia thành hai, ba tốp từ đây, vì các chú lớn không thích đi với bọn chậm chạp và thích giữ kỷ luật như chúng tôi. Tôi, Sáng, Cửu, Sướng, Hòa và Hưng cùng đi với nhau. Cứ đi mấy cây số, thấy có chùa dọc đường thì vào nghỉ, xin nước uống rồi lại đi tiếp. Trên đường đi, nhiều xác chết nằm lằn lóc bên vệ đường, ruồi nhặng bu đầy. Chúng tôi nhắm mắt, niệm Phật mà bước. Đi từ sáng đến chiều tối thì cũng về được tới viện.

Đầu chừng tuần sau thì Phú Yên, Nha Trang cũng bị cộng sản chiếm nốt. Vậy là các chú Nha Trang lại rủ nhau lên đường, đi bộ từ Hội An vào Nha Trang. Đoạn đường dài khoảng từ bốn đến năm trăm cây số thì phải. Các chú gom tiền mua thức ăn đầy đủ lắm. Tất cả mười hai chú, hai chú đã lên tàu lớn trước khi cộng sản vào Đà Nẵng, còn lại mười chú. Nhưng tôi ở lại không về nên Sáng cũng ở lại theo. Vậy đoàn lữ hành về Nha Trang chỉ còn tám chú, chia làm hai nhóm, theo sự hướng dẫn của dân địa phương, đi đường tắt ra quốc lộ số 1 rồi nhắm hướng nam mà đi thẳng. Tôi và Sáng chỉ viết thư về thăm thầy và gia đình.

Nửa tháng sau, tôi nhận được thư của thầy



tôi, của thầy Thông Chánh và cả thư của gia đình tôi gửi ra, cho biết các chú đi bộ vào Nha Trang đã đến nơi bình an. Các chú vừa đi bộ vừa xin quả giang xe, phải hơn tuần lễ mới vượt hết đoạn đường dài trên bốn trăm cây số. Còn thầy Phước Châu cũng đã về tới Nha Trang sau khi tấp vào Sài Gòn. Hai chú Dương và Lãm lên tàu lớn vào được Sài Gòn, rồi đi ngược ra Nha Trang để rồi lại chịu thêm một màn hỗn loạn tại thành phố này.

Bây giờ chỉ còn Sài Gòn và vài tỉnh phụ cận thủ đô là chưa bị chiếm. Nhưng tuần sau, trên đài phát thanh Sài Gòn, chúng tôi nghe bài nói chuyện cuối cùng của Tổng Thống Thiệu trước khi rời bỏ quê hương. Sau đó, lại nghe lời hứa hẹn đem tấm thân tàn quyết chiến đấu cùng anh em quân dân đến giọt máu cuối cùng của dân Tổng thống Trần Văn Hương. Rồi sau đó nữa, lại nghe lời kêu gọi buông súng đầu hàng vô điều kiện của tân Tổng thống khác: Dương Văn Minh. Những sự kiện dồn dập kéo đến có vẻ bất thường và bất ngờ, nhưng thực ra, người ta cũng đoán trước được phần nào là nó phải như thế, và rồi nó sẽ dẫn đến kết quả ra sao. Không có quân địch với sức tiến công thần tốc vũ bão đánh đâu thắng đó khiến cho hàng ngũ quốc gia bại trận... Chỉ có sự hoảng loạn, rút chạy, đầu hàng trước của một chính phủ và quân đội rã ngũ, khiến cho đất nước rơi tọt vào tay người cộng sản một cách dễ dàng. Một số đơn vị quân đội Cộng hòa bị quân cộng sản bao vây, đã anh dũng chiến đấu đến người cuối cùng. Trong thế cùng, dĩ nhiên họ chết không phải để bảo vệ chính quyền quốc gia; cũng không hy vọng là chết để bảo vệ được đồng bào miền Nam. Họ chỉ chết cho danh dự và trách nhiệm chưa tròn của họ mà thôi. Cái chết của họ rửa được phần nào cái nhục của một quân đội tháo chạy và đầu hàng từ sự quyết định ban đầu của các nhà lãnh đạo quốc gia.

Đài phát thanh Sài Gòn đổi giọng, không còn là tiếng nói của người quốc gia, mà là tiếng nói của một chính phủ lâm thời do người cộng sản sắp đặt, điều động. Sài Gòn đã mất. Cuộc chiến Nam-Bắc vì mâu thuẫn ý thức hệ, tạm thời coi như đã chấm dứt. Nhưng có người nói, có lẽ từ đây, cuộc chiến của toàn dân hai miền Nam-Bắc đối với chủ nghĩa cộng sản mới bắt đầu.

Thượng tọa giám viện nói sẽ thông báo cho học tăng chúng tôi biết ngày tựu trường khi tình thế ổn định. Vậy mà khi người cộng sản chiếm hết miền Nam, lập chính phủ mới, Thượng tọa đã không hề nghĩ đến chuyện tái khai giảng Phật học viện. Các Phật học viện khác cũng như tất cả các trường trung tiểu học Bồ Đề trực thuộc hệ thống giáo dục của giáo hội trên toàn quốc cũng vậy: cộng sản vào thì phải ngưng hoạt động hết. Cơ sở trường Bồ Đề khắp nơi đều bị biến trở thành trường của nhà nước. Nhìn thực tế trước mắt đó thì biết là tình thế có ổn định hay chưa.

Các giáo sư ở trường Bồ Đề theo chỉ thị của các cán bộ giáo dục thuộc chính quyền mới, dẫn học sinh đi mít-tinh cùng các trường khác, hoan hô quân đội giải phóng và chính phủ lâm thời. Thầy Viêm chủ nhiệm lớp tôi, vì là sĩ quan quân đội Cộng hòa nên khỏi phải đi mít-tinh hoan hô ai, nhưng lại đi học tập cải tạo. Cũng thế, thư của mẹ tôi từ Nha Trang cho biết ba tôi cũng đi học tập cải tạo như vậy. Tôi không hiểu nổi mấy chữ "*học tập cải tạo*" đó nhưng cũng đoán được phần nào nhờ hai chữ "*học tập*." Chắc là ba tôi, thầy Viêm, và nhiều người khác làm việc cho chế độ cũ, đã được đi tu nghiệp thêm để có thể phục vụ đất nước qua sự hợp tác làm việc cho nhà nước mới. Thôi vậy cũng tạm yên tâm, học tập chứ có phải đi tù đầy hay đi xử bắn gì đâu mà lo! Riêng phần tôi cũng như nhiều bạn bè học tăng khác, tự dưng không còn nghĩ đến chuyện cắp sách đi học văn hóa ở ngoài nữa. Điều thật lạ! Chẳng ai bảo ai, chẳng ai ngăn cản ai, mà cũng chẳng ai khích lệ ai, cùng chấp nhận chấm dứt việc đến trường, bất kể con đường học văn dở dang của mình. Thầy tôi, thầy Thông Chánh, gia đình tôi, ban giám đốc Phật học viện Quảng Nam, cũng chẳng ai màng đến chuyện tôi có đến trường hay không. Dường như cộng sản nắm chính quyền rồi thì chuyện đi học không còn cần thiết nữa, hoặc chỉ cần thiết ngang mức tiểu học thôi, nên ai đã ở bậc trung học rồi thì khỏi phải bận tâm tới trường nữa. Hầu như cả nước phải lẫn xả vào công việc lao động chân tay và xưng tụng cái vinh quang của lao động bằng những khẩu hiệu to lớn giăng đầy những nơi công cộng.

Ở Phật học viện Quảng Nam, ban giám đốc chỉ còn Thượng tọa giám viện, thầy giám sự và thầy Như Chấn (từ Sài Gòn mới về); số lượng học tăng còn lại chừng tám người, kể cả tôi và Sáng. Chú Tửu cũng không về lại Huế mà xin ở lại đây, bái Thượng tọa giám viện làm thầy y-chi. Ngoài ra, còn có hai chú tiểu nhỏ mới tu được vài tháng trước khi cộng sản vào. Sáng và hai chú tiểu nhỏ đó được cắt làm những việc nhẹ trong chùa (bây giờ không gọi là viện nữa, vì viện đã giải tán). Còn lại bao nhiêu người trong chùa đều kéo nhau đi làm ruộng, làm vườn mỗi ngày. Chúng tôi làm việc từ sáng đến tối.

Công việc ruộng vườn đòi hỏi nhiều thì giờ.



Tôi chẳng còn rảnh để đọc sách hay cầm tới cây bút để nguyệt ngoạc bầy bạ chút thơ văn gì nữa. Nhưng có thể nói, giai đoạn làm việc cực nhọc đêm ngày ấy là giai đoạn nỗ lực nhất từ trước đến nay của tôi trong việc tu tập. Từng nhát cuốc đưa xuống, từng bước chân gánh nước, từng phút từng giây, từng cử động nhỏ, từng ý niệm khởi lên, tôi đều quán sát tường tận với một tâm tư tinh thức. Chưa bao giờ tôi thấy tâm mình tĩnh lặng, trong vắt như vậy. Và cái tâm trong vắt như pha lê ấy ảnh hiện về cao rộng thênh thang của một vùng trời biển biêng biếc. Không phải biển trời Nha Trang. Không phải biển trời Đại Lãnh. Không phải biển trời Lăng Cô. Không phải biển trời Non Nước... Nó, phương trời cao rộng ấy, ở ngay trong chính tôi một cách lặng lẽ, hiển nhiên như chưa từng sinh - diệt, còn - mất.

Hai tháng sau, Sáng bỏ về Nha Trang. Vậy, nhóm Nha Trang còn lại duy nhất mình tôi. Hai tháng sau nữa, chú Phương từ Nha Trang viết thư ra nhờ tôi xin phép Thượng tọa giám viện cho chú ấy trở lại viện vừa lao động, vừa tu tập như tôi vậy. Tôi thưa với Thượng tọa, Thượng tọa đồng ý ngay, nhưng dặn tôi cảnh cáo trước với chú Phương là nơi đây làm việc cực nhọc quanh năm suốt tháng, ăn uống chẳng hơn gì ngày xưa. Nhận được hồi âm của tôi, chú Phương khấn gó từ Nha Trang trở lại Hội An, tham gia vào đội quân "*nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực*" (ngày nào không làm việc, ngày đó không ăn – chủ trương của thiền sư Bách Trượng ở Trung Hoa).

Theo lời chú Phương kể, tôi biết viện Hải Đức gần hai trăm học tăng nay chỉ còn khoảng trên hai chục vị. Các chú Dũng, Kính, Thông, Thòa, Xuân và tất cả những chú tiểu trước đây ở Hải Đức, đều đã hoàn tục. Chưa hết, viện Linh Sơn trăm chú tiểu nay chỉ còn một phần ba. Và mười hai chú Nha Trang đi Hội An học trước đây, cũng chỉ còn bốn người: chú Hòa, chú Quỳnh, chú Phương và tôi. Tám chú kia đều đã hoàn tục. Chú Thiệt làm cán bộ phường khóm gì đó tại Phú Yên. Chú Sướng lấy vợ, làm nông. Chú Tánh làm cán bộ ban y tế xã. Chú Khôi và chú Cửu đi buôn. Thành "mười ố" lang thang đâu không biết. Hưng và Dương thuộc gia đình liệt sĩ, hoàn tục được nhà nước nuôi ăn học. Và chú Sáng, ông Phật con học giỏi, hạnh kiểm tốt, thường lim dim niệm Phật trước đám đông, hoặc khi có người chọc ghẹo, lại đi làm một anh công an huyện.

Tôi nghe tin chú Phương kể lại mà bàng hoàng. Thật là điều không thể tưởng!

Tôi buồn bã bước đi lang thang một mình trong nghĩa địa. Ở giữa nghĩa địa có con đường trải sỏi rộng năm thước, dài gần cây số, dẫn đến khu dân cư gần trường học Trần Quý Cáp. Trước đây, khi Phật học viện còn sinh hoạt, học tăng chúng tôi thường dạo chơi trên con đường này trong giờ phóng tham. Giờ này một mình rảo bước trên con đường ấy, tôi ngậm ngùi nhớ đến những khuôn mặt thơ ngây trong sáng của từng chú tiểu, từng người bạn. Tôi nhớ cả hành vi nghịch ngợm, phá phách của các chú. Tôi nhớ thành tích mười ỏ của chú Thành nơi quán bánh mì bà Việt và "tình sử" chú Sâm nơi quán bánh mì bà Đạo. Nhớ chúng A Nan lằng xằng bắt rắn cạp nong. Nhớ chú Đồng chui xuống giường để nhường chỗ cho tôi trong giờ niệm Phật. Nhớ chú Quân là chú tiểu duy nhất chịu đứng ra làm "*cảnh sát giao thông*," thổi tu-huyết đưa học tăng qua đường mỗi ngày đi học. Nhớ chúng Ca Diếp với nỗi chề lén lút nửa đêm để lấp những cái bụng đói. Nhớ các chú Khôi, Hòa, Sâm, Hưng quần mền lên chánh điện tụng kinh vào thời công phu khuya vì trời quá lạnh. Nhớ chú Cửu treo võng tuốt trên ngọn cây ô-ma để ngủ trưa cho mát và khỏi bị ai quấy rầy. Nhớ chú Sáng bị dính vạt áo dài vào dây sên, lom khom như con khỉ kẹt đuôi... Rồi từ hình ảnh chú Sáng, tôi lại nhớ về Phật học viện Hải Đức Nha Trang với chú Dũng rôm có cánh tay và bàn tay dài như vượn, ngồi đầu gối gục đó. Nhớ chú Sung vừa chạy vừa khóc trên đường về nhà. Nhớ chú Minh vào chùa một ngày là nhớ nhà đòi về. Nhớ chú Kính có cái chòm bờm

xờm như ổ quạ, nói tiếng Huế trọ trọ mà nhanh như gió.

Tất cả những hình ảnh, những con người trên, bây giờ đã nhạt nhòa đi rồi. Họ đã bị cơn bão lửa thiêu sạch. Phải, chỉ có một cơn bão lửa cực kỳ kinh khiếp mới đủ khả năng thiêu rụi và làm thay đổi bao nhiêu tâm hồn dễ thương của cuộc sống. Chưa đầy một năm rời viện, các chú đã trở thành người lớn để chọn lối đi cho mình. Tôi không biết cơn bão ấy sẽ ảnh hưởng gì đến cuộc đời tôi ngày mai. Nhưng tôi muốn nói với các chú ấy rằng: người lớn thường chọn làm lý tưởng; còn tuổi thơ, giống như những cánh chim non, không bao giờ chọn làm vòm trời mệnh mang xanh biếc của mình cả.

Vòm trời ấy, luôn hiện hữu trong từng giây phút quay đầu nhìn lại. Khi người ta đã chọn nó, người ta không thể nào quên nó được, và khi người ta đã nhìn thấy nó, không bao giờ người ta có thể đánh mất nó được nữa.

HẾT

Ghi thêm:

Sau năm 1975, chú tiểu Vĩnh Khang sống và tu học ở đâu, suy nghĩ và làm gì trước những thay đổi lớn lao của xã hội, đất nước?

Mời xem tiếp tác phẩm *Bụi Đường* trên trang: www.vinhhao.net.

Độc giả nào không có wifi/internet, xin mời đón đọc 15 chương tiếp theo của *Bụi Đường*, tức **Phương Trời Cao Rộng 2**, sẽ được lần lượt trích đăng trên nguyệt san Chánh Pháp trong những số tới.

